

PHỐ THÔNG



TRUNG THU

tăng thêm 16
trang, giá bán
vẫn không tăng

**T a o - Đ à n
P h ỏ - T h ô n g**

«XUÂN DẠ SẼU NGÂN»

YẾT TÂN - SỬ U

1 9 6 1



PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ 3 — BỘ MỚI SỐ 43 — 1-10-1960

- | | | |
|--|-----------------------|---------|
| 1. Trùng Rằm tháng 8, | Ung-Binh Thúc gởi Thị | 7 |
| Trùng Thu Nguyệt | Bạch cư Di | 8 — 9 |
| 2. Người đẹp cung trăng (truyện liên truyện) | Mặc Thu | 10 — 15 |
| 3. Thu và (thơ) | Tôn nữ Hỷ Khương | 16 |
| 4. Người yêu em (thơ) | H. L. | 17 |
| 5. Một đời người (hồi ký) | Thiếu Sơn | 18 — 21 |
| 6. Đêm trăng Thu : Tô đông Pha | Nguyễn Quang | 22 — 26 |
| 7. Ca vũ nhạc Hạ-ngũ-Di | Nguyễn quốc Hùng | 27 — 32 |
| 8. Mùa thu và đĩa « tự dục » của
Cốt-Đột | Vương hồng Sên | 33 — 36 |
| 9. Thu và lòng tôi | Huỳnh khắc Dụng | 37 — 43 |
| 10. Văn sĩ thi sĩ tiền chiến | Nguyễn-Vỹ | 44 — 48 |
| 11. Giấc tình thu (thơ) | Từ Trầm Lệ | 49 |

12.— Nhà Bức học mơ trắng	Trọng Tấu	50 — 54
13.— Thăm kín (thơ)	Trần Tuấn Kiệt	55
14.— Người mẹ của Pearl Buck	Hoàng Thống	56 — 66
15.— Những cuộc tình duyên say sưa	Tân Phong	67 — 75
16.— Khoa học trả lời cho thi sĩ	Hoàng mộng Lương	76 — 82
17.— Thu và Thơ của Japan	Nguyễn Vỹ	83 — 91
18.— Cô gái diên (tiếp theo và hết)	Vi Huyền Đắc	92 — 98
19.— Nhớ mẹ (thơ)	Vũ Tiên Giang	99
20.— Mồ hôi nước mắt (truyện dài)	Nguyễn Vỹ	100 — 106
21.— Những áng thơ hay : Bài thơ chiên niêm	Nguyễn Thu Minh	107 — 110
22.— Những người dân bà lung danh : Dương-quý-Phi	Tân Phong	111 — 118
23.— Đêm thu thượng nhô (thơ)	Lê Thương	119
24.— Minh ơi !	Diệu Huyền	120 — 129
25.— Hồng Nga tiếp Đường Minh Hoàng	Vi Huyền Đắc	130 — 137
26.— Bắp hạn bốn phương	Diệu Huyền	138 — 146

✱ Ngoài những bài ký tên Nguyễn Vỹ, Diệu Huyền, Tân Phong, Ba Tèo, Tạp chí PHỒ THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài-lai-cáo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế.

✱ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

● Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp - chí PHỒ - THÔNG, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG, và dùng viết tắt.

● Gồm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

● Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
Copyright by PHỒ-THÔNG, printed in Việt Nam





Trăng Rằm tháng tám sáng như gương,
 Nhớ chuyện đêm trăng thuở Tống Đường.
 Chén rượu Tao-ông miền Xích-Bích,
 Tiếng đàn ly-phụ cảnh Tầm Dương.
 Cuộc đời dâu bể năng thay mới,
 Bóng nguyệt xưa nay chẳng khác
 thường.

Trăng
 Rằm
 tháng
 Tám

Say tỉnh nỗi kê trong giấc mộng,
 Sang giàu mây nổi thấy mà thương !

UNG-BÌNH THÚC GI (TH)
 (HUẾ)

THƠ BẠCH - CƯ - OI

Thi - sĩ đời Đường :

trung thu nguyệt

Vạn lý thanh quang bất khả tự

Thiên sâu ích hận nhiều thiên nhi

Thùy nhân lũng ngoại cửu chinh thú.

Hà xứ đình liên tận biệt lý l

Thất sủng cố kỳ quy viện dạ

Một phiên lão tướng thượng lâu thì

Chiếu tha kỳ hứa nhân trường đoạn,

Ngọc thò Ngân-thiểm viễn hữu tri.

(Xem nguyên văn chữ Hán
trang kế tiếp)

Dịch :

Văng vặc trăng thu một sắc thanh

Sợi hao sâu hận khắp trời xanh,

Sợi ngòi ải lạnh người xa cách,

Sợi trước nhà không cảnh vắng tanh

Sợi tướng lên lầu khi thất trận

Sợi ai về viện lúc phai tình

Ngân-thiểm ngọc thò hay chẳng tá

Bao kẻ trông trăng xót nỗi mình !

TRĂNG

TRUNG

THU

ĐỖ BẢNG ĐOÀN và BUI KHÁNH DÂN

(Đường Thi trích dịch)

白居易

中秋月

思涯成
霜夜時
斷知
可天
征別院
樓腸有
不
僥久
盡歸上
人
虛
光
恨外
前
蟬將
許
瞻
清
益
隴
庭
破
老
歲
銀
果
愁
人
處
寵
番
他
兒
萬
千
誰
何
失
沒
照
少



MỘT TRUYỆN
LIÊU TRAI MỚI

NGƯỜI ĐẸP
CUNG TRĂNG

* MẶC-THU

MÙA THU năm Tý, nhằm tiết trung-nguyên, đất Trường An rộn ràng mở hội « trông trăng ». Trên mọi nẻo đường, tấp tể, giai nhân ngựa xe dập dề, nhộn nhịp.

Mọi nhà đều trăng đèn kết hoa rực rỡ. Riêng Hàn Sinh, một học trò nghèo trọ tại mái Tây chùa Phổ Quang là vẫn thân nhiên nằm trong thư-trai đọc sách.

Hàn chẳng ra ngoài vì từ lâu vẫn nặng mỗi ưu sầu đau-dầu khôn lòng. Phần khác, quần áo

Hàn không được lành lặn nên chẳng muốn làm hặn mất mọi người đương hớn hở đón trăng.

Vào lúc, trăng tròn vành vạnh, đã chênh chếch dóm song, Hàn liếc mắt nhìn ra ngoài, thấy nhiều bóng lướt-là uyển chuyển đi ngang, phấn hương thoảng theo ngọn gió thu thơm phức.

Hàn thấy động tâm. Cuốn sách trên tay nhìn đã chẳng còn rõ chữ.

Hàn dương hồi hồi, xây đầu trên song cửa hiện ra một khuôn mặt tuyệt đẹp. nhìn Hàn mà nhoẽn cười.

Thấy Hàn vẫn nằm trên kỹ.

ả ngắt một cuống lá ném vào người Hàn mà cợt :

— Gió mát, trăng trong như thế kia, gái đẹp nhờn như đây đường, nằm xuống đọc sách chẳng hóa ra người gỗ hay sao ?

Hàn ngồi nhòm dậy, nhìn vào khuôn mặt tròn của ả mà cợt lại :

— Mặt tròn, đẹp thế kia, nàng tất là Hằng Nga trên cung Quảng ?

Ả lấy vạt áo hoa che nửa miệng cười khúc khích rồi lắc đầu nguầy nguậy :

— Không ! Không ! Thiếp chỉ là kẻ hầu của người đẹp mà chàng đương mong ước. Quả nhiên cô chủ có con mắt tinh đời, đã chọn người đáng chọn. Mà cũng khá khen cho chàng đã sớm biết cái điểm phúc được mời lên cung Quảng đêm nay..

Hàn Sinh ngơ ngác, chẳng hiểu ả muốn nói sao. Những lời Sinh cợt nàng mới rồi hoàn toàn là do ngẫu.nhĩ.

Hàn còn đương ngẩn ngơ, ả đã đến bên giường kéo tay Hàn dậy. Thấy Hàn còn ngơ ngàng, ả mới giảng giải :

— Ả là thể nữ của Hằng Nga

được lệnh chủ xuống mời chàng lên cung Quảng dự tiệc. Nguyên do, mỗi năm Hằng Nga có lệ mời một khách thi nhân tới cung trăng dự yến ngâm thi xướng, họa.

Hỏi những người được mời lên từ trước, ả lồm bồm nhớ được ít tên, trong số có Lý Thái Bạch bên Trung Hoa, và Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu ở Việt Nam.

Lại hỏi về có gì mà mình được chọn, thì ả cười trở vào cuốn sách Hàn đương cầm tay mà nói :

— Cuốn sách chàng đương đọc kia chẳng phải là một có đáng được mời đó sao !

Hàn nhìn xuống tay, cuốn sách « thám hiểm cung Trăng » vẫn còn rõ từng nét chữ ngoài bìa.

Bất chợt, Hàn liếc thấy ả đương lần cời giải lưng lụa trên tấm lưng thon. Lòng dục của Hàn bỗng đâu nổi lên như sóng. Đoán biết ý Hàn, ả đỏ bừng hai gò má, khẽ nguýt Hàn mà trách :

— Ý nghĩ sao mà bậy ! Cô chủ thiếp nói trong loài người có cái giống thi sĩ là thanh, té ra tới nay mới biết họ cũng tục vậy.

Hàn cụt hứng, gặng hỏi :

— Vậy có gì đương lúc trò chuyện nàng lại cời giải lưng ?

À cười :

— Giải lưng này sẽ đưa chàng lên cung Quảng đây !

Nói rồi cầm giây lụa phất mạnh một cái lên không. Giải lưng vụt bay qua song cửa vút mãi lên cao thẳng tới mặt trăng như một chiếc cầu thủy tinh trong vắt.

Hàn đương kinh ngạc, đã nắm tay Hàn sấm-sấm bước vào. Phút chốc Hàn thấy như có ai đẩy sau lưng, toàn thân nhẹ nhàng, lướt đi như gió.

Đang lúc Hàn chớn vờn như trong giấc mộng thì thấy có ai vò mạnh vào lưng. Hàn bừng mở mắt. À mặt tròn đứng bên Hàn, cười :

— Đã tới cung Trăng rồi đây ! Chàng đã thỏa lòng mong ước chưa ? ! Lát nữa có lẽ bên người ngọc xin chớ quên kẻ bắc cầu giao duyên này nhé !

Hàn chưa kịp đáp thì đã thấy một chiếc xe kéo bằng đôi chim bạch trắn, tiến đến trước mặt.

À mặt tròn khe gục :

— Thôi chàng lên xe mau đi ! Có chủ thiếp chắc đã nóng đợi !

Hàn lên xe. Chiếc xe lướt đi êm không nghe thấy tiếng động. Phút chốc, xe dừng trước một dinh thự cực kỳ tráng lệ.

Trên thềm, một gái tuổi chớm đôi mươi, mặt tròn vành vạnh, mỹ lệ tuyệt vời, xiêm y trắng toát, cúi mình thi lễ ! Hàn thăm đoán đó là Hằng Nga.

Chủ khách vừa ngồi, nhã nhạc đã nổi lên tưng bừng. Từng đoàn chim lạ, lông cánh đủ màu, tiến ra trước tiệc xoè cánh múa theo điệu nhạc, trông rất ngoạn mục.

Hàn quay sang hỏi :

— Phải đó là khúc Nghê-Thường ?

Hằng Nga lấy tay che miệng cười, đáp :

— Không ! Khúc xưa đã quá cũ. Đây là một điệu mới thiếp mới phổ nhạc, cho múa thử. Chàng là người đầu tiên được xem khúc múa này đó !

Trên bàn tiệc, bày đủ thứ quả ngon, hoa lạ. Những trái đào lớn như cái đầu, da mịn ứng hồng. Những trái nho đen, nho xanh, nho đỏ, đủ màu trái nào trái nấy tròn vo như trái ổi ?

Hàn vừa ăn vừa thăm nghì : trái cây không thiếu, trên bàn

tiệc để có đủ trăm thức, tươi tốt nhường kia, lại bầy chim đương múa trước sân, té ra những sách ta mới đọc ít lâu nay nói trên cung Trăng không có sinh vật nào sống được, không có thảo mộc nào sống được, không có nước uống, chỉ những đá và đất cằn là lão khoét cả !

Ả Hằng, chừng đoán được ý nghĩ của Hàn, bèn nói :

— Những cái chàng nhìn thấy là những cái mà người khác không thấy được, chẳng phải là điều lạ. Một ngày kia, nếu loài người lên được tới đây, họ cũng sẽ chỉ nhìn thấy như những điều họ đã viết trong sách mà thôi.

Hàn ngập ngừng muốn hỏi. Ả đã đoán ý mà trả lời :

— Không ! Những điều chàng thấy đây là đúng cả, là có cả. Chỉ những điều mà họ nhìn qua ống kính viễn vọng của họ là lầm. Có gì lạ đâu, một chút tài mọn của thiếp là đủ che đậy tất cả những gì trên mặt trăng mà thiếp không muốn cho họ thấy.

Chàng nên nhớ rằng ; tạo hóa đã sinh ra muôn vật thì đều có

dụng ý riêng, và vật nào đều có ích lợi riêng của nó. Tạo hóa muốn dành riêng mặt trăng cho thi sĩ mà thôi, chớ chẳng phải cho các nhà khoa học và nhất là không phải cho những tham vọng vô bờ của loài người..

Hàn ngắt :

— Vậy loài người có mặt trăng ban đêm...

Hằng Nga gật đầu :

— Chính nhờ có thi sĩ mà loài người có thêm mặt trăng đó vậy !

Hàn ngẫm nghĩ rồi nói :

— Loài người mỗi ngày cần mỗi tiến ! Đời sống con người mỗi ngày mỗi đòi hỏi nhiều nhu cầu. Việc làm của nàng, chẳng hay có thật chín chắn hay chưa ?

Hằng Nga cười ròn như châu ngọc gieo trên thềm hoa :

— Con người muốn sống cho có hạnh phúc chẳng phải là ở nơi vật chất. Chàng cho rằng một ngày kia họ chinh phục được mặt Trăng này thì đời sống của con người sẽ bớt đau khổ đi chăng ! Không đâu ! Cho đến bao giờ mọi sự xâu xé giữa người với người vẫn còn thì đâu có được mặt Trăng này trong tay, hay được cả trăm

mặt Trăng khác, còn người cũng mãi đau khổ thế thôi ! Đau khổ vì chính những dự vọng mà họ đã nuôi dưỡng không ngừng, từ ông cha chàng về trước cho tới con cháu chàng sau này cũng vậy. Có một nơi loài người cần thám hiểm, cần chinh phục mà chưa bao giờ họ thám hiểm được, chinh phục được. Đó là ngay « lòng » họ !

Chén rượu, còn ngần ngại trên tay Hàn, Á Hằng cười nói tiếp :

— Hôm nay, mời thượng khách lên cung trăng chẳng phải là để đàm luận những chuyện ngoài văn thơ. Để cho chàng phải ngần ngại suy nghĩ đó là lỗi đáng phạt của thiếp. Chàng đã không nở phạt thì thiếp xin tự phạt vậy.

Nói rồi, tự rót ba chung rượu nâng lên uống cạn. Gò má mịn như nhung, dậy hơi men, thoát đỏ bừng như cánh đào. Đôi mắt long lanh, sóng tình dường đã gọn.

Hàn cũng đã say. Men rượu bốc lên mặt, cũng muốn nhân cơ hội đó gọi trò lơ lửng.

Hàn cười mà rằng :

— Gần đây thi-sĩ họ Vũ có

làm bốn câu thơ, chẳng hay nàng đã đọc hay chưa ?

Hằng Nga nguyệt Hàn một cái trông thật đáng yêu, rồi gật đầu, nói :

— Có, thiếp đã đọc ! Phải bốn câu thơ khích thiếp đó không ? Vũ lang từ xưa tới nay đối với thiếp vốn vẫn là chỗ tương kính. Những lúc chàng làm thơ vẫn có thiếp kề bên. Chắc hẳn chuyển Tây-du mới rồi; Vũ lang gặp những nhà thơ « được màu khoa học » bên ấy, cho nên động tâm, mất cả lòng tin ở sắc đẹp thiếp. Chả là, với những ông kính viễn vọng, những nhà khoa học, họ cho rằng lưng thiếp lõ chỗ có nhiều vết sẹo chớ chẳng mịn màng đẹp đẽ gì ! Năm tới hay một dịp nào khác, thiếp sẽ mời cho được Vũ-lang lên đây để đính chính lại điều đó.

Hàn muốn cợt nàng, hỏi tới :

— Bài đó như sao, e nàng chưa đọc tới chẳng ?

Á Hằng nghiêng đầu khẽ đọc :

*Từ mấy nghìn thu đối mặt trăng
Thi nhân ngắm đã chán cô Hằng
Sao cô chẳng chịu quay lưng lại
Thua về non mềm gái Sở chăng ?*⁽¹⁾

(1) Thơ Vũ Hoàng Chương.

Câu chuyện vẫn thơ kéo dài tới quá khuya chưa dứt. Hàn đương còn cao hứng, Hằng-Nga đã vén xiêm đứng dậy, nói :
— Ta hãy đi dạo một vòng để chàng được rõ thêm cảnh sắc trên cung Quảng.

Hàn vui mà ưng. Hai người lưng thưng sóng vai cùng đi. Hàn càng thấy những điều độc trong sách là sai bét. Dưới chân Hàn cỏ non xanh mơn mớn. Hoa lạ muôn màu khoe thắm khắp nơi. Cây mọc tốt tươi, cây nào cây nấy đều trĩu quả. Đó đây những đàn nai ngơ ngác vừa ngậm cỏ vừa nhìn khách lạ. Đâu đây, có ngọn suối nào róc-rách chảy nghe như tiếng đàn.

Bỗng Hàn quay sang nói :

— Lúc này ở dưới trần không biết ra sao ?

Hằng Nga khe thở dài, đáp :

— Quả nhiên, lòng chàng vẫn vẫn vương trần lụy. Chàng đã muốn biết thiếp nào tiếc.

Nói rồi cúi xuống lấy tay rẽ đám mây cho Hàn nhìn. Hàn-Sinh thấy phía dưới nhà cửa nhỏ li ti, nhưng vẫn trông rõ từng bày trê nô đùa trước những bàn cờ bày giữa sân.

Hằng Nga chỉ tay về một phía nói :

— Phía kia chính là chùa Phổ Quang nơi chàng cư ngụ đó !

Hàn ngậm-ngùi nói :

— Phải chỉ ta cứ ở lại được thì...

Hằng Nga tiếp lời :

— Thì cứ mỗi năm rằm tháng tám
Tự nhau trông xuống thế gian
cười (1)

Phải chàng nghĩ vậy không ? Nhưng căn duyên của chàng còn vướng nhiều nợ tục, chưa phải nhất đán mà rũ bỏ được.

Hàn buồn bã :

— Vậy, chia ly sẽ đến.

Hằng Nga gật đầu :

— Có cuộc tụ nào mà không tán, có hợp nào mà không tan, cũng như mặt trăng này có khi tròn khi khuyết. Cực vui thì sẽ đến cực buồn. Lên đến tột cao thì sẽ xuống tột thấp. Đó là kiếp sống vậy.

Hàn vừa ngánh đi, bỗng thấy có ai đẩy vào lưng, huyệt cẳng ngã chới vói giữa khoảng không, muốn kêu lên mà không được.

Đến lúc nghe « bịch » nhìn ra thì thấy vẫn nằm ở hiền Tây chùa Phổ Quang, cuốn sách « thám hiểm cung trăng » vẫn nằm trơ ở đất ; gió thu thoảng từ vườn vào. Trăng đã chệch cao. Bụng Hàn bồi-hồi không biết là mộng hay thực nữa.

(1) Thơ Tản-Đà

THU VỀ



Hơi Thu lạt thoáng về đây...
Cảnh trời Thu nhuộm cỏ cây úa tàn.
Trăng Thu lạnh, ánh vàng man mác,
Gió Thu reo xào-xác bờ lau
Tiếng Thu dâng khúc nhạc sầu,
Tình Thu chan chứa một màu nhớ thương !
Trên dòng nước sông Hương lơ lửng,
In bóng mây hồ hững hờ trôi xuôi,
Nước, mây, ước hẹn những lời
Rằng : Mây với Nước suốt đời vẫn vương...
Tình Mây Nước yêu đương đắm-thắm,
Cỏ lác đơ lặng ngẫm Nước Mây.
Trời chiều khuất bóng non Tây,
Xa xa tiếng nhạn lạc bầu kêu sương...
Thu về, bao nỗi nhớ thương !

Tôn Nữ HỖ - KHƯƠNG (Huế)

Người yêu em, vì em hay mắc cỡ,
Lúc bóng người gần gũi đứng bên em,
Khi nghe thơ ca tụng mái tóc huyền,
Lúc ngó bướm dập dờn nhau quyến luyến.



Người yêu em, vì bước em uyển chuyển,
« Như Hằng-Nga — người nói — hiện về đây,
« Bước nhẹ nhàng, tà áo phất phơ bay »
Người ngắm mặt « bức tranh mơ tuyệt điểm ! »



Người yêu em, vì em hay cười mỉm,
Lúc đàn em reo-rất mỗi duyên tơ,
Lúc mắt người dịu-dịu ngắm... bóng quơ,
Rồi nhỏ nhẹ, người rằng : « Em đẹp lắm » !



Người yêu em, vì em hay sầu cảm
Khi nắng buồn, gió nhắc chuyện mưa Ngâu,
Khi chiều rơi... gợi nhớ mộng ban đầu,
Lúc thấy lá thu vàng rơi ảm đạm.



Người yêu em, bởi vì em... (chăm... chăm),
Xin hiểu cho : nghĩa thuần-túy Á-đông,
Và nói ra : hết ý vị trong lòng !
Ồ sung sướng ! Người yêu em tha thiết !

H. L. (Huế)

HỒI KÝ

Một Đời Người

PHẦN THỨ HAI

XVI

HẾT ĐỜI CÔNG CHỨC

(Tiếp theo P.T. số 42)

TÔI đã dành một chương nói về tiết-tháo của trí thức Việt-Nam trong thời - kỳ kháng chiến. Nhưng nói người rồi ngẫm đến mình, thấy rằng mình vẫn làm việc cho Tây, ăn lương của Tây và không xứng đáng với những cái mình không tiếc lời ca ngợi. Đành rằng không ai nở mở miệng trách mình nhưng họ nghĩ về mình như thế nào ? Rồi những anh em đi kháng chiến khi trở về sẽ ngó mình ra sao ? Rồi những người tuy sống ở trong vùng tạm chiếm mà vẫn chịu nghèo, chịu đói chứ không chịu cộng tác với kẻ thù của dân tộc,

những người đó sẽ nghĩ về mình như thế nào ? Càng tăng lương càng lãnh nhiều truy cấp, lòng càng bức rứt, không an.

Tôi đem nỗi lòng ra ngỏ với vợ tôi và lại có ý kiến xin từ-chức nữa. Vợ tôi trả lời : « Tùy ý anh ». Nhưng từ chức thì sẽ làm gì có tiền để nuôi vợ, nuôi con, nuôi gia đình ? Tôi liền nghĩ đến bao nhiêu người đã bỏ sở luôn từ ngày Tây trở lại, sao người ta vẫn sống được ? Tôi cương quyết làm đơn xin từ chức và cố nhiên lá đơn đó đưa tới tay George Kling trưởng phòng nhân viên sở Bưu điện, người mà tôi đã nói ở đoạn trên.

Trong đơn tôi cũng nói rõ những lý lẽ tại sao tôi đòi từ chức nửa sau khi đã bằng lòng ở lại làm việc trong suốt một năm trường. Tôi nói rằng tôi không phủ nhận lòng tốt của người trên nên phải vâng lời ở lại để đáp ơn tri-kỷ. Và lại lúc đó tôi hy vọng rằng những hiệp ước sẽ được thi hành để chấm dứt chiến tranh. Nhưng nay chiến cuộc đã lan tràn khắp xứ thì sự có mặt của tôi trong một công sở thuộc địa là sự có mặt của một tên cộng tác với địch, tôi buồn rầu mà ra đi nhưng tội nhực nếu ở lại.

Anh Kling ngâm ngùi hỏi tôi :
 « Anh đã nghĩ tới vợ con anh chưa ? Anh có mấy đứa con ? »
 Tôi đáp : « Tôi có 5 đứa con và đã nghĩ tới gia đình trước khi đưa đơn từ chức. Tôi có viết sách, viết báo và tin rằng cây viết của tôi có thể kiếm tiền nuôi gia đình được. »

Anh Kling bảo tôi suy nghĩ lại rồi bữa sau sẽ cho anh hay đề xin rút đơn lại hay gửi đơn đi.

Đêm hôm đó thật là một đêm thù thách, hết nhìn vợ, nhìn con rồi lại nghe tiếng lòng thồn thức.

Vợ tôi là một thiếu phụ hiền lành từ ngày về làm bạn với tôi chỉ lúc thức ở gia đình để phục vụ chồng con chứ không còn muốn biết gì tới những chuyện ở ngoài đời. Chúng tôi vì duyên vãn tự mà kết hợp vợ chồng, nhưng từ ngày nàng nhận lãnh vai tuồng mới thì nàng hy sinh luôn cây viết của mình để lo việc nội trợ cho tôi được rảnh rang tâm trí mà ôm ấp đèo bồng những mộng con và mộng lớn. Con tôi, đứa lớn chưa đầy 14 tuổi, đứa nhỏ chưa đầy 4 tuổi. Chúng tôi không có của phụ ấm, không có một miếng đất cắm dùi mà cũng không có tiền dự trữ. Những tiền nhuận bút của tôi và những tiền thù may của vợ tôi nhập lại chẳng đáng là bao. Tóm lại, chúng tôi chỉ sống nhờ đồng lương công chức mà tôi đã lãnh trong 17 năm trường. Tôi còn nhớ trong những năm kinh tế khủng hoảng mà địa chủ phá sản, mà nhà buôn vỡ nợ, mà thiên hạ nheo nhóc vì thất nghiệp và nghèo đói, có những đêm tôi chiêm bao thấy chính tôi cũng không có công việc, làm ăn và chịu chung số phận của mọi người. Tôi la hoảng lên rồi bừng mắt tỉnh giấc thấy mình chiêm bao. Những lúc đó tôi đã nhẩn

nhục chịu đựng tất cả để cố giữ lấy chén cơm. Nhưng sao bây giờ tôi lại nằng nằng từ bỏ cái chén cơm đó để thi đua về tiết tháo với đời. Nếu tôi chỉ có một thân một mình thì sự hy sinh đó còn chưa mấy khó khăn. Nhưng nay tôi đã có vợ và 5 đứa con thơ, tôi thấy cả một vấn đề trách nhiệm và lòng rối như tơ vò. Con tôi còn nhỏ dại, chúng nào có biết gì? Nhưng nếu vợ tôi cương quyết cản trở thì chắc chắn là tôi sẽ xin rút đơn lại. Khốn nỗi, vợ tôi còn trọng nghĩa khí hơn tôi, tuy không đốc thúc tôi nhưng đã có một thái độ bình tĩnh, can đảm làm cho tôi thêm can đảm mà giữ vững lập trường.

Bữa sau tôi lại gặp Kling để trả lời cho anh hay rằng tôi không đổi ý. Kling mời tôi ngồi để nói chuyện với anh lâu một chút. Anh nói:

« Tôi không có trách nhiệm gì trong cuộc lưu huyết ở Đông-dương. Tôi là một công chức, nếu không làm việc ở đây thì tôi vẫn có chỗ làm ở Pháp hay ở một nơi khác. Tôi không muốn cho nước Pháp bị một nước khác cai trị thì tôi cũng không muốn nước anh chịu số phận đó, dầu là đối với nước Pháp cũng vậy. Nhưng tôi bất

lực trước một tình trạng đáng tiếc đã xảy ra ở đây.

Xưa nay người Pháp thường tìm hiểu dân tộc Việt Nam qua những viên thư ký và những bồi bếp của mình. Nay tôi gặp được những người Việt Nam có tinh thần bất khuất, biết trọng danh dự và nhân cách của mình. Chính những người đó mới là những người tiêu biểu cho dân tộc các anh. Từ trước tới nay, anh với tôi, cấp bậc khác nhau, danh phận khác nhau vì là kẻ trên người dưới. Nhưng từ đây về sau, anh là bạn của tôi, một người bạn đáng kính, đáng yêu. Tôi cầu chúc cho anh may mắn trong nghề cầm bút để cấp dưỡng gia đình. Mỗi khi anh có việc gì cần đến tôi thì cửa này sẵn sàng rộng mở để tiếp đón anh... »

Tôi cảm động mà siết chặt tay anh. Và từ ngày đó mỗi khi có kỷ niệm, tiệc tùng anh đều mời tôi tới dự cùng với Hervochon là đồng chí của tôi và là đồng sự của anh.

Anh Kling có viết một cuốn sách nhan đề « Thơ Saigon » (Les lettres de Saigon) trong đó anh nói về khí hậu chánh trị ở Saigon, về cuộc kháng chiến anh hùng của dân tộc Việt-Nam, về

giới trí thức ở Thủ đô Nam phần và nhắc tới trường hợp của tôi với những lời trọng hậu.

Sách của anh gợi dự một cuộc thi văn chương ở Pháp và được trúng thưởng. Tôi nhận thấy rằng cuộc tranh đấu của nhân dân Việt Nam đã đem đến nhiều sự thay đổi trong đời sống tinh thần và tình cảm của mỗi hạng người trong xã hội. Người trí thức bớt thái độ kiêu kỳ. Kẻ bình dân bớt tự-ti mặc cảm. Những cách biệt về giai cấp và địa vị xã hội bớt sâu đậm nặng nề. Ai cũng thấy cá nhân mình nhỏ bé trước sức quật cường của dân tộc và cùng thấy dự phần vinh quang nếu mình có trực tiếp hay gián tiếp tham gia kháng chiến. Kháng chiến có sức thôi miên kỳ diệu làm cho mọi người khăng - khít với nhau, không phân biệt giàu, nghèo, sang hèn, trí thức hay

bình dân. Mỗi ý nghĩ, mỗi việc làm đều bị chi phối bởi sức thôi miên đó.

Chính tôi cũng bị chi phối nên mới dấn xin từ chức, rút bỏ một chỗ làm tuy không cao sang nhưng vững chắc đã nuôi sống tôi và gia đình tôi suốt 17 năm trường.

Ngay người Pháp cũng rút bỏ được nhiều thành kiến về dân tộc Việt-Nam. Có những kẻ thiên cận thì chê người V.N. phần trắc và bội bạc. Nhưng biết bao người đã kinh ngạc và khâm phục lòng ái quốc và chí hy sinh của người mình. Kling ở trong số những người đó. Anh đã mở rộng tầm mắt để thấy rõ dân tộc Việt Nam và mở rộng cửa lòng để tiếp đón một người bạn Việt Nam là tôi. Tôi cũng xúc động mà tiếp đón lòng anh.

(Còn nữa)



✧ LÀM CHỨNG

Quan-tòa.— Sao anh còn chối ? Rõ ràng có 5 người làm chứng thấy anh lấy trộm cái xe máy kia !

Bị cáo.— Thưa quan tòa, tôi có thể kiểm 500 người làm chứng không thấy tôi lấy trộm cái xe máy kia !

ĐÊM TRĂNG THU LÀ
ĐÊM CỦA THI NHÂN ?

TÔ ĐÔNG PHA

với đêm trăng
vằng vặc

★ NGUYỄN-QUANG

MỘT đêm, trăng thu sáng tỏ như ngọn đèn trời soi xuống.

Về tiết Trung Thu, Tô Đông Pha thường nghe nói trên núi Ngũ Linh Phong có hai vị đạo sĩ, trước kia, đều là hai bậc văn nhân thi bá nổi tiếng, đang tu hành tại đó.

Bởi vậy, văn kỳ, thanh bất kiến kỳ hình, hằng miễn văn tài, ý thơ đẹp của hai nhà đạo sĩ, nhưng chưa hề thấy mặt trông hình, nên ngày Trung Thu, Đông Pha cùng một vài văn hữu thi nhân lên núi Ngũ Linh Phong, để kiếm cho được thấy rõ hai danh nhân ấy.

Mặt trời đã xế, hoàng hôn đang chạy dài trên muôn cảnh

cây kẻ lá xanh rì rung rinh trước gió ngàn, và núi rừng âm u như một bức tranh tuyệt đẹp.

Càng đi tới, càng thấy vắng vẻ, trăng vẫn sáng, chỉ có nhành lá xanh tươi đang lung lay trước gió, như vẽ như thêu xuống đất những nét họa mờ huyền, Tô Đông Pha nhìn, đường xa thăm thẳm tuyệt mù, thấy hiện ra một cảnh trước mắt như có cửa động.

Đông Pha, vui tươi, lệ làng, chỉ cho các bạn và nhẹ nhàng bảo :

— Không còn bao xa nữa đâu, các hiền huynh ơi, chỉ còn 5, 7 bước nữa là tới động các đạo nhân ấy rồi. Chúng ta hãy bước mạnh lên...

Đồng Pha chống gậy trúc, xắn bước đi trước, các bạn hữu đi theo sau.

Vừa tới cửa động, bỗng thấy một lão già đầu bạc như bông gòn từ phía trong hẻm hồ đi ra.

Ông lão này liền gọi :

— Kính chào Tô Thái Thú !

Đồng Pha rất đỗi ngạc nhiên, vì tại sao ông lão già này lại thông hiểu tên họ và chức tước của mình như thế ?

Với nét mặt vui tươi, không hao giờ vương một nỗi buồn, ông lão già, tóc bạc phơ, xám xám tới bắt tay Tô Đồng-Pha mà nói rằng :

— Lão đây vốn hiệu là Thanh Hoa đạo nhân, xưa kia, tên họ Lưu Hộ, gác bỏ cuộc đời phồn hoa náo nhiệt, lên đây, bấm đốt ngón tay, tính lại đã ngoài 80 năm năm qua, để theo tôn sư học đạo Hoàng Đình.

Đem tâm hồn nguyện cùng núi non hoa cỏ muôn màu, ưa vui nghe tiếng suối réo qua các khe đá, và tiếng chim kêu lạc đàn, không còn để bước tới thị thành làm chi nữa.

Tuy thế, trong hơn 80 năm trời, tìm thầy học đạo, lão

đã thụ được bí thuật huyền môn, nên đoán biết ngay rằng đêm nay, một đêm trăng thu và gió thu, thế nào Tô hiền huynh cũng lên chơi.

Bởi vậy, lão vội vã ra tận nơi đón tiếp.

Dám mời Thái Thú và các chư vị danh hiền vào sơn động, để thưởng thức cái cảnh đẹp tuyệt vời của mùa thu...

Nói xong, người đạo sĩ chậm rãi đi trước, còn Đồng Pha và các bạn đều nối gót theo sau.

Vừa đi được hơn vài bước, thì đã thấy một dãy cây anh đào, hoa đơm như vẽ.

Bên trong, lại có một dòng nước trong xanh đang mờ dưới ánh trăng, ngạc nhiên, Đồng Pha hỏi :

— Hoa đào thường nở mùa xuân, nhưng nay là tiết thu, sao lại có hoa đào nở ?

Đạo sĩ tươi cười, nói :

— Thưa rằng, Thái Thú nào có, biết ở đây đâu, các hoa đều nở cả 4 mùa.

Vào trong động, không thấy gì cả, chỉ có mọi vật toàn bằng đá lướt trên bãi cỏ láng sạch, như có người hằng lau chùi.

Gió thổi đưa lên mùi hoa

thơm bát ngát, khiến cho mọi người, lúc này, nhẹ nhàng lâng lâng, quên hết những nỗi nhọc nhằn ở trần gian.

Đạo sĩ trình trọng mời Đồng Pha và các văn hữu ngồi trên tấm đá láng ngời, có hoa văn mẫu, và gọi hai chú tiểu đồng đem hồ ly rượu ra.

Một nhát sau, hai tiểu đồng đem bầu rượu đào tới và các thức ăn : nào thịt dê rừng, nào gỏi gấu, nào nem công, nào chả phụng và một nắm quả tử như : trái đào, trái lê, trái hồng, trái lê chi, trái long nhãn... mà cỏi trần không dễ gì mua được.

Bầu rượu đào đưa lên mùi thơm nức hơn các thứ rượu quý nhút của các phú gia ở kinh kỳ.

Hai chú tiểu đồng vừa để xuống trên bàn đá trắng, thì có một chàng trai ngoài 30 tuổi, người thanh lịch, tay cầm bầu rượu, từ ngoài động tiến vào.

Thanh Hoa đạo sĩ vừa cười lên, vừa nói : « Bạn Chu Sinh đã tới kìa, rõ là như lời ước hẹn đấy ! »

Nghe nói, người trai ấy là Chu Sinh, thì Đồng Pha liền đứng dậy thủ lễ, chấp tay vái

chào.

Chu Sinh đạo nhân nắm chặt tay Đồng Pha niềm nở nói :

—Thưa biết rằng, Tô Thái Thú, một bậc văn nhân thi bá, không ngại đường xá xa tới đây, nên bản đạo xin hoan hỉ đến yết kiến, để cùng nhau đàm đạo cho hết đêm nay, một đêm trăng thu, cho cạn tình thơ ý nhạc... kéo người trên non kẻ dưới trần, ít khi nào được gặp nhau!...

Tô Pha vui vẻ thưa lại :

— Chân thành, xin đa tạ thịnh tình quý hữu...

Nói xong, cả 8 người đều ngồi xuống trên nệm đá, cùng nhau nâng ly rượu đào, thưởng vùng trăng đẹp.

Thì, bỗng nhiên, bên tai nhân thể lại nghe có tiếng sáo du dương và tiếng đàn réo lên những giọng tơ đồng.

Đồng Pha ngạc nhiên chưa kịp hỏi, thì Thanh Hoa đạo sĩ đã nói ngay :

—Đó là 'không trung nhạc', vì đêm thu nay, trăng sáng, các thượng khách tới thăm bản đạo, nên có Ban nữ nhạc không trung đến giúp vui cuộc rượu Trung Thu, để lưu lại kỷ niệm.

Đông Pha hỏi :

—Khúc nhạc ấy là khúc nhạc gì ?

Đạo sĩ đáp : là khúc nhạc Nghệ thương của tiên nữ.

Tô Đông Pha lắng tai nghe trong khúc nhạc có tiếng hát du dương, lạnh lớt, lại nói :

—Nghe được tiếng hát véo-von, ước gì được thấy rõ người ca nữ ấy !

Thanh Hoa đạo sĩ lấy chiếc đũa ngà gõ nhẹ trên mâm đá, liền thấy 2 thiếu nữ xinh tươi, áo quần tha thướt, tặn trên không trung, trong đám mây mờ, từ từ, xuống đứng trước, rồi hé môi, cúi đầu, chào thượng khách.

Đạo sĩ liền nói :

— Đây là các nữ thị giả của Xích Cước Đại tiên do bản đạo mượn xuống để giúp vui cho các thanh nhâ văn nhân.

Hai thiếu nữ vẫn múa hát những bản nhạc mê ly.

Đông Pha lắng tai nghe, thỉnh thoảng, lại liếc mắt trộm nhìn các nữ tiên tử.

Tô dáng c-lệ, nữ tiên tử nâng ly rượu đào, vừa múa vừa hát những bản nhạc mà thế nhân chưa bao giờ được nghe qua.

Thấy Tô Đông Pha say túy lúy say mê hồn, Đạo sĩ liền lấy nước Cam-lồ rưới tỉnh dậy và nói rằng :

—Xin Cao sĩ và các văn nhân thi bá lưu lại cho bản đạo vài lời thơ, ý đẹp, trong buổi đêm thu này..

Đông Pha, tận hưởng cảnh đẹp, liền ngâm 2 câu :

*Đối tửu hà niên Đường Lữ
Bach,*

*Liên hương kim dạ, Tống Đông
Pha.*

Cuộc vui đêm thu kéo dài tới canh tư, thì bóng trăng, từ từ, chìm trong áng mây mờ.

Tô Đông Pha yêu cầu hai đạo sĩ biểu diễn cho xem rõ những phép thần thông.

Nhận lời, Đạo sĩ Thanh Hoa liền đứng dậy, cầm ly rượu đào, từ từ đổ vào lòng bàn tay, rồi lại rưới xuống nệm đá, thì mây ngũ sắc liền hiện ra trước mắt, quần tiên cỡi hạc chạy xuống, nhảy múa hát lên giữa không trung.

Một lát sau, Thanh Hoa Đạo nhân trở hai ngón tay lên trời, thì quần tiên đều biến mất.

Kể tiếp, Ch u Sinh đạo nhân lấy một nắm đũa ngà tung lên,

các chiếc dứa nối nhau, làm thành cái thang dài ngàn trượng, rồi bước từ nấc này lên nấc khác.

Mọi người trông thấy rõ, Chu Sinh tay đang cầm vành trăng.

Tận trên cao, Chu Sinh đạo nhân từ từ bước trở xuống, thì gà vừa gáy sáng, bóng trắng đã nhạt dần dần.

Thanh Hoa đạo sĩ, cầm ống tiêu, thổi lên những bản nhạc véo von, giữa vòm trời xanh ngát.

Gió tứ hướng vẫn cứ thổi lại, làm rung rinh những cây anh đào bên ngõ động.

Các thượng khách như qua một giấc mơ huyền.

Sau khi tiếng sáo của Thanh Hoa đạo sĩ ngưng, thì, từ hướng tây, có 12 con hạc trắng nhẹ nhàng bay lại.

Nhìn thấy 2 tiên nữ cỡi trên lưng 2 con hạc, nhảy xuống,

cúi đầu, chào từ giả chư khách, rồi, từ từ bay bổng lên mây cao.

Còn 8 con hạc bạch khác lại nằm ẹp trên nệm đá.

Hải đạo sĩ cúi đầu thi lễ, kính mời 8 vị văn hào thi bá lên lưng hạc, để hạc đưa về dương trần.

Và, hai đạo sĩ cũng đồng lên hạc tiễn đưa khách thượng lộ với một nỗi niềm lưu luyến, tưởng chưa bao giờ phai mờ trong trí nhớ.



Có chăng, cái đêm nay, một đêm nền trời không gợn một áng mây buồn, trăng sáng hơn sao, và gió lướt qua nhanh cây làm lung lay kẽ lá, như muôn hạt kim cương, các nghệ sĩ văn nhân, các thi hào nên uống rượu thưởng trăng, ngâm thơ, để cho tâm hồn vui bớt đi nỗi nhọc nhằn của cuộc sống hằng ngày.

Vì chăng, đêm nay, trăng Thu đẹp quá!



★ Danh ngôn : Nóng giận

Lúc nóng giận không nên nói. (Tais-toi quand tu te fâches)

LÉON TOLSTOI (Văn-sĩ Nga)

GA



VU



NHẠC



HẠ-UY-DI

★ NGUYỄN-QUỐC-HÙNG

QUẦN-ĐẢO Hạ-uy-di, tiểu bang thứ 50 của Hợp-chủng-quốc Mỹ, ngày nay đã không còn xa lạ gì đối với chúng ta nữa. Chúng ta đã biết Hạ-uy-di với trung tâm quân sự Trân châu cảng (Pearl Harbour), với bãi biển Waikiki sớm chiều bầu trời tươi đẹp, biển rộng mông mênh, đợt dừa cao vút, cát vàng thoai thoải..., chúng ta đã biết Hạ-uy-di với những nhà máy làm đường tỏi tân miền

Kauai, những âm nhạc Hạ-uy-di thì hình như vẫn chưa làm quen nhiều với đa số dân Việt. Thật vậy, chính ở quần đảo Thiên đường ấy, một nền âm nhạc đặc biệt đã phát sinh và từ xưa tới nay làm say lòng bao du-khách. Ở đây chúng tôi xin giới thiệu với các bạn yêu nhạc kho tàng âm thanh ấy.

Phần lớn chúng ta thường lẫn lộn nhạc Hạ-uy-di với những nhạc phẩm ngoại quốc khác được trình diễn bằng đàn Hạ-

uy-di bởi những nhạc công Việt Nam trong dải phát thanh, trong các phòng trà, hay bởi những nhạc công không phải là người Hạ-uy-di. Do đó, ít người để ý đến nhạc Hạ-uy-di cổ truyền và thuần túy. Thực ra, đàn Hạ-uy-di chỉ hay khi chơi những nhạc phẩm của người Hạ-uy-di, lúc đó bản sắc Hạ-uy-di mới được nổi bật lên. Những người sành nghe nhạc Hạ-uy-di rất khó chịu khi nghe những nhạc phẩm không phải của Hạ-uy-di mà lại được trình diễn bằng đàn Hạ-uy-di. Ngay trong các đĩa nhạc của người Pháp hay Mỹ trình bày nhạc Pháp hay nhạc Mỹ bằng đàn Hạ-uy-di, chúng ta cũng chỉ thấy một kỹ thuật hơn là một rung động vì một lẽ rất giản dị là những nhạc phẩm ấy không có một nét Hạ-uy-di nào.

H ÒNG TA tự hỏi
nhạc Hạ-uy-di thế
nào mà có tính cách
đặc biệt như vậy.

Thực ra, chúng ta có thể thông cảm với nhạc Hạ-uy-di dễ dàng hơn là diễn tả nền âm nhạc đó bằng lời. Tuy nhiên chúng ta

cũng có thể tóm tắt bằng một câu : « Nhạc Hạ-uy-di bắt nguồn từ thiên nhiên và hoàn toàn do thiên nhiên mà ra. »

Được thừa hưởng những ưu - đãi của thiên - nhiên về khí hậu và địa thế, lại thêm có những phong cảnh mê hồn, người Hạ-uy-di đã tỏ ra có một nếp sống rất nghệ sĩ. Từ lúc lọt lòng, họ đã sống giữa trời cao biển rộng, hoa lá xinh tươi nên họ chịu ảnh hưởng của thiên nhiên rất nhiều, nền âm-nhạc Hạ-uy-di đã phát sinh giữa những khung cảnh thần tiên ấy. Và qua tâm hồn phóng khoáng, dễ rung động, âm nhạc đã là một phương tiện diễn tả lại thiên nhiên. Tất cả những nhạc khí đều là những dụng cụ ghi lại hình ảnh, âm thanh của thiên nhiên và nếp sống của người dân trong cảnh thiên nhiên ấy.

Người ta nghe thấy ở nhạc Hạ-uy-di tiếng sóng vỗ, tiếng gió thổi, tiếng chim kêu, tiếng lá dừa xào xạc ; người ta nhìn thấy qua nhạc Hạ-uy-di hình ảnh đám mây hồng một sớm bình minh ở đảo, hình ảnh nhịp nhàng của đàn hải âu một buổi

hoàng hôn trên biển cả, hình ảnh một bóng dừa đậm nét trên làn cát phẳng trong một đêm trăng biển dịu hiền, hình ảnh muôn màu có một buổi hội hè nhẩy múa... qua tiếng nhạc, người ta lại còn có thể cảm thấy cái yên lặng uể-oải của một buổi trưa hè miền nhiệt đới, cái ồn ào nhộn nhịp trên bãi biển một buổi đẹp trời. Như vậy nhạc Hạ-uy-di diễn tả ngoại giới, nhưng không vì thế mà nhẹ về phần tình cảm, chính là nội tâm và ngoại cảnh đã hòa hợp làm một. Chúng ta biết rằng thiên nhiên bao giờ cũng là nguồn cảm hứng vô tận, vì thế nhạc Hạ-uy-di rất phong phú và có những góc cạnh sống động, muôn hình muôn vẻ. Do đó, nhạc Hạ-uy-di có những tính chất độc đáo mà không một dàn nhạc ngoại quốc nào diễn tả nổi, cũng vì vậy nhạc cụ Hạ-uy-di không phải để diễn tả bất cứ một nhạc phẩm nào.

Nói như thế để thấy rằng muốn hiểu nhạc Hạ-uy-di thì chúng ta phải nghe nhiều hơn là khảo cứu bằng sách vở, chúng ta sẽ thấy cách kết cấu với những nét hết sức đặc biệt.

Lối hòa âm của người Hạ-uy-di cũng vậy, họ cần diễn tả những âm thanh của thiên nhiên và những rung động chỉ có thể cảm thấy chứ không nói lên được trước cảnh thiên nhiên ấy cho nên chúng ta luôn luôn được nghe những lối hòa âm lạ lùng rất thích thú, nhiều khi bất chấp cả luật hòa âm nữa.



NẾu âm-nhạc đã đặc-biệt thì những nhạc khí diễn tả nền âm-nhạc đó cũng phải đặc-biệt, và những nhạc khí Hạ-uy-di đã đặc-biệt thật. Chúng tôi xin kể qua những nhạc-khí đã được thấy tận mắt, sờ tận nơi và nói sơ lược về tính chất của các nhạc-khí ấy.

Nhạc-khí chính để diễn tả nhạc Hạ-uy-di là cây đàn 6 dây mà chúng ta quen gọi là Hạ-uy-cầm (tức là Lục huyền cầm Hạ-uy-di nói gọn lại). Đàn này có các dây căng trên một cán dài có chia cung bậc và một thùng trống. Sau này, khi người Mỹ thấy rằng cần phải làm cho tiếng đàn đó lớn hơn khi chơi ở những nơi rộng lớn và để khỏi bị át bởi những nhạc khí

phụ họa, họ bèn lắp điện cây đàn này. Họ dùng nam châm và những cuộn dây đồng để hút lấy những rung động của dây đàn rồi truyền những rung động ấy vào một cái ampli, và cuối cùng, tiếng đàn được phát ra bởi một bộ phận khuếch-thanh (haut parleur). Vì không cần thùng trống nữa nên Hạ-uy-cầm điện có một hình dáng rất gọn-gàng và đẹp mắt. Hạ-uy-cầm điện có tiếng ngân quyển rữ và âm-sắc khác hẳn với âm sắc của các loại nhạc khí ngoại quốc khác. Nó có thể cho ta những tiếng dứt nhọn bén như tiếng dương cầm và cũng có thể cùng một lúc cho ta nghe một chùm hòa âm. Đặc biệt với những nhạc công chơi khá, áp-dụng lối mở nút to nhỏ bằng bàn tay phải, Hạ-uy-cầm còn tạo ra được những tiếng nhạc giống hệt tiếng vĩ cầm ở những nốt cao và tiếng saxo ở những nốt thấp. Dùng lối mở nút điện và chơi trên cả 6 giây, nhạc công còn tạo ra được tiếng sóng rất-rào tràn lên bãi cát hay tiếng gió xào xạc len lỏi qua các hàng dừa... Với những lối đánh son harmonique, nhạc công có thể cho ta nghe tiếng chuông chùa,

chuông nhà thờ hay tiếng xylophone. Ngoài ra, Hạ-uy-cầm không phải chỉ có một lối lên dây mà có rất nhiều lối, thay đổi tùy theo âm giai của bản nhạc và lối hòa âm của nhạc công. Như vậy nhạc công phải có một trí nhớ đáng kể vì mỗi khi đổi lối lên dây, tất cả những nốt nhạc trên phím đàn đều đổi chỗ, nghĩa là, với mỗi lối lên dây, Hạ-uy-cầm lại là một cây đàn khác. Xem thế, Hạ-uy-cầm đòi hỏi ở người chơi một kỹ thuật sử-dụng già dặn và tế nhị, nó cho ta nghe những âm thanh có tác dụng truyền cảm mãnh liệt.

Các nhạc công Hạ-uy-di khi sử dụng Hạ-uy-cầm thường đứng và để đàn nằm ngang trên một cái giá cao tới bụng, nhưng cũng có nhiều người hay ngồi để tránh sự mỏi mệt khi trình diễn lâu. Khi ngồi, nhạc công để đàn nằm ngang trên hai đùi, bàn tay trái cầm một cái bloc bằng kim khí nặng, thường có hình trụ, bloc được kẹp giữa hai ngón trỏ và giữa để nhấn lên các dây đàn, bàn tay phải đeo 3 móng bằng nhựa hoặc bằng kim loại ở các ngón cái, trỏ và giữa để gảy các dây. Dây của Hạ-uy-cầm điện không phải là những

dây inoxydable, vì với những dây này, nam châm không hút được nên đàn không kêu. Do đó dây Hạ-uy-cầm điện rất hay bị rỉ sét, nhạc công phải luôn luôn thay dây mới để giữ cho tiếng đàn được ngọt ngào.

Khi hát hay khi đàn, người Hạ-uy-di thường có những nhạc khí phụ họa mà nhạc khí phụ họa đặc biệt và có tính cách địa phương nhất là cây đàn Ukulele. Đó là một thứ nhạc khí khá lạ lùng đối với đa số chúng ta, nó rất nhỏ, có thể nói nhỏ nhất trong các loại đàn dây, có hình dáng của chiếc Lục-huyền-cầm Tây-ban-nha thu nhỏ lại, nhưng chỉ có 4 dây. Những dây này lại cũng không phải bằng kim khí mà bằng một chất nhựa, do đó đàn Ukulele có tiếng kêu rất đặc biệt. Đàn này chỉ dùng để phụ họa trong các dàn nhạc hay hợp-ca Hạ-uy-di mà thôi, không bao giờ chơi giọng chính. Tuy nhỏ nhưng nó cũng có đầy đủ âm giai cần thiết. Nghe một chiếc Ukulele chơi một mình, có thể nói chúng ta thấy « không ra cái gì cả », nhưng nghe tiếng Ukulele phụ họa trong những bản hòa tấu hay hợp ca, chúng ta

có cảm tưởng được nghe tiếng xào xạc của những ngọn dừa chạm nhau trong một chiều lồng gió. Khi xử - dụng, nhạc công ôm cây đàn nhỏ bé lên ngang ngực, bàn tay trái bấm những âm giai trên phím đàn và ngón trỏ của bàn tay phải đồng thời chuyển động trên 4 dây theo nhịp điệu của bản nhạc.



Ngoài đàn Ukulele, một dàn nhạc Hạ-uy-di thường dùng Tây-ban-cầm để phụ họa và giữ nhịp. Tây-ban-cầm là một nhạc khí rất thông thường đối với chúng ta, nhưng chúng ta cũng không khỏi thắc mắc tại sao một nhạc khí Tây ban nha lại thường đi với những nhạc khí Hạ-uy-di mà sự cách biệt rõ rệt về địa lý của hai miền này là một lý do. Thực ra, trước kia nhạc công Hạ-uy-di chỉ phụ họa bằng Ukulele, nhưng sau này nhiều

người thử dùng Tây-ban-cầm để giữ nhịp và phụ họa trong những dàn nhạc và ban hợp ca, và họ thấy hòa hợp. Tuy nhiên đây là sự hòa hợp dễ chịu chứ không đến nỗi như cổ kim hòa điệu của chúng ta.

Ngoài hai thứ đàn dây trên đây, người Hạ-uy-di còn dùng nhiều nhạc-khí phụ, họa khác, rất đặc biệt về hình dáng, về tiếng kêu và về tính cách địa-phương. Đó là những quả xóc làm bằng phần dẫn nhất của trái dừa, bên trong có những hạt sỏi nhỏ. Quả xóc này không có cán để cầm như chúng ta thường thấy mà chỉ có cái núm ở bên trên, vì ưa màu sắc nên ở cái núm này, người Hạ - uy - di thường kết hoa lá sặc sỡ. Họ ít khi lắc để cho quả xóc kêu mà hay đập vào đùi, vào tay hay vào vai, nhất là trong khi múa.

Họ lại dùng những cặp castagnettes như của Tây-ban-Nha nhưng không phải bằng gỗ mà là những vỏ hến lớn ở biển.

Người Hạ-uy-di cũng dùng trống trong khi nhảy múa đàn hát, nhưng những trống này lại là những quả bầu lớn được khoét ruột và phơi khô, bên ngoài có lớp sơn bóng. Khi sử-

dụng, một tay nhạc công cầm lấy cổ quả bầu và bàn tay kia vỗ vào đáy. Tiếng trống này rất dễ nghe vì có tiếng kêu ầm ập, cao độ cũng như âm sắc thay đổi tùy theo quả bầu dày hay mỏng, nhỏ hay lớn.

Để giữ nhịp, người Hạ-uy-di còn hay dùng hai ống nửa dài, một đầu để nguyên làm tay cầm và đầu kia được chẻ ra thành những thanh nhỏ, khi đập hai đầu này vào với nhau, chúng ta cảm thấy được nghe một cái gõ rập võ, rập rào.

Người Hạ-uy-di cũng dùng mõ nữa, và họ thường làm bằng hai khúc gỗ tròn, nhỏ.

Những nhạc khí làm bằng nguyên liệu thiên nhiên sơ sài như vậy được dùng nhiều nhất trong các điệu múa.

Ngày nay, qua những đĩa hát, chúng ta thấy một dàn nhạc Hạ-uy-di thường có thêm các thứ đàn contre-basse, xylophone...

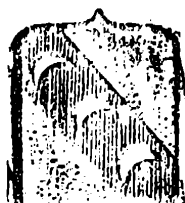
Những nhạc công, cũng như phần lớn thanh niên Hạ-uy-di, thường mặc áo sơ-mi cộc tay rất rộng, có hình hoa lá chim muông, quần dài, đeo vòng hoa sặc sỡ, hay cổ kính hơn thì ở trần, mặc quần cộc, đi đất nhưng bao giờ cũng có những vòng hoa muôn màu đeo ở cổ.

(Còn nữa)

MÙA THU

và đĩa «ty-dục» của Cốt-Đột

**CHUYỆN VUI
TRUNG THU**



**★ VƯƠNG-
HỒNG - SẼN**

MỖI năm thu về, lá vàng cứ rơi... Người lục lọi đường Rừng Sác không tài nào quét kịp với gió; gió cuốn, lá bay, nghe xào-xạc trên vỉa đường hắc-phanh. Tiếng rột-rạt ấy như nhắc chừng cho Cốt-Đột biết đã đến ngày lấy đĩa kỷ-niệm ra lau rửa.

Cốt-Đột bạn với tôi trên bốn mươi năm : hai cái đầu nay đã trắng xóa. Đĩa « ty-dục », Cốt-Đột có từ ngày cưới vợ. Tuy con đùm cháu đề, lủ-khủ, nhưng Cốt-Đột vẫn quý trọng cái đĩa như vật kỷ niệm buổi « vợ non ngồi xe hoa về nhà trong bữa cưới ».

Rửa đĩa, Cốt-Đột tự tay làm lấy. Nó vọt xà-bông cho đã thêm, rồi sang qua rửa bằng nước lã. Rửa nước lã xong rồi, khi nào tay cọ trên đĩa nghe tiếng kêu rền-rẹt, báo tin nhót xà-bông đã trôi sạch, lúc ấy Cốt-Đột mới bằng bụng. Cái cách Cốt-Đột « cụng » đĩa, vừa rửa vừa chơi làm vậy, không khác ta lật tờ sách hay đi một nước cờ. Nhưng lật sách, đánh cờ, tính vô nguy hiểm. Duy thú tiêu khiển của Cốt-Đột rồi đây có ngày sẽ trở nên tai hại, vì bọt xà-bông vẫn là bọt xà-bông, cái đĩa xưa xát xà-bông vào thì trở nên trơn như mỡ, dễ

bữa nào lỡ tay sẽ biết !

Xong dầu vào đó, Cốt-Đột đem đĩa ra sân, để trên chiếc ghế dầu, phơi nắng, rồi ngồi gần đó canh chó canh mèo, lại thêm có pha trà ngon hớp từng hớp, lấy thuốc thơm ra châm, hút phì-phà, khi hít hơi dài phun khói cuộn cuộn, khi nuốt mất khói hồi lâu rồi nhả ra có sợi có dây ! Cốt-Đột tự đắc, ngồi ngắm nhía đĩa xưa như tường sành - sỏi đồ cò lăm.

Kỳ trung Cốt-Đột đốt đặc cán mai, nhút là về phương pháp chơi cò ngoạn, may nhờ giữ kỹ một bức thư tôi viết cho nó năm xưa, hiểu được mớ nhảm lại làm tàn « lấy le » phát ghét ! Nói chí đáng, với mớ tóc bạc trắng phau, với da mặt hồng hào, với cò tay tròn như ống chỉ, với lòng bàn tay đỏ au như nhuộm son, Cốt-Đột có vẻ tiên phong đạo cốt lắm. Mà mà bắt Cốt-Đột !!



Cách nay trên ba chục năm, tôi đi ăn cưới đám Cốt-Đột, kẻ cũng là một bữa hiếm có. Nay xin thuật lại nghe chơi :

Nhang đèn đã lên từ lâu. Tiệc bày... rượu thiết... Cô dâu khếp nép trong chiếc áo rộng lụa đỏ.

Cốt-Đột chằm-chệ chít khăn đen Suối Đồn, mặt tròn như chiếc quạt mo nang. Chầu xưa Cốt-Đột được miễn lính vì không đủ thước tấc, nay tra chiếc áo xa - tanh, ngoài vớ thêm chiếc áo thụng xanh, luộm-thuộm... đã lùn còn lùn thêm, thấp bé hủn hoãn, trông như con lật đật ! Hai đứa ráp nhau ra lạy : trước ra mắt ông bà, sau họ hàng cô bác. Khách ngồi tiệc, bàn tròn đếm không hết, đề chặt nhá. Mà có ý xem, mỗi người tuy lánh hé làm bộ từ chối cầm chừng, kỳ thật vẫn muốn được lạy như chết ! Lạy cha mẹ đôi bên, kế lạy họ hàng kiếm bạc cắc. Phần tôi, văng hết mười đồng bạc lớn (bạc 1920), gồm hai tờ « con đầm » cắt chỉ, xếp đề trong một bao thơ. Thế mà, đến phiên vợ chồng Cốt-Đột đứng trước mặt tôi, tôi khoác tay tha lạy (tôi làm như vậy nè !) nghĩ ra lúc nhỏ tôi oai đến !! Rồi đề vót-vát ít nhiều, — mười đồng là một phần tư lương tháng chớ ít ỏi gì ? — tôi ngồi uống khan hết ly này đến ly khác : mười chín tuổi đầu mà làm nôi hai cái « *consommation* » « *Martell-Perrier* », kẻ cũng anh hùng lắm chớ phải vừa sao ?

Chàng rẽ cô dâu lấy gần giáp vòng, kể nghe tiếng thì-thào khúc khích từ buồng sau vọng ra. Rượu đã vơi mấy tuần, khách khứa đều ngà ngà say... Họ đẩy một ông già từ trong ấy (ông chú ruột của cô dâu), ra ngồi chịu lấy, cốt giả ngộ để cười chơi.

Ông già coi bộ nghèo lắm ; chơn không giày, quần vải trắng trở vàng. Nhưng khăn vấn tay trên đầu ngay ngắn, chiếc áo xuyên dài thẳng-thớm, trông có vẻ « nhà nho » vô cùng. Ông ra ngồi cạnh bộ váng ba, dằng-hẳng, ngó ra trước, và chờ... Cô dâu sụp xuống chiếu cũng ngồi chờ... Cốt đột bước lại khít cô dâu, so hàng ngay thẳng rồi khum lưng cuốc. Đếm đủ hai cuốc, chúng nó dừng lại. Rẽ phụ rót rượu. Ông chụp chén đánh cái tặc, khà rạ tiếng, nhưng cử chỉ rất oai nghị đúng đắn, không một chút gì thô tục. Đoạn đặt chén vào khay, vói tay vào áo trong móc ra một gói khăn đỏ cộm cộm ông đề bên khay đứng dậy mà rằng : « Đây là hai đồng cà-rô-by (*roupie*), ông đi hồ cho hai cháu. Lễ tuy không trọng, dâu bằng của người ta, bạc chục bạc trăm, nhưng ông đây kiếm được cũng không dễ gì. Vật khinh hình

trọng, còn này ông cho thêm hai cháu cái đĩa xưa còn sót lại của bộ chén trà do ông nội của ông di sủi bên Tàu đem về. Đĩa này vẽ hai con chim : hai cháu coi theo đó mà ăn ở với nhau cho đến mãn đời. » Lời tuy thanh bai, nhưng giọng éo-éo của ông không đem lại sự mong mọi ước ao. Cũng như hai cà-rô-bi kia, cộng lại vừa giá bằng đồng bạc !

Cô dâu và chú rẽ tiếp tục lấy họ. lấy đủ mặt rồi thì hè nhau rút lui vào phòng hoa chúc. Ngoài này, tiệc kéo dài, câu chuyện giòn như bắp rạn, hình bóng ông già đi lễ đám cưới cháu một đồng bạc gồm hai cà-rô-by, và một cái đĩa lễ bộ cũng tan dần theo bọt oáp.

Mãi đến chúa nhật tuần sau, nhằm ngày rằm tháng tám, gia-quyển thân tộc tề-tụ một lần nữa để ăn bánh Trung Thu, khi ấy có một người xướng ra tìm hiều lễ vật lạ kỳ của ông già hai cà-rô-by.

Họ lấy đĩa ra ngắm, ngắm đã rồi phê bình... Trà dợt lần rồi cạn. Bánh ăn lần rồi còn cái hộp giấy không. Minh ai nấy ra về, phê bình chưa ngã ngũ.

Thấm thoát Cốt Đột lên chức.

Có con, nên được từ thằng lên cha ; có cháu, nên rồi từ cha lên ông. Tôi thì đời di lục tình.

Thình thoảng, có dịp lên Sài-gòn, mỗi lần tôi đều vô Bà Chiểu tá túc nhà Cốt Đột.

Chợt năm đó, tôi lên mua được bản dịch Kiều của Nguyễn Văn Vĩnh, thay cho bản đánh mất từ năm tản cư. Về nhà, lấy sách ra xem giải muện. Tình cờ, xem đến đoạn thề nguyện :

- *Trong khi chấp cánh liền cành,*
- *Mà lòng rẻ rúng đã dành một bên,*
- *Mát tây đề lạnh hương-
nguyên,*
- *Cho duyên dằm thắm ra duyên
bê-bàng.*

(Kiều, bản dịch Nguyễn văn Vĩnh, năm 1942, tr. 122).

Tôi lật đặt xếp sách, nhớ đến đám cưới Cốt-Đột.

Ông già bí mật năm xưa, đã an giấc từ lâu nơi một chốn nào, nhưng cái đĩa của ông còn đó. Mau mau lấy giấy viết thơ cho Cốt-Đột. Trong thơ tôi cắt nghĩa cho nó nghe sự tích vua Đường Minh-Hoàng thề thốt với bà Dương Quý-Phi :

—Sau này đầu thai xuống thế, rồi không được kiếp người :

— nếu làm chim trên trời thì sẽ *kết cánh* với nhau :

« *Tại thiên nguyên tác tự-dực điều* » ;

— nếu phận bạc, sanh ra trong giới thảo mộc thì cũng xin cho được *liền cành* với nhau. « *Tại địa nguyên ư liên lý chi* » (1)

Tôi lại còn chi rõ thâm ý của người họa-sĩ, cốt để người dùng tự mình tìm ra tích đẹp, nên vẽ cặp chim có hai đầu hai cánh, nhưng thân thì dính một, ngoài ra không đề một câu đối, hoặc một chữ nào như ta thường thấy trên các bộ đĩa chén khác.

Từ ngày được thơ, mỗi năm cứ thu về, Cốt Đột, thằng già Cốt Đột, lấy đĩa ra rửa, đề nhớ ngày cưới vợ.

Tôi thì chắc chắn từ đây không sắm được đĩa nào, vì khi nói và viết ra làm vậy, đã làm *bật mí* câu chuyện *bí mật* của cái đĩa nọ.

VƯƠNG-HỒNG-SÈN

(1) Keo sơn gán bó thế này mà còn chuyện xằng-xít với An-lộc-Sơn, ôi lòng dạ đàn bà !

K HÔNG hiểu tại sao, cứ mỗi bận thu về, là lòng tôi nao-nao rạo-rực... Nhớ lại, cách nay lâu lắm, khi còn theo học ở Paris, mùa thu năm ấy, ai cũng đi nghỉ chưa về, người đi biển, kẻ đi núi, mà riêng tôi, vì túi văng hoe, nên đành nán lại đô thành, cảm thấy tủi tủi thế nào ấy ! Trời không m ấ y l ạ n h, nhưng buồn tẻ âm u, c ả n h v ậ t đường chưa tan giấc m ộ n g. Trong các khu rừng Vincennes, Boulogne, Fontainebleau,

thậm chí công viên Luxembourg tại xóm La-tinh, đâu đâu thân cây cũng ủ-dột xơ-rạc, lá úa rụng đầy đường. Hai bên phố vắng, nhà cửa đen sì đầy bụi bặm ; khách bộ hành lững thững trong bộ quần áo màu nâu hay xanh sậm, nặng nhọc bước trên lã. Hèn chi thi sĩ hay nói

Thu là mùa chết, cũng phải !

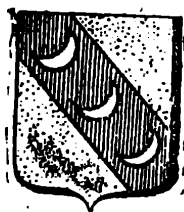
Vào Thư-viện Nữ-thánh Geneviève (1) xem sách giết thì giờ, nhưng thì giờ nào chịu chết cho

cam ! Thì-giờ vẫn sống, kim đồng hồ sao nhích chậ m quá, k h ô n g biết Tôi buồn, c ũ n g không biết vì sao, không biết vì ai ; tôi muốn đi, không biết đi đâu, bụng thấy đói mà ăn không hết bữa. Rảo bước vào vườn Luxembourg, ngồi phịch trên chiếc băng xanh dài cũ kỹ, ven Hồ Médicis nên

T H U

" à

LÒNG TÔI



* Tuấn-Lý

HUYỀN-KHẮC-DỤNG

(1) Thư-viện Sainte-Geneviève, xây năm 1844 tại đồi Paris, trên cao có đài Panthéon, không xa trường trung-học Henri IV. Thư-viện chứa các sách sưu tập của Thư-viện Sainte-Geneviève xưa, là nơi chôn vua Clovis và vợ, và nữ-thánh Geneviève.

thơ (1), chờ tối sẽ về phòng. Nước róc rách chảy không ngừng, từ trên tượng *Acis* và *Galatée* (2) xuống bề dài đầy hoa lạ. Không biết làm gì cho khuây-khỏa tâm hồn. Bỗng từ đằng xa đi lại, bóng một cô gái về con nhà. Khi cô ấy tới gần, tôi nhận ra cô *Catherina Gonzalez*, con một bà cụ người Y-pha-nho, ở từng lầu 5, trong nhà trọ tôi đang ăn cơm tháng. Thiếu nữ cũng nhìn ra tôi, nhoén miệng cười, đầu khẽ gật. Gặp nhau hằng bữa ở cầu thang, nhưng chúng tôi chưa hề nói với nhau lời nào ; chỉ khi đi qua mặt, tôi lịch sự xin lỗi vậy, rồi thôi. Hôm nay, do một ngẫu-nhiên, gặp nhau trong một khung tình-tứ, có lẽ chúng tôi sắp có cơ-hội làm quen, đề biết nhau hơn, sau mấy câu han hỏi thường tình ? Nhưng thưa không, các bạn ạ. Cô *Catherina* ngồi xuống ghế, cách tôi một khoảng, về mặt dăm chiêu trầm-mặc, im lặng, sâu kín không nhường mấy pho-tượng trên Hồ. Hôm ấy, *Catherina* mặc bộ *tailleur* xanh sẫm, cô vẫn khăn vuông xanh, bông đỏ. Mớ tóc đen huyền óng - ánh khiến tôi nhớ đến một thiếu phụ Việt-Nam, cũng đoan trang kiêu-

lệ như nàng, mà ngùi ngùi... Tóc *Catherina* thì đen, mà mắt lại xanh trong, môi không son mà thắm, má không phấn mà tươi. Hoa-công ơi, Huyền - diệu ơi ! Những tưởng *Musset*, *Vigny* hay thơ, *Raphael* và *Léonard de Vinci* giỏi họa... Tôi lầm ! *Catherina* là một bài thơ tuyệt-diệu, một bài thơ đơn-giản, khéo gợi lòng tôi tha thiết nhớ quê-hương, một họa-phẩm phi - thường, nó khéo, nó lạ, nó kín đáo còn hơn

(1) *Fontaine Médicis*, một kiến trúc hùng vĩ tại hoa viên *Luxembourg*, do tay thợ khéo *J. Desfosse* xây, thừa lệnh Hoàng-hậu, *Marie de Médicis* nước Pháp (1573-1642). Tại khung giữa, có gắn tượng người khổng-lữ *Polyphème* bắt gặp *Acis* và *Galatée* đang đan-điu nhau.

(2) Nữ thần *Galatée* dưới nước, được người khổng-lữ *Polyphème* yêu. Nàng không đáp, mà lại yêu người chăn chiên *Acis*. *Polyphème* bắt gặp, xô lở núi, để nát *Acis*. *Galatée* nhảy dìm xuống biển.

cả bức họa *La Joconde* (1) mà nụ cười ẩn ý của nàng *Monna Lisa* (2) hăng cao giá trị ; *Catherina* lại còn nhả hơn pho tượng *Vénus de Médicis* mấy lần... (3)

Thấy nàng, tôi nghe tim tôi trời nhạc, một điệu nhạc mơ màng, thoát gần, thoát xa, dịu dàng, thấm thía như bài *Méditation* trong nhạc khúc *Thais* của *Massenet* (4) mà tôi thích nghe vào những đêm mưa lạnh, bên cạnh ly cà-phê đen, trong gian phòng nhỏ hẹp của tôi, trước khi đi ngủ. Nàng không nhìn tôi, nhưng tôi biết nàng đợi nơi tôi một lời. Không biết tại sao, tôi chỉ nhìn nàng vài lượt, rồi thôi. Nàng từ từ mở ví, lấy một quyển sách con, chăm chú đọc. Trời bắt đầu lành lạnh ; vườn cũng bắt đầu thưa người ; lòng tôi vẫn nao nao rạo - rực. Vô cớ. Bực quá, tôi vùng đứng phắt dậy, không một cử-chỉ kiểu từ, lững-thững về phòng. Thiếu nữ cũng chẳng ngược lên. Vẫn chăm chú đọc...

Từ hôm ấy, không còn gặp *Catherina* nơi cầu thang như mọi khi. Mãi đến năm sau, — cũng vào mùa thu, — bữa nọ, tôi về nhà trọ, vừa bước lên từng nấc,

chưa kịp vào phòng, thì cô ấy từ tầng trên đi xuống. Cô có mừng hay không, không biết. Nhưng tôi có cảm giác như *Catherina* hơi lúng túng, mắt cô sáng lên, tôi không dám quả quyết

(1) *La Joconde* : tên một bức tranh danh tiếng khắp hoàn cầu ; tác giả là họa sĩ *Léonard de Vinci* vẽ vào khoảng 1500, bốn năm mới xong. Đây là chân dung của mỹ nhân *Monna Lisa*, có cái mỉm cười bí mật và đáng diệu trang nghiêm. Thuở ấy, (thế-kỷ thứ 16) mà vua *François Ier* dám xuất kho mua với giá 12.000 đồng livres. Hiện nay bức họa ấy cất tại Bảo-tàng-viện *Louvre* ở *Paris*.

(2) *Monna Lisa* : hay *Lisa di Anton Maria GHERARDINI*, *Florentine*, vợ chàng *Francesco di Bartolommeo del GIOCONDO*, là người mẫu của bức họa *La Joconde* nói trên.

(3) *Vénus de Médicis* : pho tượng cổ cất giữ trong Bảo-tàng-viện thành *Naples* bên nước Ý-đại-lợi. Là một công trình điêu khắc tuyệt hảo, biểu lộ một cách thuần tình sự tinh khiết và vẻ e-thẹn của một trang tuyệt thế giai nhân.

(4) *Jules MASSENET* (1842-1912) phổ nhạc gia người Pháp, lừng danh nhờ nhạc khúc *Thais*.

Bước xuống được ít nấc, cô liền ngừng lại, quay mặt ngó tôi, như muốn nói điều gì, — chỉ trong một giây thôi, — rồi.. lẳng lẳng xuống thang. Trời hôm ấy hơi lạnh. Vào phòng, sao thấy buồn lạ lùng, nhớ nhà lạ lùng. Muốn viết thư về thăm nhà, mà viết không ra chữ. Dẹp giấy viết, lấy bàn ủi, định ủi cái khăn lụa trắng, giặt vừa khô trên lò sưởi ; lại không có điện ! Có khổ chưa ! Tôi làm gì đây ? Catherina, cô đang làm gì ngoài phố ? Cô là ai ? Là bài thơ, hay bức tượng ? Cô biết tiếng Pháp không ? Hay là... cô... câm ? Sao cô giống gái Việt nước tôi lắm vậy ? Sao không một lời, hỏi Catherina ?

Giữa hai giờ học ở Đại - học viện Sorbonne, tôi thích cởi mở tâm lòng với bạn đồng song, nam có nữ có, nên họ thường hỏi tôi về nàng, sau cái bắt tay vồn vã : « Thế nào, thi sĩ ? Mắt hồ thu vẫn sáng đấy chứ ». Một anh người xứ Liban, theo lớp Huyền học, người cao ráo, dong-dạc, thường nói với tôi : « Này, liệu mà đùa với nàng Thơ tóc đen mắt xanh ! Con tinh cây Liễu đấy ! » Nghe mà lạnh mình !

Trong mấy năm 1929-30-31,

làn sóng kinh-tế kiệt quệ tràn lan khắp mọi nơi. Ở Pháp, số người thất nghiệp ngày càng tăng, sinh hoạt mất mỗ, dân ta-nha thiết-xì, nội bộ chánh quyền lại nức măm chia rẽ. Bên mình, lúc bấy giờ, chí sĩ chưa ráo lệ về vụ Yên-báy ăn bom. Sinh viên Việt-nam nước ngoài cũng chịu lây ảnh hưởng : cha mẹ, thân nhân gởi tiền không đều đủ, do đó, chúng tôi lâm vào cảnh đoạn trường. « Đoạn-trường » là đúng lắm, phải tìm kế sinh nhai. Kể viết bài này cũng như ai, từng nếm mùi bánh mì khô ngâm nước lã, vì không có tiền mà đun, không có đường cho ngọt, không tiền mua thức ăn, không tiền trả phòng trọ, thì phải chịu khó... ngưng ăn cơm tháng. Chúng tôi ăn một bữa không ăn hai bữa, sương tuyết không màng, suốt ngày khắp phố lê chân, không biết đau mà nhờ vả. Muôn vạn cực khổ, kể không hay cùng. Sau nhiều tháng nhẩn nại, tôi được gọi vào một chân phụ kế toán trong Ngân hàng Đông-dương, ở đại-lộ Hausmann, lương vừa đủ sống. Tôi đã phải dọn đi nơi khác rẻ tiền hơn, nên không bao giờ gặp lại cô gái thủy mị kia nữa. Ngày tháng lạnh lùng trôi... Sao tôi

không nhớ mùa xuân hoa nở, mùa hạ di nghỉ mát, mùa đông giá lạnh, mà chỉ nhớ có mùa thu âm-dạm thôi ? Có lẽ nào, trong mấy năm ấy, hồn người Việt thống khổ bởi non sông, mà vòm trời Pháp lại chỉ trải qua có một mùa thu cô - quạnh hay sao ? Điều chắc-chắn, là lòng tôi cứ dươi dươi buồn, xuân-sắc chẳng rọi tia nắng vào cho nó tươi ấm lại. Vườn Luxembourg chứa nhụt, quán Capoulade về đêm, từ mùa thu gặp Catherina, tôi không còn bém-mảng, mặc dầu quán ấy là nơi hò hẹn với thi-sĩ, với giai-nhân, nơi đòi-trao tâm-sự, nơi thoát tục ngâm thi, nơi thời-gian không bến, trước ly cà-phê lấy lệ, trong một không gian ngấm mùi thuốc lá hăng hăng.

Ra khỏi quán Capoulade, thời gian mới dám tiếp tục trôi... Tính ra, đã quá hai năm rồi, mình không có dịp trở lại số 10, đường Vaugirard, quận 5, nơi trọ cũ. Tôi cũng đã nghĩ việc ở nhà băng, vì không thuận thuyền chuyển sang chi nhánh Djibouti. Đời sống chật vật trở về, buộc tôi phải thuê xe tắc-xi làm sinh-kế. Các bạn ơi, xin chớ vội cười, hãy nhường việc ấy lại tôi, nhưng

tôi cười đây, là cười ra nước mắt khi kể lại mẩu đời phiêu - lưu phóng dật của tôi, ai muốn nghe thì nghe, bằng không ưa thì lật qua trang khác... Tài lái xe non nớt cho đến đòi khách ghe phen cau có, trông đến khi lính càn, là mở cửa bước xuống, rồi... bước luôn, nhút là các bà già nhẹ bóng vía. Bước luôn, tất không trả tiền, đề mặc chàng bạch diện... xa-phu « tay đôi » với viên đội xếp. Một ngày năm bảy bận như thế, là tài xế nguy rồi, các bạn ơi... Nào tiền xăng, nào tiền xe, nào về xưởng mượn, bị « cạo » sát da, bữa nào như bữa nấy. Cái dạ dày lăm lăm bận ngạc-nhiên, với lửa cơ đốt ruột. Người ta chạy xe nuôi sống gia-dinh, không dư dả cũng có ăn hai bữa. Còn tôi chạy xe thì ù-cạc, ngằn ngo như cậu nhà quê, cứ mấy con đường bé tí một chiều mà đâm đầu vô đại, gặp phải xe ngựa đang kia chạy tới, mình chưa kịp nghĩ sao, thầy đội đã nghĩ sẵn đầu hồi nào, một tiếng tu-hít vang dậy, trời ơi, tìm tôi đập mạnh vì túi tôi trống trơn, cảm xúc không phải vì cá nhân thầy đội, mà vì sự nhớ bữa cơm trưa. Chiếc xe, chừng như cũng

hiều tình cảnh, muốn chia-sớt cái ngao ngán của anh tài, nên núng nịu rồi làm thính, không một tiếng. Bước lại, hùm-hổ, thầy-dội oai vệ bảo lùi xe, tránh đường cho xe ngựa. Khờ chưa ? Con ngựa to tướng biết nhẩn nại đứng chờ mà chiếc xe tôi lại gần ngừng không nhúc - nhích ! Khi máy chạy được, nó chạy lui lại, đụng bên này chạm bên kia, tha hồ mà nghe chửi... Cũng may, tài xế khá già hàm xin lỗi và tâm-sự mấy lời... Người đại-diện nhà nước đã không dành biên phạt lại tào phốc lên xe : « Đưa tay coi », rồi lái một tay, tổng ga, vọt lại phía sau, một nước tới đại - lộ, ngon lành... như bỡn. Mình ngó lời cảm ơn muốn rơi lụy, vì nhà nước tha phạt, tức như đãi mình bữa cơm trưa, có thịt bò xào giá ở tiệm Bắc-kinh. (1) Nhà nước khoác tay, xua đi như thầy pháp xua tà : « Cút mau, cho người ta đi ! ».

Coi moi không nước non gì, mình định buông nghề tài-xế, sau hai tháng tranh đua thua lỗ. Hôm ấy, đầu mùa đông, tuyết rơi trắng phếu như bông gòn. Tôi không lạnh nên không mặc nhiều áo lót,

ngoài khoác trench-coat (2) cò quần khăn lụa trắng, không vui không buồn, định đem xe trả cho hãng chủ, nhưng còn... tiếc của đời, rảo bánh vùng Porte d'Orléans, quận 14, kiếm vài muối cuối cùng rồi sẽ già từ tay lái. Năm giờ chiều, tuyết vẫn xuống, gió cuộn tuyết bay... Chạy đến con đường nhỏ, cạnh trạm xe-diện-hầm Alésia, thấy một bà cụ đứng bên lề, vẫy xe. Ngừng lại rước khách. Dáng điệu hơi quen, đợi bà ngồi hẳn, cửa vừa ập, bà cho địa chỉ, tôi mới nhắc bà nhớ tôi là sinh viên có ở trọ cùng nhà với mẹ con bà. Bà mừng rỡ, hỏi lằng xằng, hỏi sao tôi không học nữa lại rơi vào giới thợ thuyền ? Tôi mới kể tự sự, phải làm thợ đắp đồi cho qua cơn túng rồi, chờ vận khá sẽ trở vào Sorbonne. Chập sau, với một giọng buồn chán, bà cụ cho tôi biết, mùa thu vừa qua, Catherina, đứa con duy nhút của bà, nguồn an-ủi duy nhút của bà nơi xứ lạ, đã từ trần, sau một cơn sốt nặng. Các bạn ơi, bỗng

(1) Một hiệu cơm Trung-hoa góc 2 đường Cujas và Ecole de Médecine tại Xóm La-tinh

(2) trench-coat, áo ngoài như áo mưa, bằng kaki.

nhiên tôi lạnh buốt cả người, tim như ngưng đập, cảm thấy chóng mặt, rán kềm lái xe, đỗ lại cho khách xuống, cúi đầu từ giã, và tổng ga chạy miết về xưởng Citroen, không kịp lấy tiền cước xe, bỏ bà cụ ngơ ngác bên lề đường, trong kiến phần chiếu hây còn thấy người vẫy tay gọi lại.

Trời ơi, Catherina đã vội xa trần tục trong một ngày âm đạm của mùa thu, về về cực lạc. Từ ấy, lòng tôi tê-tái, thơ tôi đượm thu, quên làm sao, quên làm sao, cốt cách dịu hiền của con người ấy ?

Rồi, từ ngày về nước, mặc dầu tình hình chánh trị tạm yên, đời tôi trải qua nhiều đoạn tân toan, khi bông khi trầm, lúc say lúc tỉnh. Nghĩ sự thế như hoa đơm lại rã, nên lòng không vương không thiết cạnh tranh. Cho đến nay, đã quá xuân thì, mà cứ mỗi bận thu sang, là lòng vẫn nghe rạo rức. Tiết trung-thu, ít khi tôi ngon giấc, trí cứ mơ hồn bướm

dâu đây. Khi trăng thu ướm giọt ngang thềm, tay cất bút, là thơ đầy thu vị. Sao lạ thế ? Thu tới, tôi vui, vui trong cái u-sầu, vui trong nội cảnh. Nhắm mắt lại cố tìm nàng Thơ cũ, liễu buông tơ gió hất lá vàng rơi. Ôn lại thu xưa nơi đất khách quê người, giữ im lặng để ngậm ngùi thương nhớ. Nhớ chi không rõ, có phải chăng, nhớ Paris hoa lệ muôn đời mà hương sắc hòa với tang thương, nhớ không khí tự do kết thành một văn minh bất diệt, hay là nhớ thiếu nữ Y-pha-nho Catherina kiều diễm, có mớ tóc đen huyền, và đôi mắt xanh trong, — mắt hồ thu, — trong giây phút đã nhìn tôi, rồi... đi luôn đến nơi vô tận, không thốt một lời ? Nàng Thơ ơi, phải chăng sau khi nàng mất, Thu tri-ký đã pha vào lòng tôi, vì tôi đã... vô tình ?

Tuần-Lý

HUỲNH-KHẮC-DỤNG



✱ DANH NGÔN... DA ĐEN

— Hà tiện là tình ghen của giàu có, cũng như ghen là tình hà tiện của tình yêu.

(L'avarice est la jalousie de la richesse, comme la jalousie est l'avarice de l'amour).

MOULOUDJI (Danh nhân Phi-Châu)



CHƯƠNG III

Các « Nhà Báo »

(Tiếp theo P.T. số 42)

Vì có những báo viết bằng Pháp-ngữ, nên có một số nhà văn chuyên viết Pháp văn, như TRẦN VĂN TÙNG, LÊ TÀI TRƯỜNG (biệt hiệu *Sa-lavin*) trong *L'Annam Nouveau*, LÊ TÀI TRIỂN, NGUYỄN-TIẾN LĂNG, TÔN-THẮT-BÌNH, TIÊU-VIÊN NGUYỄN ĐỨC BÌNH trong

★ NGUYỄN-VỸ

La Patrie Annamite của Phạm Lê Bổng, V Û - ĐÌNH - DY, ĐÌNH - XUÂN - TIỂU trong *L'Effort Indochinois*, v.v... Ấy là những báo Pháp văn do người Việt chủ trương. Trong số những Văn-sĩ chuyên môn viết Pháp văn, ít người viết Việt văn, và nếu họ cố gắng viết một đôi

hải, họ cũng không thành công lắm, như Nguyễn đức Bình, Nguyễn tiến Lãng.

TRẦN VĂN TÙNG bây giờ ở Pháp, viết tiểu thuyết Pháp. Một vài quyển của anh vừa mới xuất bản ở Paris đạo này chứng tỏ rằng nhà văn Việt-nam có chân tài ấy hiện giờ không còn thông cảm được nữa với các biến đổi rõ rệt và toàn diện của dân tộc Việt - Nam từ 15 năm nay. Đó là một điều rất đáng tiếc.

LÊ TÀI TRƯỞNG và NGUYỄN TIẾN LÃNG hiện nay cũng ở bên Pháp. Cũng như PHẠM VĂN KÝ, một thi-sĩ có biệt tài, tác giả tập thơ « *Une voix sur la voie* » xuất bản ở Sài Gòn vào khoảng năm 1936-37.

Mấy anh nhà văn đi lạc đường này chắc bây giờ xa lạ lắm đối với nước Việt Nam, hoặc giả chỉ còn liên lạc mỏng manh về tinh thần mà thôi. Các anh không còn là con người văn nghệ của Việt-Nam nữa.

Tiêu Viên NGUYỄN ĐỨC BÌNH là anh ruột (hay em) của HOÀI THANH. Hai người

này nguyên là trợ giáo, (*instituteur*, ngày nay người ta đề cao lên một bậc, là giáo sư). Tiêu Viên là chồng cô trợ giáo NGUYỄN THỊ DU ở Quảng-Ngãi, cũng là một nữ sĩ nổi danh một đạo ở một vùng Trung-Việt.

Ngoài ra, Thi-sĩ TỪ - BỘ HỨA cũng ưa làm thơ bằng Pháp-văn (tập thơ *Poésies Gri-ses*). NGUYỄN-TIẾN-LÃNG viết quyển « *Indochine-la-Douce* », một quyển phóng sự hồi ký du-lịch bên gót chươn viên toàn-quyển René Robin là người đỡ đầu cho anh ta. Anh còn là tác-giả một truyện ngắn *Eurydice*. Muốn cho tài liệu đầy đủ, chúng ta có thể kể thêm một vài nhà báo và Văn sĩ viết Pháp văn như TÔN - THẮT - BÌNH, ĐÀO ĐĂNG VỸ, LÊ THĂNG v.v...

Các nhà văn không nhìn nhận nhóm ký giả trên kia là những đồng nghiệp Văn nghệ. Văn học sử Việt Nam cũng không công nhận họ, có lẽ vì họ chuyên môn viết sách và viết báo bằng Pháp văn, đó là chưa nói đến cái giá trị về văn chương Pháp của họ. Về thực tế, giữa họ với Văn

sĩ thuần túy Việt Nam, vẫn có sự cách biệt rõ rệt, — không phải một hố sâu chia rẽ vì bất đồng văn tự, nhưng một sự lạnh nhạt thờ ơ gần như hoàn toàn, xà lạ, không cần có lý do.

● Về Khoa học, có một cơ quan được người ta đặc biệt chú ý, là *Khoa-học tạp-chí* của NGUYỄN-CÔNG-TIỂU, cử nhân Khoa học. Bài vở của tạp chí này có tính cách khảo cứu về Y học và Khoa học khá đầy đủ, và được công chúng hoan nghênh. Tuy vậy, thứ thuốc chữa bệnh toi gà (Atoiga) do ông Nguyễn-công-Tiểu sáng chế, và phương pháp diệt trừ loài ve - ve (ve-sầu) hình như không được kết quả khả quan và đã bị một vài tờ báo, như *Chanteclair* của Pháp và *Báo Phong-hóa* của Nhật-ling chế riếu.

● Nếu có một số người Việt viết văn Pháp, thì trái lại cũng có một số người Pháp chú trọng đến Văn - chương Việt - Nam. Đứng đầu là *René Crayssac*, công sứ Pháp, ở tỉnh Vĩnh-Yên (Bắc Việt), là người đã dịch quyển *Kim-Vân-Kiều* của NGUYỄN-DU ra thơ Pháp, theo lối thơ cổ-diễn alexandrins. Bản dịch truyện *Kiều* của René Crayssac rất công phu, trên 10 năm trời

mới xong, kể hay thì cũng có hay theo quan niệm nghệ thuật văn chương Pháp, nhưng không lột được hết tinh thần của áng thơ Việt. Dịch giả cố gắng một cách rất đáng khen trong việc diễn tả câu văn và tư tưởng Việt Nam, nhưng cú pháp gò bó của câu thơ Alexandrin vẫn không sao gói ghém trọn vẹn linh hồn dân tộc. Phảng phất cả trong âm điệu và ý nghĩa của những câu thơ lục bát trong truyện *Kiều*. Dù sao, bản dịch *truyện Kiều* ra thơ Pháp của RENÉ CRAYS-SAC là một sáng kiến rất táo bạo mà nhà thi sĩ Pháp đã thực hiện được một cách làm vinh dự cho ông.

Ngoài ra, có ALBERT DE POUPOURVILLE lấy bút hiệu « *Mặt Giàng* », và EDMOND CHODZKO, người Tiệp-khắc nhập Pháp tịch, làm thông ngôn ở Tòa án Hải-phòng. Ông này thỉnh thoảng có làm đôi bài thơ Việt nhưng không có gì xuất sắc. Tôi còn nhớ một đoạn trong bài của ông đăng trong một số báo *Le Cygne*, tựa là « *Ngày xuân ở Hà-nội* », như sau đây :

.

Mấy cô tảo thời,

*Mung giầy cao gót,
Mặt mũi xanh tươi
Nhít nha nhít nhót,
Nói nói cười cười,
Thánh-tha thánh-thót,
Xinh thật là xinh,
Tốt thật là tốt !*

E. CHODZKO

Edmond Chodzko lại còn muốn cải cách lối viết chữ Quốc ngữ cho giản dị hơn. Ông có đăng hai ba bài nói về vấn đề này trong một tờ báo Pháp, nhưng không mấy ai để ý, vì phương pháp của ông càng làm lối viết phiền phức thêm. Về vấn đề này, NGUYỄN VĂN VINH, VI HUYỀN ĐẮC, và nhiều người khác ít danh tiếng hơn, cũng đã thử trình bày mỗi người một lối viết cải cách, mà rốt cuộc vẫn không có người theo. Có lẽ tại vì chữ Việt ngữ theo hình thức hiện tại của nó, đã thông dụng quá rồi, và cũng không có khuyết điểm gì lắm.

● Nói về báo Pháp-ngữ do người Việt chủ trương, còn phải kể thêm tờ ESSOR, mà chủ bút là một thiếu nữ mới thi đỗ tú tài nhưng rất giỏi Pháp văn,

là cô TÂM KÍNH. Tâm Kính, người Bắc Việt, không đẹp như các thiếu nữ khác, nhưng rất có duyên và đầu óc đầy những tư tưởng cách mạng xã hội. Những bài của Tâm Kính viết bằng một lối văn danh thép, rất lưu loát và cũng rất hùng hồn, thường thường là những lời kêu gọi Nữ-giới giải phóng. Tờ *Essor* bị đóng cửa, Tâm Kính đi dạy học tại một trường Nữ-học tư thục ở phố Hàng Trống. Một thời gian sau, Tâm Kính nhảy vào phong trào cách mạng.

Ngoài những báo Pháp văn do người Việt chủ trương như vừa kể trên, có một số ít báo chí viết bằng hai thứ tiếng : một nửa Việt ngữ, một nửa Pháp ngữ, như *Nam Phong*, *Revue Franco-Annamite*, *Le Cygne*. *Nam Phong* của PHẠM QUỲNH, cũng như *Revue Franco-Annamite* của ERNEST BABUT (đã nói trong kỳ trước), đã sống được rất lâu. Sau Phạm Quỳnh vào Huế làm Thượng-thư thì NG. TIẾN-LĂNG kế tiếp làm Chủ bút *Nam Phong*. Còn VŨ NGỌC PHAN luôn luôn là Tổng thư ký của *Revue Franco-Annamite*, Báo *Le Cygne* của Nguyễn-Vỹ và Trương Tửu ra được 6 số,

rồi vì một bài xã thuyết chính trị chống chánh sách thuộc địa, N.V. bị 6 tháng tù, 1000 quan tiền phạt, và tờ báo bị đóng cửa luôn.

Do đó, trong báo « *L'Avenir* » của người Pháp, Trạng sư EMILE TAVERNIER viết một câu phê bình : « *Le Cygne est un coq de combat* » — (Bạch nga là một con gà đá).



Trở về báo chí thuần túy Việt ngữ (Báo và tạp chí) ở Hà Nội hồi Tiền chiến không có nhiều như ở Sài Gòn ngày nay. Trừ một số nhà báo chuyên môn làm báo chứ không viết sách (chủ bút, trợ bút các báo hằng ngày và phóng viên), còn hầu hết là các nhà văn quy tụ nơi các tòa soạn Tuần Báo và Tạp chí. Các nhóm nhà văn tuy là lẻ tẻ nhưng vẫn đoàn kết với nhau thân mật, chứ không chia rẽ, không ganh tỵ lẫn nhau, kính trọng văn tài của mỗi người. Duy có nhóm *Phong-Hóa* — Ngày nay của *Tự Lực văn đoàn* là tách riêng ra. Nhận thấy họ tự phụ và phách lối quá mức, nên đa số các nhà văn và nhà Báo ít chơi với họ, trừ một vài kẻ theo đóm ăn tàn, để mong họ nâng đỡ cho.

Người ta có thể đếm trên đốt ngón tay những báo chí văn học và các « nhóm » văn sĩ như sau đây, từ khoảng 1935 đến 1940.

Tiểu thuyết thứ Bảy : Lưu Trọng - Lư, Lê - văn - Trương, Nguyễn - công - Hoan, Nguyễn-triệu-Luật, Thanh-Châu, Ngọc-Giao, Nguyễn-Tuân, Tchya, v.v
Ích hữu : Trương-Tửu, Lê-văn-Trương,

Tiểu thuyết thứ Năm : Lưu Trọng - Lư, Lê - trảng - Kiều, Nguyễn-xuân-Huy, Đồ - Phồn, Lệ-Chi.

Đồng Phương : Lan - Khai, Đỗ - thúc - Trâm, Vũ - trọng-Phụng.

Nhật Tân : Vũ-Bằng, Nguyễn-triệu-Luật, Vũ-trọng-Phụng.

Văn học tạp chí : Lê - trảng - Kiều, Huy - Thông, Nhược-Pháp, Lệ-Chi.

Việt Nữ : Mộng-Sơn, Thanh-Ti, Lệ-Chi.

Loa : Lan - Khai, Trương-Tửu, Côn-Sơn v.v...

Và tờ *Bắc Hà* ở phố Chợ-Hôm, quy tụ một nhóm bạn trẻ : Trần-huyền-Trần, Thâm-Tâm, Nguyễn-Bính.

Đại khái cảnh tượng tổng-quát của báo chí Hà Nội hồi Tiền chiến là như thế.

(Còn nữa)

giác tình thu



*Điu dặt hương ru, nuốt sắc kiêu,
Mùa thu quyến-dậy khắp trời yêu,
(Cờ kim muốn thuở thi nhân vẫn
Đắm với hồn thu, mộng vẫn nhiều)*

*Muộn cánh thơ vàng ngáy ngất thu,
Gió mùa thổi lướt mộng tình du,
Em ơi, thu xuống hôm nay đây,
Nơi cõi lòng anh sống tuyệt vời.*

*Vàng rụng không gian, biếc liễu, hồ
Mây chừng nghe nhớ đứng trầm-lu
Có đôi chim nhận về song cánh ;
Tám nẻo trùng khơi hẹn ngàn ngơ.*

*Đất gởi trời trao, chẳng đòi dòi.
Áng huyền nguyên vẫn nét tình khôi :
Thướt tha tóc rũ mây vờn sóng,
Dáng liễu ghi qua bóng vạn đời.*

*Viết mấy cho vừa, thu biếc ơi,
Mi : dài mây khói, mắt : sao ngời,
Thu ơi, đây một linh hồn nhỏ
Dâng trọn vào thu vạn kiếp đời !*

TÙ-TRẨM-LỆ

Đã từ nửa năm nay, báo chí trên khắp thế giới không ngớt đề cập đến một thành công rực rỡ của Giáo-sư Hải-Bằng ở Việt Nam. Nhà bác học này đã tìm đường đưa một cặp vợ chồng khỉ lên cung trăng, cho nó sống trên đó đúng một tuần (tuần trăng) rồi lại trở về trái đất, thân thể vẫn mạnh khỏe. Thật quả là một chiến công đắt giá. Bác học Hải Bằng đã chính thức mở một trang sử khoa học cho thế giới.

Nhà Bác học Việt Nam này, xưa kia là con một gia đình nghèo túng. Ông đã phải đi làm công ngay từ năm lên 8 tuổi cho một gia đình ngoại quốc để lấy tiền nuôi cha mẹ và hai em. Thấy vẻ mặt dính ngô của đứa bé, người chủ thương tình không bắt làm các việc nặng nhọc và tối lại còn cho tiền đi học nữa. Hải Bằng rất thông minh đến nỗi không bao lâu đã vượt cả đứa con chủ đồng tuổi. Biết rằng đây là một bộ óc phi thường ông

nhà **Bác - Học**

M O'
TRĂNG

★ **TRỌNG-TẤU**

chủ nhận em bé làm con nuôi và cho tới trường học như tất cả các trẻ con nhà dư dả. Khi về nước, ông đem Hải - Bằng đi theo. Đến năm 20 tuổi, chàng đã trở thành một nhà vật lý-học lừng danh trên thế giới. Chỉ trong vòng có năm năm, làm việc trong khắp các phòng thí nghiệm lớn nhất của Âu - Mỹ, ông đã khiến cho các đồng - nghiệp phải « dờ nón ».

Hải - Bằng không vì những thành công oanh liệt trong địa hạt khoa học mà quên mất quê hương. Mặc dầu được nhiều quốc-gia khản khoản mời hợp-tác, ông vẫn cương-quyết “khăn gói quả mướp” lên đường về nước. Ông nhất định phải làm một cái gì cho tổ-quốc Việt-nam.

Sau khi đã quyết định cư hẳn tại nước nhà, ông đưa trình chính phủ một dự án hoạt động thật vĩ đại và được chấp thuận ngay. Toàn dân Việt-Nam hoan hỉ khi nghe tin nhà Bác-học Hải - Bằng bắt tay vào việc. Mọi người, từ trẻ già, lớn bé, trai gái, thầy-thầy đều hy-sinh theo khả năng của mình, cho công việc lớn lao này. Các cường-quốc và quốc gia hạn vui mừng đóng góp vào công cuộc hữu-ích của nhân loại bằng cách viện trợ đủ thứ cho Việt-Nam.

Chương-trình của ông được đặt cho cái tên rất đẹp, hợp với tâm hồn thơ mộng thâm kín của người dân Việt. Đó là kế - hoạch “*VIỄN DU CUNG QUẢNG*” Có nhiều người xấu miệng đã lên tiếng dả kích công việc làm của nhà Bác - Học. Người ta trách ông đi “Mơ trăng đáy

biên”, người ta bảo ông là một nhà trí - thức điên rồ. Nhưng Bác-Học Hải - Bằng có đếm xỉa gì đến những lời xuyên-tạc phá hoại ấy. Ông đã kinh-nghiệm rằng từ xưa đến nay trong lịch-sử nhân loại những người có chí lớn làm được những việc vĩ - đại, đều bị một bọn người ganh-ghét, tìm cách dèm pha, dả kích. Nhưng nếu nghe chớ sửa mà đứng lại, thì đoàn lạc đã có bao giờ đi tới nơi? Ông cần phải làm việc, bất chấp một đôi dư luận dả phá bất chấp mọi trở lực nhỏ nhen; tài của ông cần phải dùng cho đúng chỗ. Thiên phú của ông, không phải để làm thuốc đánh răng, đánh giày hay chế mực viết. Ông cần phải đưa nước Việt - Nam lên hàng cường quốc năm châu. Nhờ nghĩ vậy mà nhà Bác Học Hải-Bằng đã đạt được mục tiêu vạch sẵn. Ngày N. tháng T. năm nay, đôi khi trẻ trung, nhờ Bác-Học Hải-Bằng đã thưởng tuần trăng mật trên Nguyệt-diện. Nhân dân khắp thế giới gồm Tỷ-Phú, Minh Tinh, chuyên gia, v.v... Muốn theo gót chân khi, đã nộp đơn đi du ngoạn cung quảng vào dịp rằm tháng Tám này, nhưng

chưa có đơn nào được chấp thuận cả. Nhà Bác Học cho rằng còn cần phải một thời gian khá lâu cần một ngân khoản khá nhiều để nghiên cứu thêm về cách sống với Trăng, của loài người thuộc trái đất. Ông khởi đầu cuộc thí nghiệm thực hiện các vật dụng xài trên Trăng, để loài người có phương tiện sinh hoạt trên đế- quốc Hăng-Nga...



Trong một căn phòng trắng lẹ của biệt thự MO-TRĂNG, lúc ấy vào 8 giờ đêm, Bác-Học Hải-Bằng đang hân hoan sửa soạn y-phục đại lễ đi dự tiệc Trung-Thu ở nhà bên cạnh. Giáo sư Hồng-Hà đã khân khoản mời ông tới dự tiệc thượng trắng, trước hết là để uống rượu ngâm thơ, sau nữa cũng là dịp chúc mừng sự thành công ngoài tưởng tượng của nhà bác-học. Tiệc trắng có đủ mặt các nhân sĩ, chính giới, thi sĩ, văn nhân, bác-học, khoa-học, Việt Nam và ngoại quốc.

Đứa con lên 10 tuổi của ông, đã đùa nghịch quá nhiều hồi chiều, mệt quá đang ngủ lản quay trên chiếc giường nệm. Mặc dầu đây là Tết Nhi Đồng, nhưng ông không muốn dắt nó đi, vì bữa

tiệc này, đặc biệt dành riêng khoản đãi các bậc thượng lưu trí thức tột đỉnh. Không thể vì một lễ nuôi chiều con, ông lại đem đứa trẻ đi theo ? Như vậy coi sao tiện ? Ông cứ mặc cho nó ngủ.

Trong bữa tiệc này ông sẽ được mời lên thuyết trình một đề tài về « Trăng ». Không muốn đề cho mất đặc chất của Tết Thu, mặc dầu là một nhà khoa học, ông cũng cố nghĩ ra một đề tài rất thơ mộng nhan đề là : « Khoa-học vớt chị Hằng ».

Bác học Hải Bằng đã sửa soạn y-phục song xuôi. Ông bước tới trước, thò tay tính mở cửa.

— Uả ! Thôi chết rồi, cửa, đóng l...

Bà vợ ông lúc đi ra đã vô ý xô cửa lại. Cái tay nắm cửa bị hư đã từ mấy hôm nay, ông quên chưa kêu thợ lại chữa. Muốn mở thì phải đứng phía ngoài mới mở được.

— Làm sao bây giờ ! Gần tới giờ rồi ! Người lịch sự, học thức uyên bác, không có quyền để kẻ khác phải chờ mình trong những bữa tiệc!

Ông hơi bực mình, nhưng lại tươi tỉnh ngay. Ông đi lại gần

kéo lấy một con dao nhọn, đem lại nạy khóa. Thứ khóa vuông hiệu Đức gắn sát vào cánh cửa bằng gỗ lát chắc quá. Ông bầy không ra ; mồ-hôi bắt đầu nhỏ giọt trên trán ông. Ông giận quá, cầm cả hai tay dùng con dao dề bầy. Lưỡi dao bị gãy tiện ra làm đôi mà ổ khóa vẫn không nhúc nhích. Ông đi tìm cái đồ vận con vít nhưng không có. May mắn thay, ông gặp được cái búa và cái đục dề ở dưới chân giường. Ông cời áo ngoài ra, loay hoay đục. Ổ khóa vẫn bướng bỉnh bám sát vào khung cửa ; mồ hôi đổ ra thêm, ướt cả sơ mi. Ông nhìn đồng hồ, đã quá hai mươi phút. Ông cời cả sơ mi ta, rồi lại đục, lại dẽo. Ông không thể nào trị nổi cái ổ khóa bướng bỉnh này. Ông ngồi thở rốc ra, bực muốn điên người lên. Nếu có phép tàng hình, ông đã biến qua tường mà đi mất. Trời ơi ! Sang nhà bên cạnh chỉ có mấy bước mà ông đành thút thủ thì có ức không ? Đến trễ thì còn mặt mũi nào nữa. Ông tưởng tượng đến cái lúc đi đến mà phải gục đầu lúi lúi tới bàn ăn, trong khi mọi người đã dùng tới món tráng miệng : ôi chao ôi là nhục ! Ông cuống cuống, tức giận muốn điên người và không còn

làm chủ được lý trí nữa. Ông cời cả chiếc quần tây ngoài, trong người chỉ còn vón vện có cái quần đùi, quyết mở cho được ổ khóa. Vì phải vận động khá nhiều, mặt ông đỏ gay lên. Trông ông chẳng khác gì một anh thợ mộc vụng về dốt nát. Chắc chắn, những người không quen biết ông mà gặp ông vào lúc này, không dám bảo ông là nhà bác học.

Nhà bác học thợ mộc của chúng ta bị xúc động quá độ rồi. Vì danh dự, vì uy tín, dù có trễ mấy chẳng nữa, ông không thể nào không đến dự bữa tiệc đêm nay. Ông cần phải kiểm cho được cách đi tới nơi hẹn. Giận quá, ông cầm cái búa, bằng hai tay, đánh mạnh vào ổ khoá hàng chục cái. Cậu con ông đang ngủ say tít, giật mình thức dậy, nhầy chồm xuống giường :

— Trời ơi ! Ba phá nhà, hà Ba ?

Ông lau mồ hôi gắt gỏng :

— Má di chơi, nhốt Ba ở trong này rồi ! ! ! . . .

Con ông cũng biết là ổ khóa cửa hư từ mấy hôm trước nên hiểu ngay, nhưng cậu cứ cười nhần nhở.

Ông càng bực bội :

— Con lại còn cười được hay sao ? Con có biết Ba tới dự tiệc bị trễ, thì Ba nhục nhã thế nào không ?

Cậu bé ngây thơ :

— Thế sao Ba không mở cửa sò, nhảy đại ra vườn mà đi ?

Nhà Bác-Học bàng - hoàng :

— Ờ nhỉ ! Mình nói những chuyện khoa-học vĩ-đại, mà một việc nho nhỏ như thế, mình không nghĩ ra !

Rồi ông vội vã mặc áo quần, mở cửa sò nhảy ra chạy biến sang biệt thự bên cạnh, cách nhà ông chỉ có vài chục thước.



★ BỊ TRỄ TÀU

Quan Tà hỏi bị cáo :

— Anh ở ga xe lửa đợi giờ xe chạy. Anh cất lộn vớ người này. Anh đánh người ta đến chảy máu mũi. Rồi anh xách va-li ra xe lửa. Sao anh lại trở lại đánh người ta đến gãy răng và phun máu đầu như thế ?

— Dạ bẩm quan tòa, bởi vì con ra xe lửa thì xe vừa chạy mất, con chạy theo không kịp, bị trễ tàu. Cho nên con tức quá trở lại đánh hấn nữa, vì tại đã đánh hấn mà con mới bị trễ tàu.

Ông Quan Tà lắc đầu, chịu thua.

★ THIÊN ĐỊA TUẦN HOÀN

Một ông chủ đồn điền ngồi tiệm rượu, chìa hai chân ra cho một ông già nghèo khờ đánh bóng đôi giày của ông.

Thấy ông lão rách rưới, tội nghiệp, nhà triệu phú an ủi :

— Trước đây 6 năm tôi cũng đi đánh giày như chú. Nay tôi làm chủ đồn điền.

Ông lão đánh giày cười, bảo :

— Tôi bị phá sản phải đi đánh giày, nhưng trước đây 6 năm tôi cũng là chủ đồn điền, chứ ông tưởng !

thăm kín



Người đi nđt cũng nhìn theo,
Vầng trăng rữ-rượi ôm đèo nhớ thương.
Vi-vu gió cuốn đêm trường,
Chớp mí sơn nữ nặng buồn hoang vu.



Phổ nghiêng đường húc chân đời,
Xanh tờ áo gió tia cười giai nhân.
Ôi ta buồn rữ nợ trần,
Ngày trôi hết ngổ xa dần bàn tay
Yêu em làm ánh trăng đầy,
Hoàng hôn rượi nhớ chau mày nước sông.



Bờ quanh bóng nhỏ trăng vàng,
Thuyền lênh đênh nước mây ngàn về đâu
Em buông tóc mượt nghiêng đầu,
Giòng trong bến đục cũng sầu mắt em.
Cát bầy gót động tình duyên,
Thương thương vai trắng triền miên mộng đời
Yêu em yêu lắm em ơi,
Đừng xa cách nữa bên trời nhớ nhung.

TRẦN - TUẤN - KIỆT

TRUYỆN DÀI
NGOẠI QUỐC
RÚT NGẮN



NGƯỜI MẸ



(*The Mother của Pearl Buck*)

★ HOÀNG-THĂNG lược-dịch

Pearl Sydenstrick Buck sanh ngày 26-6-1892 tại Hillsboro, thuộc tiểu bang West Virginia Hoa-Kỳ. Song thân bà là những nhà truyền giáo ở Trung-Hoa.

Bà đã viết rất nhiều truyện dài nói về đời sống của người nông dân Trung-Hoa dưới chế độ cũ. Bà đã từng được giải thưởng Nobel năm 1938.

Những truyện bà viết gồm có *East Wind, West Wind* (Gió Đông, gió Tây), *The Good Earth* (Đất lành), *A house Divided* (Một nhà chia rẽ), *The Mother* (Người Mẹ) v.v..

Cuốn **NGƯỜI MẸ** thuật lại cuộc sống của một hiền phụ Trung Hoa suốt đời vất vả vì chồng con. Khi chồng bỏ đi mất tích, người đàn bà phải gánh vác giang sơn nhà chồng gồm một mẹ già gần mù loà, bốn đứa con nhỏ với mảnh đất khó cày, nhưng vẫn vui vẻ chịu đựng tới lúc có cháu nội.

TRONG một căn bếp nhỏ, mái lợp rạ, người đàn bà ngồi trên chiếc ghế tre thấp đang nhóm lửa bằng củ khô cắt ở sườn núi để nấu cơm. Ngoài sân, có hai đồng rơm cao ngất nhưng bà không đụng tới. Bà hoặc người chồng sẽ gánh ra tỉnh bán cho dân thành phố lấy tiền vì chỉ có họ mới dám sai thứ rơm quý giá đó.

Ngọn lửa hắt ánh sáng lên khuôn mặt dài, nước da sạm nắng gió. Khuôn mặt không đẹp nhưng phúc hậu.

Một bà cụ già mặc áo bông màu đỏ ngồi xếp nơi góc bếp phía gần ngọn lửa. Mắt bà lão đã nhập nhèm nhưng bà vẫn còn nom rõ những vật chung quanh. Bà cụ đang ngồi ngắm những hạt lửa bắn tung toé nơi tay người đàn bà cùng là ngồi chờ nồi cơm chín tới.

Vào giờ này, người đàn ông vẫn còn làm việc ở ngoài đồng. Bọn trẻ con, đứa con trai lớn lên năm tuổi, đứa con gái mới lên ba, đứng thập thò nơi cửa

bếp kêu đói. Đứa bé út nằm lăn dưới bếp.

Cơm chín, người đàn bà dọn ra cho mẹ chồng cùng mấy đứa nhỏ ăn trước rồi bà ra cửa ngồi chờ chồng ở ruộng về.

Dãy núi thấp bao quanh thắm dần trên nền trời vàng nhạt. Dưới thung lũng, lấp lánh ánh lửa bữa cơm chiều. Trong cảnh nhá nhem, người đàn bà nhận thấy chồng đang rào bước về, lưng cuốc trên vai, miệng ngâm nga hát. Giọng hát trong và cao đã từng làm bao người say mê khi nghe hát trong những ngày hội hè đình đám hoặc trong quán nước.

Cơm nước xong, người chồng trèo lên giường ngáp dài. Bà già, vì đêm tối không trông thấy gì hồi trống không :

— Thằng cả đi ngủ rồi ư ?

— Thừa mẹ vắng. Mẹ nghĩ coi, bây giờ còn làm được việc gì nữa. Làm và ngủ, làm và ngủ chỉ có thể thôi.

Bọn trẻ nhỏ cũng lên giường nằm ngủ với bố chúng. Người đàn bà, sau khi dọn dẹp xong cũng đi ngủ.

II

BUỔI sớm mai, khi mọi người trong gia - đình còn say giấc điệp, người đàn bà đã phải thức giấc khi mặt trời còn chưa mọc. Bà mở cửa sưa đàn gà và lợn ra ngoài, sau đó dẫn trâu ra sân trước nhà cột dưới tảng cây liễu rồi hốt đồng róc mà bà đã thu gọn hồi đêm trước.

Sau đó, người đàn bà nhúm lửa đun nước để cho chồng và mẹ chồng uống khi hai người thức giấc rồi bà để dành một ít ngâm trong cái gáo bằng gỗ để rửa mắt cho đứa con gái nhỏ.

Mỗi buổi sáng, đôi mí mắt đứa nhỏ dính chặt lại và chỉ mở ra được khi mẹ nó rửa sạch. Mỗi lần người mẹ tỏ ý lo ngại với mẹ chồng thì bà già chỉ thản nhiên trả lời :

— Ôi dào, hồi tao còn nhỏ tao cũng bị đau mắt như nó mà tao có chết đâu.

Còn người chồng cũng đáp lưng :

— Tại sao mình lại phải tốn tiền vì một thứ bệnh nhỏ mọn không làm chết người vậy ? Hồi tôi còn nhỏ, cũng đau mắt mà ông già có tốn một đồng xu nhỏ nào đâu để chữa mắt cho tôi.

Người đàn bà đành im lặng.

Trẻ con trong làng hầu hết đứa nào cũng đau mắt, khi lớn lên nơi mắt chúng đều có sẹo, ngay cả người chồng cũng vậy. Nhưng điều đó không có chi quan trọng cả.

Khi người đàn bà thổi xong cơm thì mặt trời cũng vượt khỏi ngọn núi phía đông, hắt những tia nắng ấm áp đầu tiên xuống đồi cây ngọn cỏ.

Cứ thế, ngày lại ngày nối tiếp nhau, công việc của người đàn bà chỉ có thế.

Buổi tối khi ăn cơm xong, bà dọn dẹp bát đĩa, rửa sạch rồi cất vào trong hộc tường. Dưới ánh trăng mờ mờ, bà đi múc nước giếng đổ đầy bình. Sau đó bà cho trâu ăn rơm rồi dắt vào trong buồng, buộc đầu giây vào thành giường nơi người đàn ông ngủ. Đàn gà thì nhốt dưới gầm giường. Sau hết bà lại ra sân một lần nữa để gọi con lợn và đẩy nó vào nhà. Riêng con chó ở ngoài, nằm cuộn tròn nơi ngưỡng cửa.

Nếu có người nào các có hỏi, người đàn bà vội trả lời :
« Nhưng phong cảnh có thay đổi đấy chứ, từ lúc gieo mạ tới

ngày gặt hái, những ngày hội rồi tết Nguyên đán. Cả đến những đứa trẻ cũng thay đổi, chúng lớn lên, những đứa khác ra đời. Chỉ nhìn thấy những cảnh đổi thay đó cũng đủ bắt buộc tôi phải làm việc tận lực từ sáng tới tối rồi. ».

Người đàn ông, sau bữa ăn sáng, lại vác cuốc ra đồng. Sau đó, người đàn bà dẫn mẹ chồng ra cửa ngồi sưởi nắng, kêu bọn trẻ lại ngồi chung quanh bà nội để bà trông chừng chúng kéo có dừa lẩn bước về mé ao chơi sợ có sự rủi ro, rồi mới yên tâm ra đồng làm việc.

Người đàn bà yên tâm cũng phải vì đã có bà mẹ chồng ngồi trông nhà rồi. Bà già, dù mắt đã kém, nhưng cũng còn nhận được mặt người quen kẻ lạ và biết kêu lên hoặc yên lặng khi họ lại gần.

Người đàn bà không bao giờ hề nghi xấu mẹ chồng, dù rằng, nhiều khi bà thấy ở trong xóm, nhiều bà mẹ chồng với nàng dâu thường chửi rủa nhau vì đã không cư xử khéo léo với nhau. Kể ra thì thỉnh thoảng người đàn bà cũng buồn buồn, nhưng bà chỉ coi người mẹ chồng như

một đứa trẻ nhỏ khó tính, ngộ ngược, hề chiều được nó là êm chuyện.

III

KHI những cây đậu bắt đầu có trái, người mẹ sanh đứa con thứ tư. Ở trong xóm không hề có bà mụ đỡ đẻ như ở những làng sầm uất đông dân cư hoặc như ở tỉnh thành, nhưng các bà mẹ đã tự giúp nhau khi họ lâm bồn.

Đang làm việc ngoài đồng, thấy chuyển bụng, người đàn bà vội vã trở về nhà. Các em họ bên hàng xóm vội sang giúp.

Bọn trẻ nhỏ tự nhiên thấy ban ngày ban mặt mà cửa đóng, không biết chuyện gì vội đập cửa đòi vào với mẹ. Người mẹ không cho vào, nhưng đứa lớn rầy rụa không chịu, con nhỏ cũng bắt chước anh khóc ré lên. Khó chịu đến cực độ, dù bụng đang quặn đau, người mẹ cũng vùng dậy, mở cửa vụt đứa nhỏ, miệng hét lớn : « Mày làm khổ đời tao, mày không nghe lời tao, rồi bây giờ lại sắp có đứa nữa, nó cũng sẽ giống mày cho mà coi ».

Sau khi bớt giận, người mẹ bảo cô em họ cứ cho chúng vào

và dùng đóng kín cửa. Thằng bé bước vào, nhưng khi nhìn thấy đôi mắt nghiêm khắc của bà cô vội lùi ra ngoài mắt. Riêng đứa gái nhỏ ngồi bết xuống nền đất gần chỗ mẹ nó nằm.

Người đàn bà nằm im lặng, mặt tái ngắt, mồ hôi đổ giọt. Thỉnh thoảng bà nhăn nhó vì đau đớn. Cô em họ và bà mẹ chồng, trong lúc chờ đợi, vui vẻ nói chuyện trời, chuyện đất không ngớt miệng.

Khi người đàn bà kêu lên, cô em họ chạy nhanh tới, với dáng điệu lạnh lẽo, khéo léo đỡ đứa bé sơ sinh : đứa con trai.

Người mẹ ngủ thiếp đi trong cơn mệt nhọc. Bên cạnh, cô em họ tắm rửa đứa bé, quấn tã rồi đặt nó kế bên người mẹ đang ngủ mê mệt dù đứa bé eo oe khóc.

Dặn dò bà già trông chừng đứa nhỏ, cô em họ chạy vội về nhà. Khi mang tô cháo nóng sang cho người đàn bà để cô phải dừng lại để nói chuyện với đứa bé khi nó nói : « Cô có biết cháu có em bé không ? ». « Cô biết chứ, vì cô đã bế em cháu rồi ».

Người đàn bà ăn hết tô cháo rồi cảm ơn cô em họ. Người

này vội nói : « Rồi chị cũng giúp em như thế mà ».

IV

Riêng người đàn ông vẫn thân nhiên như không. Sự ra đời của bọn trẻ không có gì lạ cả bởi chúng cũng mở mắt chào đời giống y như nhau. Rồi phải nuôi chúng, cho chúng ăn mặc, rồi về sau, khi chúng lớn lên, phải dựng vợ gả chồng cho chúng rồi lại những đứa nhỏ khác ra đời nữa.

Người chồng cũng mở mắt chào đời ở cái xóm nhỏ này. Cả đời ông chưa hề thấy một sự gì khác lạ xảy ra cả. Sự gì cũng giống nhau, ngày nay giống ngày trước và cũng chẳng có gì khác lạ để mong đợi cả.

Khi thức dậy buổi sớm mai, vẫn dãy núi đứng sừng sừng trước mắt. Người đàn ông làm việc suốt ngày và đến chiều tà, khi trở về, những dãy núi vẫn còn nguyên đó, ngọn chọc lên trời cao.

Người đàn ông bước vào trong nhà nơi ông đã sinh ra, ngủ trên chiếc giường mà hồi còn nhỏ, ông đã nằm ngủ chung với cha mẹ, cho tới giờ đây,

vì muốn tránh sự bất tiện, ông làm thêm một chiếc giường nhỏ để mẹ già nằm, riêng ông vẫn nằm ngủ trên chiếc giường lớn đó cùng với vợ và các con.

Trong nhà không có gì thay đổi cả. Chỉ có thêm vài món lặt vặt khi ông cưới vợ: ấm nước, cái giá đựng nệm, cái mền và bức tranh ông thần tài treo trên vách.

Thỉnh thoảng người chồng đứng ngắm tấm tranh và rửa thầm trong bụng ông thần tài mặc áo sặc sỡ đỏ, xanh, vàng vẫn tũm tĩm cười trên tường cao vì ông chưa hề mang tiền tới cho gia chủ. Vẫn căn buồng tồi tàn như từ thuở nào.

Một vài khi người chồng ra tỉnh chơi nhân ngày hội, hoặc nếu trời mưa, ra quán nước chơi bài bạc với mấy người vô công rồi nghề.

Nhưng mỗi khi trở về nhà, đứng trước mặt người đàn bà đã sanh ra một trẻ nhỏ mà ông ta phải cật lực ra làm việc để nuôi chúng, người chồng không còn nghĩ gì khác được nữa: buổi sáng dậy, ra đồng làm — cánh đồng hầu hết của một địa chủ sống ngoài tỉnh, —

làm suốt ngày như ông cha đã làm trên thửa ruộng ấy. Sau đó trở về ăn cơm gạo hầm, không dám đụng tới những thức ăn ngon lành vì chỉ để dành bán cho những người dư dả rồi đi ngủ để lại bắt đầu chờ một buổi mai.

Sự thâu hoạch mùa màng không được hưởng trọn vẹn. Một phần phải nộp địa tô cho chủ, một phần phải dứt lót người đại diện chủ điền.

Cứ mỗi lần nghĩ tới tên quản lý khả ố, người chồng lại cau có khó chịu và gây lộn với vợ. Nhưng khi người đàn bà nổi giận, người chồng lại im lặng nhẫn nhục. Nếu người đàn ông có đánh bọn trẻ nhỏ, thì mẹ chúng lại bênh vực, che chở chúng.

Trong tình trạng đó, người chồng chỉ còn biết nghĩ tới những ngày hội hè, những ngày dài đằng đẵng của mùa đông rét mướt để chơi bài hoặc ngủ vùi.

Nếu trong lúc làm việc, người người chồng có nằm dài xuống bờ cỏ để ngủ cho đỡ mệt thì người vợ sẽ lay thức chồng — dù trong thâm tâm người đàn bà

vẫn thương yêu chồng — dậy làm. Người chồng sẽ cầu nhau nói : « Tôi có quyền nằm ngủ vì tôi đã làm việc quá sức để tự nuôi lấy thân tôi. »

Nhưng vợ sẽ vặn lại : « Chúng mình không có con hay sao ? Mỗi người trong hai ta không phải làm việc vì chúng hay sao? »

Nhưng hình như sự thật bọn trẻ nhỏ chỉ là của riêng của người mẹ mà thôi, người đàn ông không bao giờ để ý, săn sóc tới chúng.

Mỗi năm độ vài lần, hai vợ chồng lại cãi lộn, khi người vợ thấy chồng sau khi mang đậu, rau, ra tỉnh bán về, đã mua một vài thứ đồ dùng mà ông ưa thích. Người đàn ông đã nhìn nhục, nhưng nhìn lắm thì tức nước vỡ bờ.

Một ngày mùa thu, khi ở tỉnh về, người đàn ông có mang chiếc cà rá nơi ngón tay. Khi nhìn thấy người vợ đã giận dữ hét lên : « A, mình đã phí phạm đến thế ư ? »

Đã có bao giờ mình nghe thấy người ta nói một người đàn ông thật thà, nghèo lại đeo chiếc nhẫn vàng không ? Chỉ có người giàu có mới đeo mà

không có ai bình phẩm. Nếu là người nghèo khổ, thật chẳng đẹp mắt chút nào cả. Vàng ! Người ta có thể sắm một chiếc nhẫn vàng với số tiền bằng đồng được ư ? »

Người vợ đành lấy chiếc nhẫn để xem và thử có thật là vàng hay không. Người đàn ông uất ức không biết làm gì hơn, bỏ vào giường nằm khóc. Bọn trẻ con thấy thế cũng oà khóc theo bố. Bà già chứng kiến cuộc cãi lộn cũng sợ sệt đứng yên.

Tới bữa cơm, vì hối hận, người vợ vội làm thêm món ăn ngon mà chồng thường ưa thích để an ủi chồng nhưng người đàn ông nhất định không ăn. Mời mãi người chồng mới trở dậy để ăn một cách miễn cưỡng.

Tới giờ ra đồng làm việc, người đàn ông nhất định ở nhà nghỉ, người vợ đành đi một mình. Bà già vui mừng khi thấy con trai ở nhà sẽ có người để nói chuyện nhưng người con cũng đứng dậy bỏ ra quán nước.

Cho tới tháng sáu, vào một buổi trưa mùa hạ, hai vợ chồng lại cãi lộn nhau một lần nữa.

Khi cả nhà đang ngồi hóng mát dưới tàn cây liễu sau bữa ăn trưa, một người bán dạo đi ngang qua nhà, mồn rao ‘vải bán đây !’.

Thấy có người ngồi, người bán hàng vội dừng lại để mời chào. Người đàn bà vội từ chối khéo: « Chúng tôi không có tiền nên không mua họa chăng cũng chỉ mua một mảnh vải nhỏ cho đứa bé mới sanh mà thôi ».

Người bán dạo khéo tán tỉnh làm người đàn bà phải mua một mảnh vải. Trong lúc người này vào trong nhà lấy tiền, hẳn ta lại mở ra sắp vải lụa màu xanh tươi để mời người đàn ông. Người chồng lắc đầu : « Tôi chẳng có gì cả ở chiếc nhà này, tôi chỉ có việc làm và còng làm, còng có nhiều miệng ăn. »

Nhưng rồi người đàn ông cũng hỏi mua mấy thước vải lụa xanh vì những lời nói khéo của người bán hàng cùng lời phụ họa của mẹ già. Khi trở ra, người đàn bà vội phản đối không muốn chồng mua vải.

Lúc này người đàn ông mới dùng tới quyền hành của một người chồng, người chủ gia-

đình. Ông bước vào trong nhà, moi ở hộc tường lấy tiền. Người vợ chạy theo định cản nhưng bị chồng gạt ngã, đứa nhỏ vẫn ở trên tay, khóc thét lên.

Thấy vợ chồng cãi lộn, người bán dạo sáu khi nhận tiền vội đi luôn. Vì muốn tránh không cho ai biết chuyện gây lộn trong gia đình, người vợ đành nhẫn nhục may áo cho chồng, nếu không ông ta mang ra tiệm để cắt.

« Với giá tiền đó, chiếc áo đáng như chiếc áo của nhà vua », người vợ đã nói, mắt không buồn nhìn chồng khi ông mặc chiếc áo mới để ra ngoài phố.

V

NGỒI dưới cây liễu se chỉ khâu, người đàn bà nhàn nại chờ chồng về. Bà già, như không để ý đến nỗi lo lắng của con dâu, chỉ thấy vui khi có người nghe chuyện mình. Bọn trẻ con, trần truồng chạy nhảy dưới ánh nắng gắt mùa hạ.

‘ Mặc dầu có áo mới, chắc nhà con cũng sắp về vì đã tới giờ ăn », người đàn bà khò khan nói.

« Đúng rồi, cái áo che bụng

cùng không bằng bao tử đầy». Bà mẹ chồng phụ họa theo.

Thằng con lớn dẫn đưa em ở trong làng về. Người mẹ hỏi chúng có gặp bố không, chúng cho hay buổi sáng cha chúng có ngồi nơi quán nước, mặc chiếc áo xanh mới rất đẹp.

Dặn mẹ chồng ngồi đón con trai, người đàn bà vào bếp rửa soạn cơm nước. Đêm về dần, cả nhà đã ăn cơm mà người đàn ông vẫn chưa thấy về.

Đã bao lâu nay ngủ với chồng thường quá rồi, giờ đây vắng người đàn ông, người vợ tự nhiên cảm thấy lo sợ pha lẫn sự hối hận. Nếu không ngăn trở ý thích có áo mới đâu người chồng lại bỏ ra đi như thế. Lúc đầu người vợ còn tin tưởng chồng mình ra tỉnh chơi, nhưng ngày lại qua ngày, bóng người đàn ông mặc áo xanh vẫn vắng bật.

Khi khám phá được một sự thật — người chồng đã moi hết tiền dành dụm để ra đi — người vợ đành cần rằng không dám nói cho mẹ chồng hay. Bà tính toán với số tiền đó dùng để tiêu phí ngoài tỉnh thì chỉ trong vòng một tuần-lẽ là người đàn

ông phải trở về.

Nhưng người chồng vẫn bất tin. Dân làng bàn tán xôn xao, một bà góa chồng, lắm điều bô bô nói ông ta đã bỏ vợ bỏ con đi rồi.

Người vợ đau khổ vội cải chính rằng chồng mình đã đi làm xa, vì sợ mẹ già buồn nên không dám nói thật. Bà mẹ chồng cũng tưởng thật vội trách con dâu đã dấu mình.

Tới mùa gặt hái, người đàn ông cũng không trở về. Người em trai họ ở bên cạnh phải sang giúp đỡ chị dâu. Khi nộp tô cho người đại diện, người em họ chị phải sang giúp vì anh e ngại có sự không hay xảy ra cho chị mình khi viên quản lý tới thu thóc.

Mùa thu trôi qua, mùa đông tới, vẫn không có tin tức của người vắng mặt. Tết sắp đến, người đàn bà đau khổ tin tưởng chồng mình sẽ trở về, vì, chỉ trừ những kẻ ăn mày hoặc họ đã chết, nếu không, ai ai cũng phải trở về nhà để đón năm mới.

Ngày trọng đại đã tới, người chồng vẫn không trở về. Rồi những ngày đầu năm cũng lặng lẽ trôi qua. Người mẹ phải nó

đối các con cùng bà ngoại chúng là người đàn ông bạn quá không thể về được. Nhưng khi đêm về, bà đã khóc thăm thẳm giữa đêm tối. Bà khóc vì người đàn ông đã bỏ ra đi, bà khóc vì phải nghe những lời bàn tán chua chát của dân làng nhất là của con mẹ góa lắm lời, bà khóc cho tương lai vì một mình bà phải cặm đáng nuôi gia đình mấy miệng ăn.

Để tránh sự đàm tiếu của mọi người, bà phác một chương trình hành động bầu che mắt kẻ khác. Một buổi sáng bà mang gạo ra tỉnh bán. Khi nhận tiền, bà đổi tiền đồng lấy tấm tiền giấy, rồi đi tìm một cụ già chuyên viết thuê để nhờ ông này thảo một bức thư gửi về làng.

Bà nói dối đó là bức thư của một người em trai muốn gửi về cho vợ nhưng bị bệnh nên bà phải đi hộ. Lá thư đại ý nói vì ông chủ miễn anh nên anh không thể về thăm nhà được. Nơi anh làm việc cũng dễ chịu, tiện đây anh gửi về mười đồng tiền là tiền anh dành dụm được để cho người vợ, các con và mẹ già chi dùng. Anh cũng tỏ ý năm tới sẽ về thăm nhà cùng

là mua biểu mẹ già một tấm vải đỏ.

Lá thư viết xong, người đàn bà đau khổ trả tiền công rồi mang ra nhà trạm gửi.

VI

Bảy ngày sau, một người phu trạm tới xóm. Nhìn người đàn bà, anh hỏi : « Có phải bà là bà Lý không, có lá thư của chồng bà gửi đây ».

Người đàn bà cố gắng tạo bộ mặt vui mừng reo to gọi mẹ chùng. Bọn trẻ con cũng reo mừng khi thấy có thư của cha nó gửi về. Bà già quá sung sướng đến phát ho sặc sụa làm cô cháu họ vội vã vừa dăm lưng vừa khuyên bà chớ mừng thái quá kẻo chết trước khi con bà về.

Khi người đàn bà xuống phố tìm người đọc hộ lá thư thì cả xóm đều đã hay tin. Trong nhà người thư ký đông đặc người hiếu kỳ, chờ đợi được nghe những lời của người phương xa gửi về dù rằng không phải gửi cho mình.

Khi nghe đọc xong lá thư, mọi người đều chia vui với

người đàn bà. Tất cả tranh nhau dằng coi trước tấm giấy bạc giá trị mười đồng mà từ trước tới nay chưa hề ai được nhìn thấy. Người đàn bà góa lúc này lại thân thiết hơn hết với người đàn bà có chồng xa vắng.

Cái mưu viết thư đã được hoàn toàn suông sẻ, không còn ai nói cạnh nói khoé tới người đàn bà nữa nhưng cũng vì tờ giấy

bạc mười đồng mà bà phải tiếp hết người nọ tới người kia — đầu tiên là viên thư ký — tới hỏi mượn tiền. Bà phải nói dối mình đã tiêu hết rồi.

Khi mọi người ra về bà chỉ ngồi khóc thầm cho tình cảnh của mình. Không tạo ra lá thư cũng khổ với chòm xóm, khi có tiền cũng khổ vì sự dòm ngó của họ.

(Còn tiếp)



★ «CHA TAO KHỜ!»

Một người Ý bảo với bạn : « Tôi có thằng con trai khờ khạo lắm. Nay, đề anh coi ». Nói xong, ông kêu con trai của ông và bảo :

— Cu Khờ, Bà cho con 5 đồng đây nè, con chạy qua tiệm cà-phê ở bên kia đường coi có Ba ở đó không nhé !

Cu Khờ lấy 5 đồng bỏ túi, chạy sang tiệm cà-phê ở bên kia đường. Nó gặp một đứa bạn, nó bảo :

— Mày ơi, ba tao khờ quá. Ông cho tao 5 đồng đề qua đây coi có ông ở đây không. Sao ông khộng gọi điện thoại hỏi người chủ tiệm thì người ta trả lời cho ông biết mà ông khời phải mất 5 đồng, phải không ?

(Chuyện vui trong một tờ báo Ý)

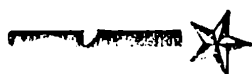
Thi-sĩ
André CHENIER

và nàng

MỸ NHÂN

trong ngục

trước khi lên máy chém



★ TÂN-PHONG

ANDRÉ Chénier bị bắt đêm hôm qua, anh đã biết chưa ?
— Tôi có nghe. Tội nghiệp nhà Thi-sĩ còn trẻ tuổi !
Một Thiên-tài của nước Pháp hiện đại !

Hai người bạn ngẫu nhiên gặp giữa đường, chỉ nói chuyện thì

thầm mấy câu, rồi, nét mặt buồn-bã, sợ sệt, âm thầm, ai đi đường nấy. Cuộc cách mạng Pháp đang trải qua thời kỳ « khủng bố đỏ », mỗi ngày có hàng mấy xe bò chở những kẻ « phản-động » đến pháp trường, đề lên máy chém. Máu chảy đầu rơi không ngớt. Ngày 21 tháng giêng 1793, vua Louis XVI bị tòa án cách mạng xử-tử. Lần đầu tiên trong lịch-sử, lưỡi

dao của dân chúng Pháp chặt rụng một cái đầu Vua. Cách-mạng Pháp đã bùng nổ 4 năm rồi, chế độ Cộng hòa đã thiết lập, hò-hét Dân quyền và Nhân quyền, mà hòa-bình và trật tự càng ngày càng rối rắm. Các ủy ban cách-mạng kế tiếp nhau cai trị nước Pháp giữa một không khí sôi nổi khắp non sông, nghi kỵ, thù hiềm, chém giết. Đầu người rơi rụng như lá mùa Thu : đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ, phong kiến, quân chủ, công dân, cách-mạng, phản động, chết xô bồ, chết mù quáng, chết oan-ức, chết hãm hực, chết nguyên rủa, chết hăm he. Đến cả chủ tịch cũng giết chủ tịch, đồng chí giết đồng chí, bạn giết bạn, thù giết thù. Cộng hòa Pháp quốc được xây đắp bằng xương với máu.

Bao nhiêu nhân vật, nhân tài, có những tiếng tăm trong lịch sử, trong văn học, đã lần hồi bị bắt, bị tù, bị lên máy chém. Trừ một số đã trốn ra ngoại quốc để bảo tồn sinh mạng. Ngày 19 tháng Ventôse (tháng Hai) năm thứ II Cộng Hòa (1793), Công an Cộng Hòa bắt một chàng Thi sĩ mới có 31 tuổi nhưng đã lừng danh trong giới Văn học : ANDRÉ CHÉNIER.

Chàng làm gì mà bị bắt giam vào khám lớn Saint Lazare đã chật ních những tù nhân ? Chàng viết báo, chàng làm thơ. Chàng khao khát tự do, chàng chống lại khủng bố, chàng kêu gào nhân đạo, nhân quyền, công lý ! Chàng « phản động » !

Ở trong tù, lẫn lộn bọn lưu manh với người quyền quý, mặc ai ăn uống, cười dớn (vẫn cười dớn, vẫn ăn uống !) Thi-sĩ André Chénier ngồi riêng một xó, làm thơ. Với những mảnh giấy vụn vặt, gập đầu lượm đó, những miếng giấy gói phần sấp của mấy bà mấy cô, những mảnh giấy gói thịt quay, bánh mì, pho mát, của mấy ông, mấy thầy, Thi sĩ chép những giòng thơ lai-láng trong ngục tù. Chàng bỏ bữa bãi một đồng, hai đồng, gió thổi bay tan tác đây một tờ, kia một tờ... Nhiều người nhặt lên coi, thích thú, mỉm cười, bỏ túi cất làm kỷ niệm.

Vài ba hôm sau, chàng sức nhớ, đi lang thang trong sân tù hỏi ai có lượm mấy bài thơ của chàng cho chàng xin lại. Chàng gửi về cho ông thân sinh, LOUIS DE CHÉNIER. Suốt mấy tháng trời trong ngục, chàng đợi đi ra tòa không ai gọi ra tòa, đợi lấy

khẩu cung không ai lấy, khẩu cung, đợi lên máy chém nhưng cũng chưa thấy tên chàng trong sổ đoạn trường. Hằng ngày chàng thấy vài ba người, có khi năm sáu người, đang ăn uống vui đùa trong sân tù, bỗng dưng có lính đến gọi. Tối không thấy họ trở về nhà lao. Hỏi ra thì họ đã bị lên đoạn đầu đài.

André Chénier ngấu hứng viết mấy câu thơ mà cả mấy trăm người trong khám Saint Lazare đều học thuộc lòng:

*Comme un dernier rayon, comme
un dernier zéphyre,*

Animent la fin d'un beau jour,

*Au pied de l'échafaud j'essaye
encor ma lyre,*

*Peut-être est-ce bientôt mon
tour ?*

(*Như tia nắng rọi hoàng hôn,*

*Tê-mê xao xuyến trong cơn gió
chiều,*

*Ta còn trời khúc nhạc yêu,
Ngồi bên máy chém, nâng niu
phím đàn.*

Đời ta sắp đến phút tàn l)

Ngày tàn của Thi sĩ André Chénier cũng như của mấy trăm tù nhân trong Khám Saint Lazare, có thể đến đột ngột không ai báo cho biết trước. Thi-sĩ phó mặc cho số mệnh, cứ dề rung lên tiếng đàn muôn điệu dù đã biết rằng chiều nay hay mai, không biết lúc nào sẽ đến lượt chàng phải bước lên máy chém !

Bỗng dưng một hôm Thi-sĩ trông thấy một thiếu phụ còn trẻ măng và rất yêu kiều, duyên dáng, bị xiềng xích hai tay dẫn vô lao và nhốt trong ngục kín. Nàng khóc sụt sùi, kêu la thảm thiết vô cùng. Thi-sĩ hồi-hộp xót xa, bồn khoăn xúc động... Chàng rung rung hai ngón lệ... Nàng là ai ?

«Ta chưa muốn chết giữa thời mơ hoa»

NỮ Công - tước de Fleury, nữ danh AIMÉE DE COLIGNY là một vị thiên-

kim tiểu-thư, con gái một nhà quyền quý.

Nàng lấy chồng sớm, và năm ấy nàng mới có 19 tuổi. Công-

quốc de Fleury, chồng nàng, cũng 19 tuổi, là một tay cờ bạc khét tiếng, nợ nần lung tung, chàng cứ phải xa lánh Paris, để trốn nợ. Cô vợ ở nhà, buồn tình, trai-gái với Lauzun, một vị quan hầu của Hoàng-hậu Marie Antoinette. Tuy vậy nàng còn ngây thơ lắm, chỉ biết vui đùa chơi dờn suốt ngày, các cuộc yến tiệc dờn ca nào nàng cũng được mời dự, và nàng thích hát, thích khiêu vũ, ưa đi dạo chơi trong kinh thành, chẳng lo nghĩ gì cả. Tuy rằng Paris lúc bấy giờ đang sống trong không khí xôn xao và kinh khủng của cách mạng, đa số các nhà quyền quý đều bị bắt giam, hoặc trốn ra ngoại quốc, Vua Louis XVI và Hoàng Hậu đã bị dân chúng và ủy ban cách mạng hăm he xử tử, ngai vàng rung rinh, nhưng nữ công tước Aimée de Cogný vô tư lự, vẫn vui đùa, tham gia các cuộc biểu tình như là các buổi liên hoan. Nàng đi coi dân chúng đốt phá ngục Bastille, ngọn lửa bay lên đỏ rực đối với cặp mắt ngây thơ của nàng không khác nào những cây pháo bông cháy rực rỡ trên vòm trời Paris. Nàng cười ngất, vỗ tay, nhảy nhót : « lửa cháy đẹp quá kia kia! »

Aimée quên rằng dân chúng đói rách, không có bánh mì để ăn, không đủ quần áo để mặc, cho nên họ đốt phá ngục Bastille, tức là họ biểu lộ ý-chí đập đổ chế độ quân chủ phong kiến, với dự định giết vua, và bỏ tù tất cả những kẻ quyền quý có chức tước của vua, trung thành với vua, phản động với dân. Aimée quên rằng nàng thuộc về dòng dõi quyền quý, nàng là vợ một công tước, nàng bị liệt vào thành phần quý tộc.

Kể cũng tội nghiệp cho nàng, 16 tuổi hầy còn ngây thơ quá, có hiểu cách mạng là gì đâu !

Nàng vẫn vui chơi, cười đùa, ngồi xe song mã đi dạo rong thành phố ! Nhưng dần dần những bạn bè trong giới quý tộc của nàng đều bỏ kinh thành Paris, đi trốn sang Anh, sang Bỉ, hoặc sang Đức. Những người ở lại đều lần hồi bị bắt, bị truy tố, bị giam trong các nhà lao.

Aimée cứ nghĩ rằng nàng còn trẻ tuổi, vô tội, không làm hại ai, không có hành vi gì gọi là « phản động » cả, thì chắc là người ta để nàng yên phận, không ai đụng chạm đến nàng làm chi.

Nàng lạc quan, vui vẻ, yêu đời như thế, bỗng dưng một hôm

nàng đang đi chơi ngoài đường, kinh ngạc thấy một đám đông nhân viên của « Ủy Ban Bảo vệ Công Cộng » nai nịt súng ống, tiến đến bắt nàng, cột hai tay nàng trong giây xích sắt và lôi kéo nàng đi. Nàng la khóc om sòm, thì bọn người kia hăm dọa : « Im cái mồm, không thì quăng xác xuống sông Seine, nghe chưa ? » Nàng run sợ khóc ầm ức, thiếu điều lay mấy tên võ tướng : « Tôi vô tội, các ông ơi ! Tôi vô tội, sao các ông bắt tôi ?... »

Người ta dẫn nữ công - tước de Fleury, 19 tuổi, vào khám lớn Melun. Ở đây đã chật ních tù nhân rồi, họ giải nàng đến khám la Force. Đây cũng đông nghẹt những tù, họ lại đẩy nàng lên xe cây, chở tới nhà Lao Saint Lazare.

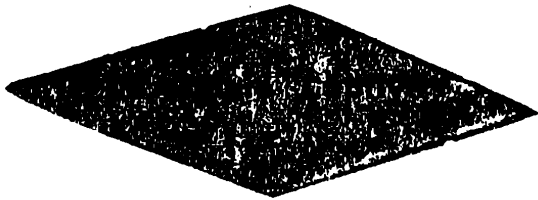
Nàng bị giam trong một phòng tối ngay bên cạnh phòng của André Chénier.

Nàng không ngờ ở vách tường

bên kia có một Thi nhân đang nghe nàng khóc và kè lè nổi lòng đau khổ. Thi nhân cũng không ngờ người đẹp ở trong ngục tối phía bên kia là một nữ công tước mới 19 xuân xanh, tên Aimée de Coigny.

André Chénier chỉ tưởng tượng lại khuôn mặt kiều diễm ngây thơ của mỹ nhân mà chàng thoảng thấy lúc ban chiều, và cả đêm chàng thầm yêu trộm nhớ.

Bức tường ngục nặng nề và đen thui chắn ngang đôi tâm hồn. Chàng nao nức muốn qua bên nàng để hỏi han, an ủi, nhưng làm sao được ? Chàng lắng tai nghe tiếng nàng than khóc nhưng quyết không chịu chết trong ngục thăm, không muốn chết đương tuổi xuân thời, Thi nhân lắng nghe, xúc động, rồi âm thầm làm ra một bài thơ bất hủ. Bài thơ có 9 đoạn, tôi xin trích ra 6 đoạn hay nhất như sau đây :



« **L'**ÉPI naissant mûrit de la
faux respecté;
Sans crainte du pressoir le pampre

tout l'été,
Boit les doux présents de l'aurore;
Et moi, comme lui belle, et jeune

comme lui,
 Quoi que l'heure présente ait
 de trouble et d'ennui,
 Je ne veux point mourir
 encore.

Qu'un stoïque aux yeux secs
 vole embrasser la mort :
 Moi, je pleure et j'espère. Au
 noir souffle du nord
 Je plie et relève ma tête.

S'il est des jours amers, il en
 est de si doux !

Hélas ! quel miel jamais n'a
 laissé de dégoûts ?

Quelle mer n'a point de
 tempête ?

L'illusion féconde habite dans
 mon sein.

D'une prison sur moi les murs
 pèsent en vain,

J'ai les ailes de l'espérance.

Echappée aux réseaux de l'oi-
 seleur cruel,

Plus oïse, plus heureuse, aux
 campagnes du ciel,

Philomèle chante et s'élance.

.
 Ô mort ! tu peux attendre ;
 éloigne, éloigne-toi ;

Va consoler les cœurs que la
 honte, l'effroi,

Le pâle désespoir dévore.

Pour moi, Palès encore a des
 astiles verts,

Les Amours des baisers, les Mu-
 ses des concerts.

Je ne veux point mourir encore ! »

Ainsi, triste et captif, ma lyre
 toutefois

S'éveillait, écoutant ces plaintes,
 celle voix,

Ces vœux d'une jeune captive ;

Et secouant le faix de mes jours
 languissants,

Aux douces lois des vers je pliais
 les accents

De sa bouche aimable et naïve.

Ces chants, de ma prison témoins
 harmonieux,

Feront à quelque amant des lo-
 sirs studieux

Chercher quelle fut celle belle.

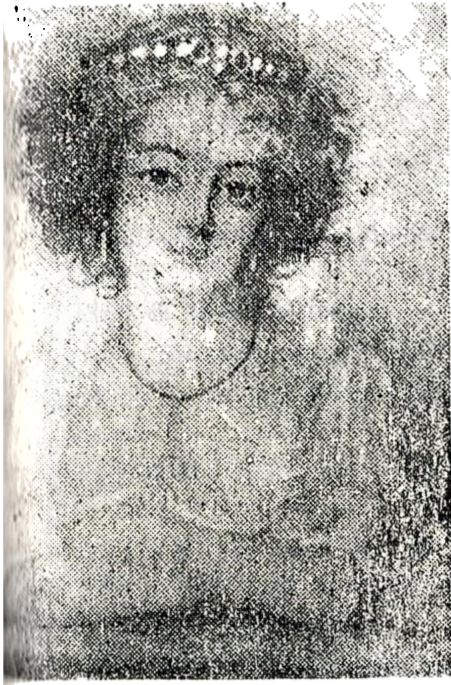
La grâce décorait son front et ses
 discours,

Et comme elle craindront de voir
 finir leurs jours

Ceux qui les passeront près
 d'elle.

XIN TẠM DỊCH :

Giai nhân trong ngục thẩm



BÓNG lúa xanh đang còn
Đơm mộng,
Lưỡi-hái nào nở động đến bông ;
Nhỏ tươi đang nóng nắng hồng,
Tay nào nở hái bỏ thùng ép nho ;
Ta đây cũng hờn thơ ấp mộng,
Đang ngọt ngào gió lộng hương
tươi,
Dầu cho loạn lạc toi bời,

Ta chưa muốn chết giữa thời mơ
hoa !
Ai hào kiệt xông pha quyết chết,
Ta khóc thầm, chờ hết can qua,
Dù cơn gió bắc phôi-pha,
Cúi đầu ta chịu rồi ta ngược đầu !
Bao nhiêu đêm lệ sần nước nở,
Phải có ngày rức rở hân hoan !
Ngọt bùi cũng có tấn toan,
Biến êm, còn lúc sóng vang bão gầm !
Lòng ta chứa đầy mầm sinh lực.
Nào sá chi bốn bức tường lao,
Hồn ta chấp cánh bay cao,
Bấy nhiêu hy vọng là bao nhiêu
tình !
Thoát khỏi lưới ngục hình độc ác,
Như Họa-mi ca hát vui mừng,
Càng bay, bay vút tung bừng !
Càng cao, cao vút, vang lòng tiếng
ca !
... ? ? ! . . .
...
Hỡi Thần Chết ! Lành xa ! Xa
hắn !
'Đến những ai lòng chẳng thiết tha
Những ai ngày tháng tiễn ma

NHỮNG CUỘC TÌNH DUYÊN SÔI NỔI

Ê-chê thất vọng, muốn xa cõi đời.
Ta còn sống, thơm tươi nhan sắc,
Còn Tình yêu ngậy ngát hương
mỏi,

Còn ca khúc nhạc yêu đời,
Ta chưa muốn chết giữa thời mơ
hoa ! »

Tôi nghe thề, xót xa vầu vầy,
Nhưng hồn Thơ thắm-thì bán-
khoản

Cần thông với kiếp giai-nhân,
Thiết tha cần nguyện cho thân
ngục tù.

Quên ngày tháng mật mù da diết,
Mượn câu thơ thanh-khiết định-
dàng.

Tôi ghi mối hận của Nàng,
Họa theo tiếng ngọc lời vàng ni-
non !

Nhạc tơ lòng véo von hin-hất
Kỷ niệm ngày ngục thất đầu hiu.

Rồi đây ai cảm ai yêu,
Hỏi tên người ngọc điểm kien là
ai ?

Tiếng Nàng nói khoan thai duyên-
dáng.

Tóc nàng ôm bên trán ảo-huyền,
Nàng còn, còn chút mơ duyên,

Mai kia vĩnh biệt mơ Tiên đầu
còn !

N. V.

★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★

★ ★

★ Thi-sĩ lên đoạn đầu đài ★

★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★

Đêm, chàng làm xong bài thơ,
sáng hôm sau, chàng chép lại trên
một mảnh giấy. Nhưng chàng
vừa gởi bài thơ sang tặng «Nàng»
Nữ công tước Aimée de Coigny
ở phòng giam bên cạnh hồi 5 giờ
rưỡi sáng, thì 6 giờ vừa có xe
tới chở 80 người tù đi chết

chép. Trong số đó, có chàng
Thi sĩ đa tình đa cảm! Đó là
ngày 27 tháng 7 năm 1794.
Pháp quốc Cộng-Hòa năm thứ II.

Aimée de Coigny « Giai nhân
trong ngục thăm » cũng sắp sửa bị
hành hình với những đoàn tù
nhân khác. Nhưng, có người yêu

NHỮNG CUỘC TÌNH DUYÊN SÔI NỔI

mê nàng, hối lộ cho người giữ ngục một trăm đồng tiền louis, người này mở cửa ngục cho nàng thoát chết.

Bài thơ của André Chénier được đăng trong tập san *Décade philosophique* ra ngày 20 tháng 2, Cộng Hòa năm thứ III (1795) Năm sau, được đăng lại một lần nữa trong *l'Almanach des Muses*. Và lần thứ ba trong *Magasin en-*

cyclopédique. Năm 1856, bản thảo do chính tay André Chénier viết, được đem ra bán đấu giá 100 quan (100 quan thời ấy cũng gần 1.000.000 quan hiện giờ).

Hiện nay, hầu hết những người học Pháp văn đều có học thuộc lòng bài « Mỹ nhân trong ngục thẩm » — *La Jeune Captive*. Bài ấy cũng đã được dịch ra nhiều thứ tiếng.

N. V.

Kẻ nào ham mê xa hoa vật dục thường là kẻ có trí óc nghèo nàn, tinh thần suy nhược.

(He who has been brought up pampered in luxury is usually poorly equiped in spiritual strength and moral counsel)

BALAGTAS (Văn sĩ Phi-luật-Tân)

Người lạc quan có lẽ đã thấy một ánh sáng trong bóng tối, nhưng tại sao người bi quan lại chạy đến thổi cho nó tắt đi ?

(Un optimiste est peut-être un homme qui voit une lumière où il n'y en a pas, mais pourquoi le pessimiste court-il la souffler ?)

Michel de Saint Pierre

KHOA-HỌC trả lời cho THI-SĨ :

**— « Ai nhuộm lá
thu vàng ? »**

*** BÁC-SĨ HOÀNG-MỘNG-LƯƠNG**

((THU ƠI ! Ai nhuộm lá thu vàng ? »

Ngồi dưới trăng Trung-Thu ăn bánh Trung-thu, tôi đã ngâm hết 100 bài thơ của 100 nhà Thi-sĩ của Tao - đàn Phổ-Thông, tôi xin thưa thật là thích thú vô kể. 100 bài thơ đều hay cả, mỗi người một ý, nhưng 100 dấy tơ trời dấy lùa tấu thành một khúc nhạc Nam Thu reo rất dưới ánh trăng xanh, tao-nhà biết bao ! Lần đầu tiên trong Văn học sử, nhà Thơ Nguyễn-Vỹ có sáng kiến tốt đẹp, gom góp 100 bài thơ Thu cùng lấy một vần, hòa thành khúc nhạc diễm lệ của mùa Thu, để lại một kỷ niệm rất đẹp đẽ, thanh thú, trong lòng ai « yêu Thơ và yêu Thu ».

Nhưng có điều thật là tức cười, là một bạn Thi sĩ cao hứng reo lên : « Thu ƠI, Ai nhuộm lá thu vàng ? » rồi 100 Thi sĩ bốn phương cũng cao hứng hòa lại « Thu ƠI, ai nhuộm lá thu vàng ? », mà rồi cuộc, các nhà Thơ mơ mộng của tôi quên trả lời ngay câu hỏi : « **AI NHUỘM LÁ THU VÀNG ?** »

Ờ nhỉ ! Ai nhuộm lá thu vàng ? Tại sao lá đang xanh lại đổi ra màu vàng như vậy ?

Thì đây, khoa học xin lỗi Nàng Thơ và xin trả lời câu hỏi đó.

Tại sao về thu lá vàng, lá rụng ?

Lá vàng bởi vì về Thu, nhựa sống của lá chứa nhiều chất acide nhất là Acide Lactique, chất ấy làm úa các diệp-lục-tế cho nên lá xanh hóa thành lá vàng và,

— Lá rụng, vì cũng về Thu, giữa lá và cành có một chướng-ngại vật làm cho tắt đường chu-lưu của nhựa sống. Lá mất chỗ dựa phải lìa cành.

Chiếc lá là một nguồn thi-cảm vô tận, nó là một nhà máy chế-hóa vô song, nó diễn hình cho học thuyết Khí - Hóa của nhà Nho, nó cũng chứng minh quan-diêm vũ trụ của nhà Phật. Thật vậy chúng ta hãy « ôn cố » một thiên thảo mộc học, chúng ta vui thấy cái kỳ quan ấy.

Đội trời đạp đất ở đời

Cây có rễ, gốc, thân, nhánh và lá. Cây sống nhờ nhựa. Nhựa là khí-huyết của cây. Cây rút nguyên liệu ở đất và ở khí trời rồi chế biến nguyên liệu ấy ra nhựa sống. Có hai thứ nhựa chu-lưu trong thân cây, chu-lưu theo hai giòng mạch riêng biệt. Nhựa

« thô » do rễ cây hút lên và nhựa « thanh » do lá cây chế-biến rồi cho chảy vào thân cây.

Ở nhơn - thân, có hai giòng huyết: một thô, một thanh. Ở mộc-thân cũng vậy, có hai giòng nhựa: Thô và Thanh. Cây sống sum sê, sanh hoa, nở lộc bởi hai lẽ: nó biết lựa chọn thức ăn thích hợp, nó đủ cơ năng để chế biến các thức ấy và tiêu hóa.

DUHAMEL, một học giả Pháp lão thành có chân trong Hàn-lâm-viện, xuất thân y học bác sĩ, đã nói: « Văn hóa là gì? Là lựa chọn, là tiêu hóa ». Ông đã quan sát sinh lý của thảo-mộc để tìm một định nghĩa cho danh từ Văn Hóa. Ông còn nói thêm rằng nước nào biết xài « Cao-lương mỹ vị » là nước có Văn-hóa cao. Xin lỗi, đi xa chiếc lá, tôi lạc đề mất.

Thức ăn của cây

Để nuôi sống, cây nhờ hai bộ phận: rễ và lá. Rễ hút nước ở đất, trong nước ấy đã hòa loãng những chất muối của: Soufre, chlore phosphore, Silicium, Magnésium, Potassium,

Sodium. Lá hút không khí để lấy nguyên liệu cung cấp cho cây những chất Carbone, Oxygène và Hydrogène. Tính tỷ số của các chất mà nước và khí trời tiếp tế cho cây thì Carbone choán đến gần 46%.

Mỗi lá cây : Một nhà máy chế-hóa vô-cùng tinh-xảo.

Lá gồm có các bộ phận chính : sườn lá tương tự như xương gân, những ống nhựa rất nhỏ tương-tự như vi-ti huyết quản và những tế bào lá. Trong mỗi tế bào có vô số "châm" hay là những điểm nhỏ, nhỏ hơn đầu mũi kim. Các điểm đó nhuộm màu sắc khác nhau : xanh, đỏ, vàng ; khoa-học đặt tên các chấm ấy là Chlorophylles, Tàu phiên dịch là Diệp-Tổ.

Ở trong tế bào của lá có : Diệp-lục-tổ choán phần đại-da-số, Diệp-xích-tổ rất ít, và Diệp huỳnh tố cũng rất ít ; tên đẹp quá mới nghe tưởng là tên các thiếu nữ. Ở trong rừng nếu có nhiều cây xanh ; là vì cây lá ấy có nhiều lục-tổ. Thỉnh thoảng gặp một cây lá đỏ hay lá vàng (đỏ, vàng luôn

năm, thường xuyên) vì cây lá ấy chứa nhiều xích-tổ hay huỳnh-tổ. Công-năng của diệp-tổ là hút và khai thác sức nóng của mặt trời. Lá nào hút nhiều ánh nắng thì xanh đậm, hút ít ánh nắng thì xanh nhạt, mặt trên lá xanh đậm hơn mặt dưới lá.

Trong khí trời có hơi CO₂ (thán khí) gồm có khí Carbone và Oxygène ; ban ngày diệp-lục-tổ hút khí Carbone và nhả khí Oxygène, với khí Carbone lục-tổ hòa với nhựa thô để chế biến thành nhựa thanh. Trong nhựa thanh có đường ; đường ấy là kết quả công-năng biến dịch của diệp-tổ vậy. Công năng ấy vô cùng tinh xảo và vĩ-dại. Người ta biết rằng muốn phối hợp Carbone với Oxygène phải có một tối-thắng-lực (une grosse energie) mới làm được. Vì vậy, muốn phân phối CO₂ làm hai cần một tối-thắng-lực tương đồng mới làm nổi sự phân phối ấy.

Diệp-tổ đã làm được kỳ công ấy với một kỹ thuật rất bí ẩn, các hóa-học-sư đời nay chưa khám phá ra, chỉ biết trầm trồ khen ngợi kỳ công ấy mà thôi.

Chiếc lá dùng Carbone để làm gì ?

Đề làm bột (Amidon), làm đường (Glucose, Saccharose) làm chất trứng (Albumine). Lá là một xưởng chế tạo, là một nhà máy đồ sộ, các nhà khoa học đã so sánh như vậy, vì lá biết khai thác các nguyên liệu của không khí, của đất nước mà chế biến ra các món ăn, để tự cấp sinh lực (energie vitale). Thú vật và hơn loại nhờ thảo mộc cung cấp cho món ăn hàng ngày, món ăn đó là chất bột của gạo, của lúa mì, của khoai, của bắp và chất đường của mía, của củ cải đỏ (betterave) v.v...

Nếu không có sự sanh-khắc chế biến của thảo mộc thì loài người làm gì có cơm, có bánh mì, có kẹo mứt mà ăn ?

Nhờ chất Carbone mà lá cây đã tàng trữ sau một thời gian lâu lắm (vài chục triệu năm), lá ấy biến thành than-đá. Người ta dùng than đá đốt lò máy để chế tạo các dụng cụ kỹ nghệ, để đun máy tàu hỏa, đun máy tàu thủy...

Diệp-lục-tố là nữ-hóa học sư có bốn phận tiếp tế cho đời sống của cây cối, và do đó, cho văn minh máy móc của loài người. Nàng làm việc không rảnh rầy, ban ngày lo về tiêu hóa, ban đêm lo về hô-hấp cho thân cây.

Cặp trời nóng-nực về mùa hạ, ngồi nghỉ trong vườn ông Thượng, hay sở Thú, dưới bóng mát, bạn hít không-khí êm dịu, nhẹ nhàng bạn thấy trong mình khoan thư. Có những phút sung-sướng đó là nhờ bạn đã hít vào phổi bạn khí Oxygène mà nàng diệp-lục-tố đã biểu cho.

Ở các đô - thị Âu Mỹ, có những phòng « nghỉ lấy sức » gọi là « Cure de relaxation », bạn trả một món tiền nhỏ, người ta cho bạn nằm hít hơi, hay là nằm tắm hơi Oxygène từ 10 phút đến 20 phút ; sau mỗi lần lấy sức như vậy bạn thấy khoẻ như đã uống mấy thang « thập-toàn đại-bồ ». Đó là chuyện xa xôi, chớ chuyện gần mà bạn vẫn làm : ngồi nghỉ giữa rừng xanh bạn có đề ý tới không ? Uống nước rau má, ăn canh rau muống, ăn rau sống, các thức ấy cung cấp cho bạn nhiều diệp-lục-tố lắm (Chlorophylle).

Hiện nay người ta lấy điệp-lục-tổ làm vị thuốc vi - quân để chữa trị chứng thối miệng và chứng hôi nách. Bạn nên ghi ân chiếc lá trong những dạ hội khiêu vũ. Vì ở đây nếu bạn thúi miệng và hôi nách thì bạn không còn vẻ thần tiên mơ mộng nữa. Các hiệu thuốc tây có bán thuốc hoàn làm với lục-tổ. Người ta cũng dùng lục-tổ để chế thuốc đánh răng nữa.

Vui thay, buồn thay : chiếc lá lia cành !

Ở các xứ khí hậu điều - hòa, (pays tempérés) cứ mỗi năm về mùa thu, thì lá cây thay màu đổi sắc. Trung quốc, Pháp quốc, Mỹ quốc, nước nào cũng có một địa-diềm khí-hậu điều-hòa. Tại đó rừng Thu rất đẹp, rất thơ mộng. Thân cây phủ lá vàng, mặt đất trải nệm vàng, ánh rừng Thu vàng chói ngời một vùng, chiếu rạng vàng trên mặt nước ; khách du ngoạn hòa mình trong một vùng trời kim-sắc.

Tại tiểu bang Californie (Mỹ-quốc) sở du lịch khai-thác mạnh ' lá thu vàng '. Thỉnh-thoảng ở các ngã ba, ngã tư xa-lộ, người ta đọc « Đường vào rừng Thu »

rồi người ta đọc « Bạn chạy chậm, để sống cho vui ».

Nơi nào có khí hậu điều-hòa thì nhiệm kỳ chiếc lá là một năm. Mỗi độ thu về, giữa lá và cây, cành có sinh một chướng-ngại-vật ngăn đón giòng nhựa, không cho chảy từ lá vào cây, hay là từ cây ra lá. Chướng ngại vật ấy có chất điệp-diệp (như nút chai) hình nó quá xoắn, nhỏ như hạt tằm, hạt gạo, nó đóng thành trì ở gốc lá, chỗ lá dính vào cành. Khi thành trì ấy đã đắp xong thì nhựa ở trong thân lá ứ-dọng tại lá. Bởi sự sinh khắc chế biến (Actions et réactions chimiques) nhựa sống hóa Acide nhất là acide lactique ; chất acide đó thấm ướp lâu ngày các điệp-tổ, rồi thì màu xanh lần bị ủa, hóa thành màu vàng. Khi toàn thể lá đã đổi sắc, thành trì chướng ngại hoàn toàn đắp xây ; lá hết chỗ dựa nơi cây, tự nó rụng hay là một hơi thổi nhẹ nhàng cũng làm cho nó phải lia cành, Thu đã đến.

Ngô đồng nhứt điệp-lục

Thiên hạ cộng tri thu

Lá vàng đã gọi ra nhiều thi-ý, thi tứ :

Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng ?

Câu ấy bạn Nguyễn Vỹ đã

xương lên và đã được rất nhiều thi-hữu tiếp bút. Chiếc lá là điển-hình của một quan - niệm Nho giáo về sinh lý của vạn-vật : “ Xuân sanh, hạ trưởng, Thu thau, Đông tàng ”. Về mùa Thu, theo ý trên, thảo mộc chỉ biết thu chớ không xuất phát. Lá không tiếp sinh khí, lá kiệt cội, lá úa, lá vàng, lá rụng.

Chiếc lá còn tượng hình cho học-thuyết Phật giáo nữa :

“ Thành, Trụ, Hoại, Không ” nó cứ theo cái chiều ấy mà luân chuyển mãi. Thân nó do “ ngũ hành ” cấu tạo hay là do “ tứ đại ” cấu tạo, khi hết nhiệm kỳ thì thân nó trả lại cho núi sông cái gì nó đã tạm mượn để tạm sống. Mỗi lần lá rụng, mỗi lần lá đổi địa chỉ, lá sẽ “ tùy duyên phương tiện ” mà hiện thân nơi cây khác.

Lá thắm tin Xuân

Khi lá đã lìa cành, tất cả nhựa sống được tàng trữ trong thân cây. Cây tự túc trong mùa đông, mùa cây không lá, mùa lạnh rét, mùa tuyết sa ở xứ khí hậu điều hòa. Trong tiết này, cây cỗi ra vẻ tang thương, cành nhánh trơ trọi, hình

dung như ma đói. Tuy vậy, nếu ta nhìn kỹ nơi các cành ta thấy vô số mụn nhỏ từ trong thân cây hiện ra, dưới lớp vỏ, những mụn ấy lún phún nổi lên, bé bằng hạt gạo hay bằng hạt đậu rồi lần lần nó lớn lên bằng nắm quân bút, hình nó nhọn vút tựa như mọt măng, và cứng như vẩy con trút. Những vẩy ấy che chở cho mầm non, che sương che tuyết. Nếu không có cái thành trì bảo an đó thì những chồi non không thể sống nổi với sự đòi thay thời khí bên ngoài.

Sự thay đổi ấy ăn nhịp với các thời gian sau này : Đông chí. Tiều-hàn, Đại-hàn mãi đến tiết lập xuân thì cái vỏ mới khởi sự hé ra rồi rụng xuống, một vài lá xanh bé tí ra chào mặt trời. Ở Thụy sĩ (Suisse) người ta căn cứ nơi hiện tượng này : hiện tượng lá con chào đời để khởi hành một lễ rước Xuân toàn quốc vui vẻ. Vào độ cuối Đông, người ta lựa một đại-thụ ở công viên, trên đại-thụ ấy một mầm non được đánh dấu, rồi một phái đoàn thanh niên và thanh nữ chia phiên túc trực ngày đêm chăm nom cái nụ mầm quý báu. Tại phòng túc trực có đồng hồ chạy rất đúng, có niên lịch, có máy

diện thoại. Khi nào lá con sẽ toét ra, như một thai sanh mới lọt lòng mẹ, thì chuyên viên tức-trực báo cho khắp nơi biết: « Allô, allô xuân đã tái lai, hân-hạnh và vui mừng thông báo cho đồng bào biết lúc 13 giờ 15 phút 2 giây ngày nay là lúc diệp-sanh Xuân về ». Trên các làng sóng điện, người ta truyền tải tin xuân. Rõ ràng một chiếc lá non của một cây đại thọ là một công văn báo xuân. « XUÂN ở đâu? Trên ngọn cỏ lá cây ». Lời nói ấy của Hồ - Tích rất đúng. Đi chơi xuân ở chỗ nào? Xuân du phương thảo địa ».

Ánh nắng mặt trời làm ấm áp không khí, những mớ tuyết còn sót trên cành lá lần lượt tan dần; những giọt sương sa đóng thành những hạt thủy soạn núp dưới những cỏ, nhấp nháy như sao rồi

dần dần cũng tan mất.

Sau khi nhận được tin xuân do lá thăm đưa đến, người ta thấy những cuộc vui tung-bừng trong các trà đình, tửu quán. Những dàn nhạc gảy bài mừng xuân và những điệu « Xuân lai vũ khúc » được biểu diễn rất du dương. Ở ngoài các cánh đồng, từng nhóm người đi chào Xuân rất vui vẻ linh động. Thanh niên thanh nữ đóng trại, các ông cụ ngồi đọc sách trên tảng đá, các bà cụ ngồi trên nệm cỏ, tay đan len, miệng nói chuyện. Áo quần đủ màu sắc, bướm bay, hoa nở khoe màu. Người ta đã biết lợi dụng « chiếc lá » để quyến rũ khách du ngoạn tứ phương.

Chiếc lá theo nghiệp lá cứ tuần tự trong bánh xe luân hồi, làm phận sự của nó: ra đời, lớn, làm việc, già, chết rồi lại sống..

Đứng hơi xa mà nhìn thì cuộc đời là một hài kịch; nhìn thật gần thì cuộc đời là một bi kịch.

(La comédie, c'est la vie vue avec un certain recul. La tragédie, c'est la vie vue de près).

CHARLIE CHAPLIN (Charlot)

THU

✱ NGUYỄN-VỸ

MÙA THU năm nay, tôi xin giới thiệu với các bạn một ít thơ chọn lọc về mùa Thu của các Thi-sĩ danh tiếng nhất ở xứ Hoa Anh-Đào. Nhưng muốn các bạn thưởng thức thơ Nhật, tôi xin nói trước rằng lối thơ Nhật khác hẳn lối thơ của Việt Nam và của Tàu, lại càng khác xa hơn nữa các lối thơ Âu - Mỹ. Về thể thức không giống nhau, đó là lẽ dĩ nhiên, nhưng đến cả quan niệm về nghệ thuật của Thơ, cách diễn - tả ý Thơ, hồn Thơ,

cũng không giống nhau một tý nào. Trên Văn-dàn quốc-tế, phải nhìn nhận rằng Thơ Nhật chiếm một địa vị độc đáo. Tôi không muốn viết một bài nghiên cứu và phân tách Thơ Nhật, vì đây không phải là một bài Văn-học-sử. Tôi sẽ làm công việc ấy trong một dịp khác. Nay chỉ xin các bạn lưu ý đến một điểm nho nhỏ này mà thôi, là TÍNH-CÁCH VÔ-CÙNG TẾ-NHỊ của tất cả các bài thơ Nhật, ngay từ những bài đầu tiên ra đời hồi Thế kỷ thứ VII, cho đến những bài mới nhất hiện nay. Các bạn đã thường nhận thấy nét đẹp rất giản dị, rất sơ-sài ở ngoại cảnh, của các bức tranh Nhật, các đồ chơi, các vật dụng về thủ công nghệ... Chỉ thoáng qua đôi ba nét thôi, chứ không rườm rà, không nặng nề nhiều chi tiết, không chứa nhiều tư tưởng, không gò bó, không ép uông, không ôm-dồm, không phóng túng. Thơ Nhật cũng thế. Chất hay của nó, vẻ đẹp của nó, là vài ba nét hình như lơ dềnh, sơ-sài, nổi bật trên nền trời thăm mý.

★ Thí dụ, đây Thi-sĩ HITO-MARO (681-729) là một nhà Thơ cự phách trong đám 5 Thi sĩ có danh tiếng ở cuối thế

kỷ VII, đầu Thế kỷ VIII. Văn-học-sử Nhật tôn ông là «Thánh Thơ». Ông đi du lịch rất nhiều nơi trong các đảo Phù-Tang, tìm những danh-lam thắng - cảnh để ngắm, uống rượu, làm thơ, xong rồi đi nơi khác. Bài thơ tôi dịch ra sau đây, có thể nói là bài thơ Thu đầu tiên trong Văn-học-sử Nhật-bôn. Tôi xin cố gắng dịch sát ý sát nghĩa để đúng với tinh thần bài Thơ :

Trên núi Watou

*Hối lá vàng rơi
Trên núi thu rơi bời !
Thôi, hãy ngưng lại
Đừng bay ngập trời,
Đề ta nhìn thấy nhà của người
yêu !*

Các bạn thử tưởng tượng Thi-sĩ nhớ người đẹp, lên ngồi trên sườn núi để nhìn thấy nhà nàng, mà bị lá vàng của mùa Thu bay tan-tác trước mắt chàng, như muốn nghịch ngợm che dấu mái nhà của người yêu ! Thi-sĩ phải van xin lá vàng đừng rụng nữa. Thơ, Thu, và Thương nhớ, chỉ năm ba nét cũng đủ hợp tình hợp cảnh xiết bao !

★ Nữ-sĩ tài hoa của Thế-kỷ IX, Bà KOMACHI (834-880), là một bà mạng-phụ trong Triều. Bà

THU VÀ THƠ CỦA JAPAN

nổi danh tài sắc, và chưa có chồng. Một đêm Thu, bà nằm mơ thấy người tình nhân ở xa về, bà tỉnh dậy, lấy bút thảo bài TANKA (loại thơ năm câu), đề là :

MỘNG

*Nhớ chàng,
Tôi nằm ngủ quên
Lại thấy chàng về giữa đêm Thu.
À, nếu tôi biết đó là giấc mơ,
Thì không bao giờ tôi thức dậy.*

Hai câu kết diễn tả tình thương nhớ thật vô cùng tế nhị. Người yêu về trong giấc mơ mùa Thu chắc là vì có ánh trăng đẹp của mùa Thu chăng ? Sao đêm không trăng, nàng ngủ không thấy chàng về trong giấc điệp ? Nàng thức dậy, bồn chồn, xót xa :

LÒNG YÊU

*Đêm nay không trăng,
Ta không thấy chàng về.
Bồi hồi, ta thức dậy...
Ngực nặng : ngon lừa lép lẻo,
Lòng ta như than cháy.*

✧ Cũng Thế kỷ thứ IX, Thi sĩ SOSEI HOSHI, ngồi nghe để rấy trong " ĐÊM THU " :



Nữ sĩ COMACHI

*Ngồi một mình, tôi ngắm
Hoa cẩm-chướng ở Yamato
Nở trong bóng tối,
Anh chiều hấp hối,
Để gáy âm u.*

Thấy lá thu đổi màu sắc, Thi sĩ Hoshi có cảm tưởng như sau đây :

*Mùa Thu gió thổi,
Nhưng lá trên cây
Sắc màu thay đổi.
Lòng người trời nổi,
Chẳng biết có đổi thay ?*

★Thi sĩ TOSHIYUKI (880-907), một sĩ quan trong Đội Ngự lâm-quân, cảm thu thoáng qua như gió Thu :

Thu về

*Đấy, Thu về !
Tuy tiếng bước của Thu
Ta không nghe thấy,
Nhưng gió vì vu :
À, Thu về đấy !*

Thi-sĩ AKIMINE (cũng Thế-kỷ thứ IX), đồng thời với Toshiyuki và Hoshi, không lắng tai nghe gió, mà chỉ đề ý đến tiếng chim Tu-hú trong rừng thu :

Tu-hú vui mừng

*Trong rừng thu quanh hiu,
Ta ngồi chờ người yến,*

*Có lẽ nàng đã đến...
Vì chim tu hú kêu,
Như vui mừng quyến-luyến...*

Theo ngư-ý của tôi, thơ như thế thật duyên dáng lắm sao ! Chỉ có 5 câu gồm 31 chữ, (thề thơ *Tanka*) diễn tả được cả hồi hộp của một trái tim chờ đợi trong rừng thu.

★ Bây giờ chúng ta phải nói đến bà Nữ-sĩ này : MURASAKI SHIKIBU, Không nói đến không được, bởi vì tuy bà sống hồi đầu Thế-kỷ XI (Bà sinh vào khoảng năm 1000), và không ai biết tên thật của bà là gì, (Murasaki Shikibu chỉ là biệt hiệu), nhưng bà là tác giả bộ tiểu thuyết *Genji Monogatari* lừng danh cả thế giới. Murasaki Shikibu đã được sắp vào hạng Thi-sĩ quốc-tế. Bà học rộng, tài cao, có nhan sắc tuyệt điểm, và cũng là một mạng-phụ trong Triều, được vua quan và các giới trí thức mến phục. Hồi bà chưa có chồng và ở một mình, một đêm mùa Thu, đã gần khuya, vị Tề-tướng Michinaga đến gõ cửa bà, định đề tán tỉnh, nói chuyện nguyệt hoa... Bà nhất định không mở. Tề-tướng Michinaga cũng bẽn lẽn, cứ ngồi lì ngoài cửa, chốc chốc lại gõ ba bốn tiếng, cho đến

gà gáy sáng mới thất vọng đi về.
Buổi sáng hôm ấy, nữ-sĩ trẻ đẹp
nhận được một bài thơ *Tanka*
sau đây :

*Đêm thu tôi gõ cửa,
Tiếng gõ suốt đêm trường
Làm lấp tiếng con cuốc
Mỗi tiếng kêu yên đương.
Một-mỗi không ai thương !*

MICHINAGA

Nữ sĩ họa bài thơ trả lời lại
liền :

*Nếu đêm Thu mở cửa
Để mê mãi đêm trường
Nghe tiếng kêu con cuốc,
Trót lỡ chuyện yên đương,
Thì hận đó, ai thương ?*

MURASAKI SHIKIBU

Sau, Nữ sĩ lấy chồng, không
bao lâu chồng chết. Nàng làm
bài thơ *Tanka* thương tiếc sau
đây, đêm Rằm Trung-Thu :

*Than ôi ! Trăng nửa đêm rằm
Biến vào mây tối tăm !
Lòng ta buồn lơ-ngơ :
Trăng yêu vừa gặp gỡ*

Phải thật Trăng ấy không ?

Tôi muốn nhắc Nữ sĩ
TƯƠNG PHỐ lâu khô giọt
lệ đề thông cảm với Murasaki
trong chút tình tri ngộ. Tuy xa
cách cả một bề đông mù mịt bao
la, và cả một thời gian 10 thế-kỷ,
người ở đất Việt, kẻ ở Phù-
Tang, nhưng mùa Thu có
trăng hay mùa Thu mưa gió,
than ôi, vẫn là mùa Thu hận !

Murasaki chỉ viết có 5 câu thơ,
nhưng mỗi đêm Trung Thu trăng
về, nửa đêm trăng mất, nàng
cũng âu sầu tự hỏi :

*Trăng yên vừa gặp gỡ
Phải thật Trăng ấy không ?*

Nếu là " Trăng ấy " thì Trăng
phải còn sáng mãi với ta, chứ
sao trăng mất ! À thì ra ánh
trăng đẹp, ánh Trăng yêu mà ta
vừa gặp gỡ lúc đầu hôm chỉ là
Trăng của giấc mộng mà thôi !
Người yêu đã mất, tình yêu của
ta chỉ còn lại giấc mơ sầu !

Cơn sầu của nữ sĩ Nhật êm
dịu và nhẹ nhàng như ánh trăng
Thu vậy.

✧ Thế kỷ XIII, Nhật-bản có
nhà thơ JAKUREN (chết năm
1202) là một vị Sư. Thơ ông
cũng nhiều, đây là bài thơ Thu :

Thu buồn

*Hin quạnh hoang vu
Không phải bất cứ
Ở đâu.*

*Chỉ ở chiều thu
Trên đồi thông âm nỉ*

✱ Đến thế kỷ XVII, chúng ta mới được nghe lại tiếng nói của mùa Thu đã gần như im lặng trong 300 năm. Mùa Thu trở về với Thi-sĩ BASHO (1644-1694). Văn-học sử Nhật tôn ông lên bậc « Thi-Thần ». Chính ông cũng là một vị Tăng-già, sinh trưởng ở Ueno, lưng lầy tiếng tăm khắp nước. Ông đã thổi một làn gió mới mẻ vào Thi-ca Nhật. Ông cải cách thể thơ *Tanka*, và đưa loại thơ *Haikai* (3 câu) lên một mức tuyệt cao. Kế tiếp sau BASHO thơ *Haikai* mới thịnh hành cho đến bây giờ. Thơ ông nhiều lắm, đây tôi chỉ lựa chọn riêng vài bài thơ Thu được người Nhật cho là hay nhất, thanh - tao nhất của bậc Thi-Bá ấ y :

Quạnh - hiu

*Trên một cảnh khô
Một con quạ đậu :*
Chiều thu !

Cả cảnh quạnh hiu chỉ cô đọng lại trong 3 câu gồm 17 âm Nhật



« Thi thần » BASHO (Thế kỷ XVII)

(câu thứ nhất : 5 âm, câu thứ hai : 7 âm, câu thứ ba : 5 âm, gọi là thể thơ *Haikai*).

Đây, một CẢNH THU nữa,

của BASHO :

Một tia chớp !

Trời tối dần-hiêu :

Tiếng hạc kêu !

Cũng mùa Thu, Thi-sĩ gặp con bướm ngủ trên hoa, Thi-sĩ làm bài thơ :

Bướm ngủ

Thức dậy ! Thức dậy !

Làm bạn với ta,

Ồ, bướm ngủ say a ?

★ Một đồ đệ của Basho, thi-sĩ RANSETSU (1654-1707) tả một cảnh THU BUỒN như sau đây :

O kìa, lá khô

Nằm nghỉ trên nắm cỏ

Mơn trớ mặt đá !

★ Một Thi-sĩ khác, KIKAKU (1661-1707) được Basho yêu chuộng nhất, một buổi chiều Thu, làm bài Thơ Haikai :

Con chuồng chuồng

Một con chuồng chuồng đồ,

Ngắt hai cánh :

Trái ớt !

Thi sĩ Basho, vốn là nhà tu hành Phật-giáo, cho rằng làm bài thơ mà có ác tâm, (ngắt cánh chuồng chuồng) thì chưa phải thật là Thơ. Thơ phải thanh cao,

cao-nhã, chứ không được có ý phàm-tục và tàn nhẫn như thế, nên Basho đòi ngược bài thơ lại :

Trái ớt

Chấp thêm hai cánh :

Một con chuồng chuồng đồ !

Hai bài thơ này điển hình lối thơ thanh tao của Basho (và của cả Thế kỷ XVII), được hoan-nghênh lắm. Hầu hết các nhà trí-thức Nhật đều thưởng thức nó.

★ Thi-sĩ ONITSURA (1661-1738) có tiếng là nhà Thơ độc lập, không theo bè phái, thơ rất chân thật. Năm 1685, ông có viết :
“ Thơ mà không thành thật, thì không phải thơ. Từ trước đến giờ, thơ không thành thật. Đừng tìm hiểu loại thơ cũ, hay thơ mới : cái mới sẽ cũ. Cái cũ sẽ mới mãi ”. Xin xem đây một bài thơ của Onitsura :

Trăng Thu

Một người không cầm bút trong tay,

Không có lẽ !

Vì trăng... đêm nay !

Ý của nhà Thơ thành thật nói : Đêm nay trăng Thu đẹp quá, nên thơ quá, lẽ nào có người không cầm sẵn cây bút trong tay để làm bài thơ Trăng Thu ? Ý này, nhà Thơ TSURAYUKI, ở Thế-kỷ

THU VÀ THƠ CỦA JAPAN

thứ IX, đã có diễn đạt trong bài
tựa tập thơ *Mari Yōshu* :

Ai mà không làm thơ.
 Khi nghe chim oanh ca
 Trong vườn nghĩ hoa ?

Thế kỷ XIX và XX, thơ của Nhật đã chuyển sang lối mới hẳn, chịu ảnh hưởng của văn thơ Âu châu rất nhiều. Nổi giữa hai thế kỷ XIX và XX, có Thi sĩ SHIMAZAKI TOSON (1872-1943), mà tôi đã trích thơ Xuân đăng trong Phê-Thông đặc biệt Xuân vừa qua. Nay xin giới thiệu một bài thơ Thu của SHIMAZAKI TOSON (Đào kỳ Đàng Thôn). Không phải các loại thơ *Tanka* hoặc *Haikai* nữa. Hoàn toàn thơ mới theo cú pháp thơ Tây. Xin dịch ra thơ Việt theo thể thơ Pháp cho thích hợp :

Mối tình đầu mùa Thu

[illegible]

SHIMAZAKI TOSAN

Và tặng anh, xinh xắn trái pom
tươi,
Anh bầu khoăn, sung sướng khó
nền lời
Đây là trái đầu mùa, duyên ửng
đỏ!
Anh kè em, hộp hờn tình hơi thờ,
Trên tóc em sắc sỡ ngát hương hoa
Chuồnồn tình bói tràn ngập rượu
chan hòa.

Đôi má ửng ngà ngà say luyến ái
 Nhìn nẻo vắng như lụa đào một
 giải
 Dưới bóng cây gió rải lá thu
 vàng,
 Em hỏi anh : ai sẽ bước đầu
 sang ?
 Và âu yếm nhìn anh..., ôi điểm
 phúc !

* Nẻo vắng như lụa đào một
 giải *, chính là nẻo vào tim nàng.
 Nàng hỏi : ai sẽ là người bước
 vào nẻo ấy ? — Thì chỉ có chàng,
 là Thi-nhân, chứ còn ai !



Và sau cùng, đây là bài thơ
Tanka đề là TIẾNG THU, mà
 tôi muốn chép nguyên văn chữ
 Nhật, để các bạn thấy rõ lối thơ
Tanka rất thịnh hành, gồm 5 câu,
 31 âm theo đúng niêm luật như
 sau đây : câu đầu : 5 âm, câu thứ
 nhì : 7 âm, câu thứ ba : 5 âm,
 câu thứ tư : 7 âm, câu thứ năm :

7 âm :

Oku yama ni
Momiji fumi wake
Naku shika no
Koe kiku toki zo
Aki wa kanashiki !

Dịch :

Mùa Thu buồn làm sao !
 Khi ta nghe tiếng kèn
 Của núi vàng dẫm bước
 Trên lá bàng lao xao
 Trong núi thăm rừng sâu

Đây là tôi dịch đôi ngược lên
 để lấy đúng vần điệu.

Theo thiên ý của tôi, đây là bài
 thơ Thu hay nhất của Nhật-bồn.
 Nhưng, sẵn đây, tôi cũng rất
 ngạc nhiên thấy bài thơ « *Tiếng
 Thu* » của Thi sĩ LƯU TRỌNG
 LƯU sáo cũng giống như bài thơ
 « *Tiếng Thu* » trên kia của
 Yosano nữ-sĩ ?

N.V.

ĐÃ PHÁT HÀNH

VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN SỐ 53

Nội-dung phong-phú

Dày 176 trang, giá 12\$

CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỬ-VU ● BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

(Tiếp theo P. T. số 42 và hết)

XVIII

nữa !

RỒI liền đó, tôi nằm phục xuống chiếc sô-pha, người dờ ra, thần thờ như kẻ mất hồn. Tôi chẳng còn nhớ, liệu tôi đã chết hay còn sống ; tôi chẳng nhận ra, sự thống khổ và sự bị ai. Tôi cũng không còn biết, sống, chết là thế nào, và, rồi đây, thế sự sẽ diễn tiến ra sao

Suốt từ hôm an táng Hải-Lan, tôi chẳng hề mở miệng nói với ai một lời nào. Ngay cả đối với gia thuộc cô, tôi cũng không an úy họ một câu nào. Trong khi đưa đám, tôi chỉ âm thầm cầu đảo, rồi tôi đem bó hoa, đặt lên đầu mộ, rồi, tôi yên lặng một mình, trở về nhà, vào phòng riêng, nằm vật lên giường. Tôi

đã trở thành một kẻ hữu xác, vô hồn.

Ba bữa sau, y-sư Xa-lạp-Mỹ đến thăm tôi. Ông bảo :

— Thế nào, không lẽ con cứ kéo dài mãi cái nỗi thảm, tình thương ấy như ?

Tôi, bỗng không cầm nổi nước mắt, tôi đáp ttong hai hàng lệ :

— Thưa y-sư, cái nỗi đau thương này, quả thật là vô-tận-kỳ !

— Không nên thế, dẫu sao, kẻ khuất cũng đã an phận rồi, nay, để an úy vong linh người yêu, con cần phải vì con là người còn sống, vì sự nghiệp, vì lý-tưởng, vì nhiệm vụ mà sinh-hoạt, chứ.

— Nhưng, thưa y-sư, sự nghiệp, lý-tưởng và nhiệm vụ của con, nay, còn có ý nghĩa gì nữa đâu ?

— Tuy nhiên, con còn có cái trọng trách, là phải an-úy cái tấm « tình » vô cùng vĩ đại, vô cùng thuần khiết của tâm linh người quá cố.

—

Quả tình, tôi chẳng còn biết đáp ra làm sao, nên tôi chỉ lặng thinh. Y-sư liền nói tiếp :

— Dẫu sao đi nữa, lão mong, sáng ngày mai, là ngày tiểu-thư Thê-tư-Lăng vào tu viện, con nên đi tiễn nàng, mới phải. Nàng đau khổ như vậy, cũng đã quá đủ, mà, bây giờ đây, chỉ có một mình con, khá dĩ an-úy nàng một phần nào, và, riêng đối với con, ta xem chừng cũng chỉ có nàng, an úy nổi con thôi.

— Nhưng thưa y-sư, con thấy, con không sao làm nổi việc đó, vì con không còn mặt mũi nào nhìn thấy nàng, và nàng cũng chẳng thể nào gặp lại mặt con.

— Tuy nhiên, lão tin rằng lời của Hải-Lan nói rất đúng, vì, cho dẫu sao đi nữa, Bạch-Tần và con, không thể nào xa nhau được, hai người thì thiết yêu nhau, kia mà ?

Y-sư nói xong, nhích mép cười. Tôi đáp :

— Đã hay là thế, nhưng, cả hai người chúng con, đều một niềm ái luyến Hải-Lan, mà, sau khi cô rời bỏ chúng con, chúng con lại càng thấy yêu dẫu cô hơn.

— Nhưng, bây giờ, âm-dương cách trở, hai người còn làm sao mà yêu cô được ?

— Thưa, đã dĩ nhiên như vậy.

Y-sư lại nhìn thẳng vào tôi và hỏi :

— À, thế, từ sau khi Hải-Lan khứ thế, con đã gặp mặt Bạch Tần lần nào chưa ?

— Thưa, chưa.

— Ngay cả trong khi cử hành tang lễ, cũng thế, à ?

— Thưa vâng. Con không hề cùng nàng hội diện một lần nào.

— Đã vậy, làm sao con lại cứ khăng khăng không muốn gặp mặt nàng. Biết đâu, sự tái kiến này, lại không là một thứ ai ủy cho cả đôi bên ?

— Dạ, con chẳng dám nói đầu y-sư ; quả tình, con đã đem tất cả tâm can, phở phủ, sùng cao Hải-Lan đến một độ, mà, cả tâm linh con đã bị chiếm cứ, con không còn có thể ái luyến một người nào khác nữa.

— Không, đời con còn dài, lão nhất định, rồi đây sự thương đau sẽ theo thời gian mà nguôi dần. Bây giờ, lão khuyên con nên tự coi mình như một bệnh nhân và con vui lòng để lão y-trị cho.

Y-sư nói xong, liền đi ra khỏi phòng. Tôi ngồi suy nghĩ và, trước hết, tôi nhận thấy rằng,

ở trên đời này, còn có Bạch Tần, nhưng Bạch Tần đã không phải là Bạch Tần của buổi ban đầu nữa. Hiện bây giờ, tôi không còn thấy tôi e-dè, nể sợ nàng, hoặc tôi bị nàng uy hiếp, như xưa. Bao nhiêu sự tôn trọng, thần bí ngày trước, đối với nàng, nay đã bị Hải Lan chiếm hết. Giả sử, bây giờ, tôi có gặp mặt nàng đi nữa, thật, chẳng còn có mấy may gì gọi là đáng phải để tâm, chẳng qua, cũng không khác gì, ở bệnh viện này, người ta nhận thêm một bệnh nhân nào nữa, nhi dĩ. Như vậy, đối với cái việc tái hội này, tôi cũng chẳng cần phải suy nghĩ gì cả.

Ngày hôm sau, vào lúc sáng sớm, tôi đang mở ra, để xem lại những tờ báo cáo cùng là những thư tín của Hải Lan để lại, bỗng có người vào gọi tôi và nói y-sư đương đợi tôi ở phòng bên ấy.

Tôi đỡ chừng có lẽ Bạch-Tần đến Bệnh-viện, nhưng, khi tôi bước vào trong phòng, tôi chỉ thấy có một mình y sư, ngồi trước bàn viết, hút thuốc lá. Ông không ngừng đầu lên và lấy tay chỉ một cái bao gì đó,

để ở trên bàn, nói :

— Cái bao ấy do tiểu thư Thê-tư-Lăng gởi cho tiên sinh, đây.

— Thưa, thế còn tiểu thư, tiểu thư đã lại chưa, kia ạ ?

— Chưa.

Rồi y sư ung dung thở khói thuốc, nói tiếp :

— Tiểu thư Thê tư Lăng không dự bị lại y viện đâu.

— Thưa y-sư, tại sao thế ạ ?

— Ay, tối hôm qua, gia đình nàng có mời tôi dùng văn phạm. Tôi có gặp mặt nàng, nàng rất ân cần tiếp đãi tôi, và, sau khi chẩn sát cẩn thận về bệnh trạng của nàng, tôi nhận thấy bệnh tinh thần của nàng đã hoàn toàn thuyên giảm.

Y sư nói bằng một giọng chậm rãi và dăm dăm nhìn tôi, hình như đợi xem, tôi có ngộ ý gì chăng ?

Tôi chỉ yên lặng, nhưng, trong thâm tâm tôi, tôi hồi tưởng lại, cái hôm mà Hải Lan nói cho tôi rõ, Bạch Tần bằng lòng đến liệu dưỡng viện, tuy Bạch Tần đã trở lại lành mạnh rồi. Nếu nàng quả tình yêu Hải Lan như nàng thường nói, tại sao, sự mệnh-một của Hải Lan, không những,

không làm cho bệnh nàng tái phát, mà, trái lại, lại làm cho nàng mau thuyên giảm, là nghĩa gì ?

Y-sư nói tiếp :

— Tôi nghe nói, nàng đương dự bị để vào tu viện. Gia đình nàng đã hết lời khuyên nhủ, nhưng nàng đã tái tam thân minh rằng, từ nay, đối với bệnh trạng của nàng, hoặc sự an-úy đối với cái tâm linh tan nát của nàng, nàng chỉ có trông cậy vào đức Thượng-đế, mà thôi. Trước sự quyết tâm của nàng, cha mẹ nàng chẳng còn biết làm thế nào hơn, là để cho nàng được toại nguyện, vì, cha mẹ nàng chẳng còn lạ gì, đối với cái cá tính quyết liệt của nàng, nên, hai ông bà đành « đối phúc cùng trời » mà bảo rằng : cái ý-chí gửi thân vào cửa Chúa của nàng tức là ý chí của đấng Thượng-đế vậy !

Tôi cũng chẳng còn biết nói sao và tôi cũng đành nói đưa đà câu :

— Vâng, đó là ý chí của đấng Thượng-đế.

Và, tôi không thể không nghĩ rằng Bạch Tần quả có một tấm lòng vô cùng cao quý và vĩ đại.

Một lát sau, bỗng y sư vừa kéo ngăn-rút, vừa bảo tôi :

— A, còn cái sổ thù lao cho tiên sinh...

Y-sư đưa cho tôi một tấm ngàn phiếu. Tôi nói :

— Dạ, thưa y-sư, ít hôm sau nào tôi có công tích gì đâu, mà dám nhận sổ thù lao, kia ạ.

— Nhưng, tiên sinh vẫn cứ nên cầm lấy, vì, tiểu thư Thê-tư Lãng đã hoàn toàn bình phục hẳn rồi, kia mà.

Tôi cầm lấy tấm phiếu, yên lặng đứng lên, trong lòng tôi, lúc đó, man mác bao không hư, bao điều-mang. Y-sư Xa lập Mỹ hỏi tôi :

— Thế, tiên sinh dự bị lý khai nơi đây, chứ ?

— Thưa vâng.

— Tiên sinh sẽ đi đâu ?

— Dạ, thưa tôi lại xin trở về chỗ cũ ạ.

— Tối nay, mời tiên sinh xơi cơm với tôi nhá.

— Xin vâng.

— Vậy, khoảng bảy giờ tối nay, tiên sinh đến đây, nhá.

Sau khi nhận lời ước thỉnh của y-sư, tôi bước chân đi, y như người đi trong đám sương mù, trước mắt tôi, toàn thể là một khoảng hư không. Tâm nào tôi thấy trống rỗng lạ thường.

Tôi chỉ còn ý niệm được rằng, trong tay tôi, là một cái bao giấy mà Bạch Tần đã gửi cho tôi.

Về đến phòng riêng, tôi ngồi xuống ghế, châm một điếu thuốc, hút, trong lòng tôi ngổn ngang bao nỗi ưu tư. Tôi vụt cảm thấy, quả tình, tôi là một tên ác phạm. Phải, chính tôi, là kẻ đã hủy hoại một sinh mạng và một tâm linh. Ấy thế mà, làm sao tôi vẫn còn được nghiệm nhiên sống ở trên cõi thế, là nghĩa làm sao ? Nhưng, cứ bình tĩnh mà xét đoán, cái tội ác của tôi chỉ vì một chữ " ái ", với tất cả sự chân thành của một tấm lòng son, tươi thắm, mà ra, và nó vĩnh cửu, không bao giờ phai lạt. Nguyên do, cái tội ác đó, ở đâu mà phát sinh ? Đấy, chẳng qua chỉ là một sự mâu thuẫn của truyền thống ; một sự xung đột giữa tình cảm tối mỹ và hành vi chí thiện, vậy. Đấy là cái di-lưu từ vạn cổ của A-dam và È-va, đấy là cái tội ác nguyên thủy của loài người, cái tội ác mà, đã là con người, ai ai cũng đều mắc phải. Đã như vậy, tôi làm thế nào mà tránh cho thoát.

Tôi mở cái bao giấy ra : thì đó là một mô ảnh của Hải-Lan để lại: cái thì cô tươi cười, cái thì cô nghiêm nghị, mỗi cái tả một hành vi của cô, lúc sinh bình. Trong khoảnh khắc, cô bỗng như sống lại trước mắt tôi.

Bây giờ, linh hồn cô ở đâu ? Có lẽ, linh hồn cô đã hóa thành « yêu thương » và cái phần yêu thương đó, cô đã đem tặng nó cho Bạch-Tần và tôi. Và, hiện thời, Bạch-Tần đã đem cái phần yêu thương của nàng đưa hiến đấng Thượng-Đế, cho tới khi lìa đời. Còn tôi, cái tiền trình của tôi mang mang bất định ! Đâu sẽ là nơi mà tôi sẽ dừng chân, để dung thân ?

Đột nhiên, tôi đọc thấy ở bên một tấm ảnh, cái tự tích này của Bạch-Tần :

« Em đã tặng chị « ái », « mỹ » và « thanh xuân », vậy, nay chị xin hóa tất cả những thứ đó vào trong tâm-linh của chị, để chị vĩnh-viễn thị phụng đấng Thượng-Đế ! »

Hải-Lan ơi ! Bây giờ, anh biết nói gì với Em ? Ái, mỹ và thanh-xuân, vẫn mãi mãi là ái, mỹ và thanh-xuân !

Nay, em đã về trời, em đã để lại cho Bạch-Tần và anh, cái di-sản vĩ-đại kia. Bạch-Tần đã mang nó theo để phụng-hiến đấng Thượng-Đế ; lẽ tự nhiên, anh cũng phải đem cái di-sản của em, để làm một việc gì cho xứng đáng, cho khỏi phụ lòng em. Vậy, anh sẽ đem di-sản đó phụng-sự nhân-quần. Đúng như thế, anh phải hiến nó cho nhân quần !

Ngay khi đó, tôi nghĩ ngay tới việc tôi phải vĩnh-viễn ở lại bệnh viện này. Tôi sẽ theo chân, nối gót y-sư Xa-lạp-Mỹ, để thực-tập, để giúp y-sư trị liệu bệnh nhân. Tôi phải hiến thân tôi cho cái lý-tưởng đó. Và, sau này, nếu tôi có đủ tài năng, cùng tiền tài, tôi sẽ đem hai thứ đó để thu thập và săn-sóc những trẻ con nghèo khó, để kéo chúng ra khỏi cái cảnh khốn nạn của bệnh tình thần.

Tôi nhìn vào tấm hình của Hải-Lan, cô tươi cười như bảo tôi :

— Đúng thế đấy, anh nên đi theo con đường lý-tưởng đó, mới phải.

Bỗng tôi thấy lòng tôi tràn ngập một nỗi phấn khởi lạ

thường tôi liền-liền hôn lên tấm ảnh của Hải Lan.

Thế rồi, bây giờ đã đến. Tôi nói với y-sư Xa-lạp-Mỹ lúc tái hội :

— Thưa y-sư, con xin y-sư thu-lưu con, cũng như Bạch Tần đã cầu xin Thượng-đế thu lưu nàng vậy. Con có ý nguyện, đem cái lòng yêu thương mà Bạch Tần và Hải Lan đã tặng con, để phụng hiến nhân quần, và cái sự nghiệp lý tưởng của con. Con sẽ chuyên tâm học tập, cần khổ học tập, và đem chung thân cống hiến cho bệnh nhân, cũng như Bạch Tần đã cầu xin Thượng Đế để trọn đời thi-phụng Thượng Đế. Có được như vậy, hai người chúng con mới bình phân được cái di sản vĩ đại và chữ « ái » siêu việt của Hải-Lan.

Y-sư tỏ ra vô cùng vừa lòng, đẹp ý, tiếp thụ lời thỉnh cầu của tôi. Ông đã chạm bồi với tôi, trong khi ấy, lòng tôi nẩy nở đầy hứng phấn, óc tôi sáng chói, đầy nghị lực!

XIX

Như vậy, là tôi đã ở lại giúp việc cho y sư Xa-lạp-Mỹ, tại Liệu-dưỡng-viện của ông. Công việc, lần lần trở nên thảnh nhậm

và thẩu khoái.

Còn người bệnh giả, mà, trước đây, tôi đã có lần nói tới thì nay, đã lành mạnh, đó là một trong những sự đặc thắng của y viện ; không phải tôi dám tự đề cao hoặc tự khoa-tưởng mình, nhưng, quả tình, tôi cũng có cái vinh diệu được làm dự một phần nhỏ về sự điều trị đó.

Hiện bây giờ, tôi vừa làm một viên trợ thủ cho y sư Xa-lạp-Mỹ, tôi vừa săn sóc cho bệnh trạng của năm đứa bé, mắc bệnh tinh thần. Ngoài ra, mỗi tối, tôi có theo học ở y khoa đại-học. Bức chân dung và hình ảnh của Hải Lan luôn luôn ở bên tôi. Cô hằng chúng kiến tất cả cuộc sinh hoạt khá phong phú của tôi. Mỗi bước tiến của tôi đều có cô chứng giám.

Riêng đối với Bạch Tần, tuy tôi không hề giáp mặt nàng nữa, nhưng, tôi đã được rõ, nay nàng đã hoàn toàn kiện khang, bình tĩnh và luôn luôn vui tươi. Nàng đem hết lòng kiên thành để thờ Chúa trong Tu viện.

Sau hết, tôi xin chư vị độc giả, hãy cùng tôi, ta cầu chúc cho kẻ còn và người khuất, được mọi sự tốt lành, và tôi xin chân thành cảm tạ chư Tôn.

VI. HUYỀN ĐẮC

(Hoàng - mat-hiên, ngày 15 Tháng Bảy, 1960.)



N

H

Ó

M

Ệ

○

Đêm dài ngao ngán ngắm Trăng côi
Ta tiếc ngày xưa một quãng thời.
Đất Bắc giờ đây xa quá nhỉ ?
Ngàn trùng cách trở, Nước-non ơi !

Đêm nay trăng sáng ở ngoài hiên
Ngồi nhớ năm xưa bóng mẹ hiền
Quê cũ giờ đây đã cách biệt
Ai chia sông núi, hận triền miên !

Hiền-lương ảo-nảo cách đôi bờ
Ta đứng nhìn mây ngóng đợi chờ
Kẻ ở người đi buồn nhớ quá
Mẹ hiền nay cũng đã chơ vơ

Xa quê từ bấy đến hôm nay
Mẹ ở phương nào ? Con ở đây !
Bến-Hải phân chia bờ vĩ tuyến
Con sầu, con biết, có ai hay !

Đêm nay mây trắng chảy về đâu,
Mà ánh trăng khuya đã khuất đầu !
Gởi tiếng tiêu sầu trong gió lạnh,
Trao về đất Bắc một niềm đau !

VŨ - TIÊU - GIANG
(Vúng Tàu)

MỎ HÔI NƯỚC MẮT



★ NGUYỄN-VỸ

Phần thứ nhất

CHƯƠNG I

K HÔNG ! Thưa ông, ông muốn nói gì thì ông cứ nói, nhưng ông đừng làm thế. Xin ông ngồi xích ra...

Ánh đang úi đồ, — một đồng áo quần của người lớn và trẻ con, — còn bỏ bên cạnh. Lúc

ông Ngọc-Minh ôm choàng lấy Ánh, định hôn Ánh, thì Ánh quơ lẹ ba bốn chiếc áo đưa lên kịp đề chặn cái mặt của ông, không cho kề vào mặt nàng. Thật ra ông Giáo-sư Ngọc-Minh không toan tính làm điều gì bất lương, ông chỉ muốn hôn trên đôi má ửng hồng của Ánh thôi. Nhưng bấy nhiêu đó, cũng đã làm cho Ánh hoảng sợ rồi. Ông bị Ánh xô ngã nằm trên nền gạch hoa, còn Ánh thì vùng đứng

dậy chạy xuống bếp trốn.

Ông Ngọc-Minh 30 tuổi mà không mạnh bằng đứa đầy tớ 19 tuổi của ông. Ông lồm khòm ngồi dậy, đi theo Ánh xuống bếp.

Ánh đang ngồi trầm-ngâm trên ngạch cửa, không ngó ông. Ông Ngọc-Minh đứng dựa vào vách tường trước mặt nàng. Ông thò tay vào túi áo lấy ra gói thuốc, đánh bật lửa châm hút, rồi tùm-tùm cười, nói với con ở :

— Tôi không ngờ Ánh mạnh như thế. Nhưng tôi xin lỗi Ánh. Lúc nãy tôi chỉ muốn逗 chơi đó thôi.

Ánh cúi đầu làm thinh. Ông Giáo-sư nói tiếp :

— Tại vì tôi thấy Ánh cực khổ, nên tôi thương Ánh. Tôi đề ý đến Ánh đã lâu rồi, chắc Ánh cũng biết. Ngay từ ngày Ánh vô giúp việc trong nhà này, nghĩa là sáu tháng nay; tôi đã hiểu rõ hoàn cảnh của Ánh, tôi yêu Ánh. nhưng chỉ yêu trộm nhớ thầm mà thôi. Nay được cơ hội may mắn trong nhà đi vắng cả, tôi mới tỏ với Ánh cảm tình thiết tha chân-thật của tôi. Nếu Ánh tin tôi, tôi sẽ thuê nhà riêng để ở với Ánh.

Con ở cúi đầu làm thinh nghe.

Ông Ngọc - Minh ngồi xuống ngạch cửa bếp, nhưng không kè sát Ánh nữa. Ông khẽ nghiêng đầu nhìn vào khuôn mặt hồng-hào xinh-đẹp, và khẽ hỏi :

— Ánh có yêu tôi không ?

Ánh không trả lời.

Ông Giáo-sư nghĩ lầm rằng Ánh e-lệ thẹn thùng. Ông không ngờ Ánh ngưng mặt lên, nghiêm nghị ngó ông và bảo :

— Tôi không thể yêu ông được.

Ông Ngọc-Minh hơi ngượng, hỏi lại :

— Tại sao không thể ?

Ánh điềm-nhiên trả lời :

— Tại hoàn cảnh.

— Tôi không thấy hoàn cảnh nào cản trở tình yêu của tôi với Ánh. Ánh biết rằng tôi góa vợ đã hai năm nay chứ ?

— Dạ, tôi biết.

— Vậy thì tôi được tự do yêu Ánh và lấy Ánh làm vợ, có gì ngăn cản đâu ?

— Ông được tự do, nhưng tôi không được tự-do.

— Nếu tôi không làm, thì Ánh cũng chưa có chồng ?

— Dạ, tôi chưa có chồng.

— Vậy sao Ánh nói là không tự do ?

Con-ở làm thinh.

Ông Ngọc - Minh hơi ngạc

nhìen vì những câu trả lời cứng rắn của con ở 19 tuổi. Xinh đẹp, hiền lành, thường ngày Ánh ít nói lắm. Lần đầu tiên, Ánh nói những lời ông khó hiểu. Ông gắng hỏi :

— Hà Ánh ? Tại sao Ánh không được tự do yêu tôi ? Hay là... Ánh đã có một người yêu rồi ?

Con ở vẫn nghiêm nét mặt :

— Dạ không phải.

— Thế thì tại sao ?

— Ông là người trí thức, chắc ông hiểu nhiều.

— Tôi thật không hiểu.

— Xin ông tha lỗi cho tôi. Tôi đi ủi đồ. Ông lên lầu, kéo lờ ông Năm bà Năm về.

— Hai em tôi dẫn các cháu đi xi-nê, 12 giờ khuya mới về.

Nhưng Ánh không muốn nói chuyện nữa. Ánh đi thẳng lên phòng giữa, ngồi lặng lẽ tiếp tục ủi đồ, làm công việc bỏ dở ban nãy.

Ông Ngọc Minh theo sau, và đến ngồi cạnh Ánh. Ông lại hỏi :

— Ánh nói tôi nghe, tại sao Ánh không được tự do yêu tôi ?

Ông Ngọc Minh cứ vặn hỏi ba lần như thế Ánh mới trả lời :

— Thưa ông, tôi là đứa đầy-

tớ, tôi đâu có quyền được yêu một người ở giai-cấp giàu sang, một bậc trí thức thượng lưu như ông ?

— Tôi không biết có giai-cấp. Tôi không công nhận giai cấp. Tôi chỉ biết một điều là Ánh cũng là một thiếu nữ như tất cả các thiếu nữ khác. Ánh lại có nét na hiền lành, và Ánh có di học, đã ở lớp đệ Tứ. Tại vì hoàn cảnh quá cực khổ nên Ánh phải đi ở mướn đó thôi. Tôi biết rõ hoàn cảnh của Ánh lắm chứ !

— Tại sao ông biết ?

— Hồi tháng Bảy vừa rồi, bà ~~Cô~~ của Ánh đến thăm Ánh, nhân câu chuyện ngồi lê đôi mách với em tôi, bà ấy đã kể hết chuyện của Ánh cho em tôi nghe. Do đó, tôi được biết rằng Ba má của Ánh là người lao động ở một ngõ hẻm xóm An Bình. Hồi nhỏ Ánh đi học đã được thầy thương bạn mến vì Ánh học giỏi và hạnh kiểm tốt. Ánh thi đã đỗ bằng tiểu học và học đến lớp đệ Tứ thì Ba của Ánh bị chết vì tai nạn lao động trong xưởng máy. Ánh phải thôi học, kiếm việc làm ở đâu cũng chưa được nên phải ở nhà giúp đỡ mẹ. Sau, Ánh đi bán mực nướng và hột vịt lộn ở

bến Tàu. Mẹ Ánh thì làm công trong một hãng thuốc hút. Rồi hai năm sau, mẹ Ánh tái giá, vô phước gặp phải người chồng lưu manh, chỉ cờ bạc rượu chè, và giao du với bọn đảng điểm. Nhiều lần cha ghê bắt ép Ánh đi làm nghề mãi dâm lậu thuế, do y kiếm mối. Ánh cự tuyệt và hai lần phải bỏ nhà trốn đi, đề khỏi rơi vào nghề trụ lạc nhục-nhã. Ánh muốn học đánh máy chữ đề để kiếm việc làm, nhưng không có tiền dành bố tay. Bà Cô của Ánh cũng nghèo quá, phải đi làm mướn, còn Ánh cam phận gánh nước thuê ở xóm Bàn Cờ. Rồi có lần Ánh nhớ mẹ về nhà thăm mẹ thì mẹ Ánh đi vắng, người cha ghê khốn nạn lại ép buộc Ánh phải làm nghề mãi dâm. Ánh cương quyết không chịu liền bị y đánh đập tàn-nhẫn đến đổi lông đầu rụng mất. Người cha ghê vũ phu, vô lương tâm, đập Ánh té nhào xuống cạnh chum nước, Ánh nằm bất tỉnh, tưởng như chết rồi. May nhờ có hai bà hàng xóm thương hại, kêu xe chở Ánh vào nhà thương. Ở bệnh viện ra, Ánh không về nhà cha ghê nữa, trốn đến nhà bà cô ở ngõ hẻm Bàn-cờ. Từ đó, Ánh đi ở mướn để

kiếm tiền độ thân. Ánh xem, tôi biết rõ hoàn cảnh đau khổ của Ánh như thế đấy. Vì lẽ đó mà tôi đem lòng thương Ánh và yêu Ánh.

Ông Giáo-sư nói đến đây, lấy một điếu thuốc hút. Ánh vẫn ngồi ủ dờ, nhưng hai giòng nước mắt lặng lẽ trào ra trên má hồng, âm thầm rơi xuống áo.

Ông khẽ hỏi :

— Những điều tôi vừa kể đó, có đúng không, Ánh ?

Ánh không trả lời. Ông nói tiếp :

— Ánh à, tôi không coi Ánh như một kẻ tội-tớ nghèo nàn ty tiện đâu. Tôi coi Ánh như một thiếu nữ đau khổ, vì nghèo, phải, chỉ vì NGHÈO, mà chịu cảnh lầm than cực nhục ! Tôi không có quan niệm giai cấp. Tôi chỉ có quan niệm LÀM NGƯỜI. Cho nên tôi thành thật đem lòng yêu Ánh, và tôi muốn an ủi Ánh, giúp đỡ Ánh tìm được hạnh phúc mà mọi người đều có quyền được hưởng, mọi người đều phải có, không phân biệt ở từng lớp nào, không chia ranh giới một giai cấp nào. Ánh có tin lời nói của tôi không ?

Ánh cặm-cụi ủ dờ, không đáp.

Nhưng chốc-chốc hai ngón lệ âm thầm rơi...

Ông Ngọc-Minh lại hỏi :

— Anh à, nếu tôi thành thật muốn cưới Anh, thì Anh bảo sao ?

Ông Ngọc Minh hỏi đi hỏi lại ba lần, Anh cứ một mực làm thinh, Ông lại hỏi nữa, Anh đáp :

— Thưa ông, ông có lòng tốt ông nói vậy, nhưng tôi đâu dám nhận.

— Tại sao ?

— Tại vì tôi là một đứa-ở. Tôi là hạng người hèn-hạ, như ông thấy.

— Tôi đã nói với Anh rằng tôi không nghĩ như thói thường nhiều người đã nghĩ. Nếu quả thật trong xã hội có thành kiến giai cấp quá vô lý như thế, thì tôi sẽ tỏ cho mọi người thấy rằng không có giai-cấp nghèo và giàu, không có giai cấp tư-bản và vô-sàn, mà chỉ có giai cấp lương thiện và bất lương, chỉ có giai-cấp quân-tử và tiểu-nhân, chỉ có giai-cấp cao-thượng và đê-tiện, của phẩm giá con người mà thôi. Một thiếu nữ nghèo nàn như Anh mà có tính tình cao thượng, có tư cách đứng đắn đoan trang, là đáng quý đáng trọng hơn là

một cô tiểu thư khuê các ở nhà cao cửa rộng, đi xe hơi Huê-kỳ, mà tính tình bất lương, tư cách đê-tiện và phẩm giá hèn hạ. Tôi đánh giá con người không phải với những hào nháng bề ngoài của vật chất, mà với giá trị tinh thần và luân lý.

— Thưa ông, ông nói thế chớ làm sao xóa bỏ những thành kiến giai cấp cho được ? Lúc này tôi nói tôi không được tự-do, bởi lẽ tôi bị ràng buộc trong thành kiến giai-cấp. Tôi ít học, tôi chỉ thấy thực tế đời người trong xã hội, cho nên tôi đâu dám mơ tưởng đến danh vọng cao-xa !

— Nhưng tôi yêu Anh. Tôi muốn chánh thức cưới Anh làm vợ tôi, tức là tôi muốn phá tan thành kiến bất công ấy.

— Tôi xin lỗi ông. Dù ông có thật lòng thương tôi chẳng nữa, tôi cũng xin thành thật cảm ơn lòng tốt của ông, nhưng thật tình tôi không dám nhận. Bởi lẽ gia đình của ông và xã hội thượng lưu của ông, vẫn sẽ khinh khi tôi, vì họ chỉ thấy tôi là một đứa đả-tử, con gái của một người cu-li đi làm thuê ở mướn. Thưa ông, tôi hiểu như thế cho nên tôi phải

giữ giá-trị của tôi. Thà rằng tôi cứ cam phận tôi đòi, một ngày kia tôi có lấy người chồng cu-li chẳng nữa, cũng không ai khinh tôi được. Tôi tuy là ít học nhưng tôi cũng biết gìn giữ danh giá của một người con gái. Tôi không phân chia giai cấp, và lại người ta thường nói rằng tình yêu không có giai cấp, nhưng tôi phải tự biết thân phận tôi ở một địa vị hèn hạ, thấp kém mọi bề, tôi đâu có tham vọng lớn lao.

— Nhưng một khi tôi yêu Ánh, thì Ánh có quyền yêu tôi chứ. Ánh có quyền tỏ cho mọi người thấy rằng một cô gái nghèo cũng có thể là một người vợ tốt, một người mẹ hiền, một phụ nữ xứng đáng trong xã hội... Tôi đã nói những ý nghĩ của tôi cho Ánh nghe, tôi mong Ánh suy nghĩ kỹ, và hiểu lòng tôi. Tôi mong Ánh sẽ đồng ý với tôi, và Ánh đừng tưởng rằng tôi muốn vu vạ Ánh để làm trò chơi đó thôi. Không phải vậy. Tôi thật lòng yêu Ánh và muốn lấy Ánh làm vợ, công khai trước gia đình và xã hội. Thôi tôi lên lầu. Ánh suy nghĩ, và mai hay một Ánh trả lời cho tôi biết nhé.

Ông Ngọc Minh chúc Ánh ngủ ngon, rồi ông thông thả bước

lên lầu. Ánh vẫn điềm-nhiên ngồi ủ dờ. Một đồng áo quần của gia đình bà Năm, Ánh giặt từ lúc sáng sớm, phơi cả ngày, rồi bắt đầu ủi từ lúc 9 giờ, sau khi dọn rửa chén bát, đến bây giờ mới gần hết. Đồng hồ treo trên tường điểm 11 tiếng đã lâu. Một cây đèn nê-ông gắn trên trần nhà chiếu một ánh sáng xanh dịu xuống căn phòng khá rộng, nơi đây dựng một chiếc tủ lạnh dựng đồ ăn, một tủ chứa đồ vật, và một bao gạo, một xe mô-tô, một xe vét-pa, một tủ đựng đồ chơi cho hai đứa con của ông Năm bà Năm, là em rề và em gái của ông giáo sư Ngọc Minh. Cả hai anh em đều là công chức vào bậc "ông", chứ không phải là bậc "thầy" theo thủ tục giai cấp ở miền Nam.

Đây là căn phòng giữa thông qua phòng khách và phòng ăn ở ngoài, và nhà bếp ở trong. Nơi đây, con ở thường ủ dờ cho gia đình bà Năm và ông Ngọc Minh, hoặc may vá, làm các việc vặt.

Vợ chồng bà Năm kêu con ở bằng "nó", gọi nó là "Con Ánh". Hai đứa con bà gọi bằng "Chị Ánh". Riêng ông Ngọc Minh thì gọi trống là

« Ánh ». Phòng ngủ của Ánh ở kế bếp, có cửa cần thận, nhưng chật, vừa đủ kê một chiếc chõng tre, một bàn con, và treo một ngọn đèn mười lăm nén, mù mờ. Ánh tuy là đứa đầy tớ đi ở mướn cho bà Năm mỗi tháng sáu trăm đồng bạc lương, nhưng với tuổi mười-chín, Ánh nở nang tuyệt đẹp, và sạch sẽ, lễ phép, nhu mì, có lẽ vì vậy mà ông Ngọc Minh góa vợ đã cảm nó và, yêu nó chẳng? Yêu thật, hay là chỉ mê sắc đẹp « con nhỏ ở » rồi tìm cách lợi dụng, quyến rũ nó, như trăm nghìn ông chủ nhà khác đã tư tình với con ở, lừa gạt lấy con ở cho có chữa rồi tổng cò ra khỏi nhà?

Ông giáo sư Ngọc Minh có thật « yêu » Ánh hay không, chỉ có lương tâm ông biết mà thôi. Nhưng có điều chắc chắn là ông thật dã mē sắc đẹp duyên dáng thùy mị, và tư cách đứng đắn của Ánh rồi. Cho nên, ông cứ lén lút nhiều lần tìm cơ hội đề chuyện trò với con ở.

Nhưng không có dịp nào được thỏa mãn cả, vì Ánh cứ tìm cách thoối thoát và trốn tránh ông hoài. Ánh không tàn nhẫn đâu — trái lại, Ánh rất lễ phép, nhu mì, — nhưng Ánh cũng rất là cương

quyết và khéo léo chối từ. Đã nhiều lần ông cho Ánh tiền, khi một trăm đồng, khi hai trăm đồng, không lần nào Ánh nhận. Ánh nhả nhặn : « Cám ơn ông », mà không bao giờ Ánh cầm lấy những tờ giấy bạc mới tinh của ông cố nhét vào tay Ánh.

Một hôm đầu tháng lương, ông Ngọc Minh có mua một chiếc đồng hồ đeo tay của phụ nữ giá chín trăm đồng. Thừa lúc cơm trưa xong, vợ chồng ông Năm đã lên lầu, ông Ngọc Minh lén xuống bếp đưa cho con ở, và nói thầm với nó :

— Tôi tặng Ánh chiếc đồng hồ này làm kỷ niệm.

Nhưng Ánh khế bảo :

— Ông có lòng tốt, tôi xin cám ơn ông. Nhưng tôi không dám nhận.

— Tại sao Ánh không nhận ? Ánh chê đồng hồ xấu chẳng ?

— Dạ không phải. Tôi đâu dám chê. Nhưng tôi không dám nhận.

— Tôi thành thật tặng Ánh đây mà.

— Dạ, 'xin cám ơn ông. Nhưng tôi không cần dùng đồng hồ.

(Còn nữa)

NHỮNG ÂNG THƠ HAY

★ NGUYỄN THU MINH

• Bài thơ chiêu niệm

Trời cuối thu rồi, Em ở đâu ?
Năm bên đất lạnh, chắc Em sầu ?
Thu ơi ! đánh thức hồn ma dậy,
Ta muốn vào thăm năm mộ sâu.

Em mộng về đâu ?
Em mất về đâu ?
Từng đêm tôi nguyện, tôi cầu,
Đấy màu hương khói là màu
mất xưa.

Em đã về chưa ?
Em sắp về chưa ?
Trăng sao tắt, ngọn đèn mờ,
Ta nằm rỏ lệ đọc thơ gọi hồn.

Em hãy cười lên vang cõi âm
Khi trăng thu lạnh bước đi thăm.

Những hồn phiêu bạt bao năm
trước
Nay đã vào chung một
chỗ năm.

Cười lên em !
Khóc lên em !
Đâu trăng tình sử
Nếp áo trần duyên ?

Gót sen tố nữ
Xôn xao đêm huyền.
Ta đi, lạc xứ thần tiên,
Hồn trùng dương hiện bóng
thuyền u minh.

Ta gọi bài thơ anh linh,
Hỏi người trong mộ có rừng
mình ?

Nắm xương khô lạnh còn ăn át ?
Bộ ngực bị thương vẫn rợn tình ?

Ngồi bên cửa mộ
Kề cho ta biết nỗi niềm.

Hỡi hồn tuyệt trinh !
Hỡi người tuyệt trinh !
Mê Em, ta thoát thân hình,
Nhập hồn cây cỏ, đa tình mỗi
đêm.

Thần chết cười trong bộ ngực
diên,
Ta nghe Em thở tiếng ưu phiền.
Nỗi lòng xưa dậy tan thành sóng.
Hơi đất mê người — Trăng hiện
lên !

Em có vui không ?
Em có buồn không ?

Đinh Hùng

TÔI vẫn không viết hay nói nhiều đến một lời thơ, chữ thơ nào, dù là với "bài thơ chiều niệm" của Đinh Hùng trên đây. Nghĩ rằng, bài thơ hay tự nó đã nói lên nhiều rồi. Nhưng, không vì cái nhiều đó mà im lặng (mâu thuẫn lắm chăng ?).

Bởi lẽ, trong cuộc đời người ta có thể đánh nhau, giết nhau giữa đường, nhưng riêng với thi-nhân ít ra vẫn còn tình thương và lòng chán thành tỏa ra trên giấy mực, cần được trang trọng và đề cao, — bất cứ ở thời đại nào, không gian

lẫn thời gian nào — nếu Con Người vẫn còn là Con Người !

Một Boris Pasternak đã từng than hãy cho tôi được viết hết lòng mình, cũng như André Gide ; nếu không được tự do viết thà là tự tử.

Vậy, nên trong sự gặp gỡ tôi không khỏi để lòng mình được tự do cõi mở hầu chiêm ngưỡng cái đẹp thiêng liêng cao quý thoát ra từ tim, óc thi-nhân.

Và, cho dù cảnh vật gọi hình của thi-nhân có cách biệt, lạ lẫm với cuộc đời gặp mấy chẳng nữa vẫn không làm sao giảm bớt cái hay cái đẹp của bài thơ, lời thơ.

*Trời cuối thu rồi, Em ở đâu ?
 Năm bên đất lạnh, chắc Em sầu ?
 Thu ơi ! đánh thức hồn ma dậy,
 Ta muốn vào thăm năm mộ sầu.*

Em mộng về đâu ?

Em mất về đâu ?

*Từng đêm tội nguyện, tôi cầu,
 Đấy màu hương khét là màu
 mất xưa.*

Tuy là ảo tưởng, kẻ trần hồn ma mà thi nhân tạo nên, cũng làm cho chúng ta cảm cảnh, man mác sầu thương gọi nhớ... Cảnh nào buồn bằng nhìn cảnh cuối thu qua những đêm trăng trên cánh đất hoang lạnh đầy những năm mộ vô chủ, xấu số trước cuộc đời, và thử hỏi có gì say cảm, ngây ngất được gặp một hình ảnh... giai nhân diễm lệ qua mộng tưởng, dù với ý nghĩ ma quái (?).

Nhưng, có điều là ma quái ở đây đã được thi nhân dựng thành một người em, người yêu xa xưa, thăm thăm, không còn trên cõi đời bằng xương, bằng thịt, cũng không là gì cả. Mù mịt như hơi sương, hơi khói, trong tiếng lá, ngàn cây. Khi

thì cách biệt nghìn trùng, khi lại ẩn hiện trước mắt thi nhân trong mỗi bước đi, hơi thở ra, lẫn tiếng thơ ú trào lại lắng theo những giọt lệ chiều hồn trắng thu. Cũng có thể là :

*Khi trăng thu lạnh bước đi thầm
 Những hồn phêu bạt bao năm
 trước,
 Nay đã vào chung một chỗ nằm.*

Với lời thơ rạt rào, sâu kín của thi nhân đã dẫn dắt người đọc cảm như được đi vào một nơi xa lạ đầy hoa thơm, khoan khoái trong sự hư hư thực thực, ghê sợ mà ao ước... thương yêu mà không dám gần — vì gần vẫn không thể nào được cả (?) —

Ngẫm vậy và tin vậy, nên tôi lại càng tha thiết, trang trọng mời các bạn cùng tôi vui vẻ hòa đồng với thi nhân để cảm cái vẻ đẹp u-minh của ý thơ hơn :

Ta gọi bài thơ anh linh,

*Hỏi người trong mộ có rừng
 mình ?*

Năm xương khô lạnh còn ăn gì ?

Bộ ngực bi thương vẫn rộn tình ?

Hỡi hồn tuyết trinh !

Hỡi người tuyết trinh !

Mê em, ta thoát thân hình,

*Nhập hồn cây cỏ, đa tình mỗi
đêm.*

Đến đây, hẳn chúng ta đã hài lòng, mà không nở khắc khe gán cho thi nhân ưa lý sự chứ ? — nhưng, thơ có bao giờ lý sự ? — mặc dầu ý thơ, tình thơ xa vời, kiểu kỳ thật đấy, vẫn không là điều đáng bàn hay nói đến. Mà chúng ta hãy nói đến cái thiên tài của thi nhân và bài thơ hay mà thôi.

Bây giờ, chúng ta hãy nghe tiếp, tiếng lòng tuy trầm mà không lạnh, xót xa mà không oán trách, im lặng như hơi thu về man mác trên hoa đồng nội cỏ tươi mát đón trăng lên :

Em có vui không ?

Em có buồn không ?

Ngồi bên cửa mộ

Kề cho ta biết nỗi niềm.

*Thần chết cười trong bộ ngực
điên,*

Ta nghe em thở tiếng ưu phiền.

Nỗi lòng xưa đây tan thành vắng,

*Hơi đất mê người — Trăng hiện
lên !*

Kể ra, có chuyện tình nào lại không êm đẹp và đau buồn, sự chết chóc nào mà không nao núng, ghê rợn, oan hồn nào mà không linh thiêng (?) Nhất là được ghi lại bằng bút mực với lòng nhiệt thành, sống động của một thi-nhân — Một *Sự Thật Tình Cảm, Tình Thương Yêu* của *Con Người* — bắt diệt cần đề cao và ca ngợi.

Trước khi tạm ngưng bút lại đây, tôi xin phép được nhắc đến một lời nói của một văn-hào ngoại quốc : *giá trị của một tác phẩm ngoài cái chân tài, còn đòi hỏi ở sự SỐNG và lòng NHIỆT-THÀNH !*

NGUYỄN THU MINH

Những người dân bà
lùng danh trong

LỊCH - SỬ



7.- DƯƠNG

QUÝ PHI

* TÂN-PHONG

V

UA ĐƯỜNG-
HUYỀN TÔN, cũng
gọi là Đường Minh-

Hoàng, (người Tàu và người Âu
châu gọi là T'ang Hiuan-Tsong,
713-756 sau J.C) ngồi trước lầu
Trầm-Hương (1) thấy mấy khóm
hoa mầu đơn lấy giống từ Giang
Nam về trồng trong vườn Nam
Uyển, có bốn màu, đỏ thắm, đỏ
tươi, hồng, trắng, đều nở hết một
lượt, đẹp quá. Vua liền cho
mời DƯƠNG QUÝ PHI (Tàu

và người Âu-châu gọi là Yang
PHỔ THÔNG — P.

Kouei Fei), và mở tiệc vui mừng
đề cùng người yêu uống rượu xem
hoa. Ban nhạc của Vua trời khúc
nhạc du dương đề châu Vua và
Hoàng hậu. Nhưng Huyền Tôn
bảo : "Thường hoa mầu đơn mà
nghe nhạc của các người thì
nhảm tai của Quý-Phi. Hãy lập
tức đi triệu quan Hàn-lâm Lý Thái-
Bạch đến đây làm thơ đề ngâm
cho Quý-Phi của ta nghe ! Mau
lên ! - Nhạc trưởng Quý-Niên
cũng mấy người lính hầu vội vàng

(1) Làm toàn bằng gỗ trăm

chạy đến nhà Thi-sĩ Lý - Bạch, nhưng không có ông ở nhà. Đi tìm khắp kinh đô Tràng - An, có người bảo thấy quan Hàn Lâm đang ngồi trong một tiệm rượu, Quý-Niên chạy tới nơi, thì Thi-sĩ họ Lý say li-bì, đang nằm ngủ trong quán. Mấy người lay gọi mãi ông không dậy. Không biết làm sao, vì vua bảo đi gọi Lý-Bạch đến thì làm thế nào cũng phải đưa Lý-Bạch vào chầu Vua, nếu không thì có tội, hai người lính phải khiêng ông lên lưng ngựa và quất ngựa chạy về lầu Trầm-Hương. Vua bảo đặt Lý-Bạch nằm trên chiếc chiếu hoa ngay trước thềm, nơi vua và Dương Quý Phi đang ngồi uống rượu. Thi sĩ họ Lý vẫn ngủ như chết, ngáy khò khò, sặc mùi rượu. Quý-Phi tâu : « Thần thiếp nghe người ta nói rằng lấy nước lạnh đắp lên mặt người say rượu là tỉnh ngay ». Vua Huyền-Tôn liền truyền cung nữ làm theo lời của Quý-Phi. Một lát, Lý-Bạch tỉnh rượu, lớp ngóip ngồi dậy. Trông thấy vua, ông sợ hãi quỳ xuống tâu : « Kê hạ thần thật đáng tội, cúi xin Bệ hạ rộng lượng dung thứ cho ». Vua bảo : « Hôm nay trẫm cùng Quý Phi ngắm hoa mẫu đơn, vậy khanh làm bài Thơ

đề phở nhạc cho Quý Phi nghe » Lý Bạch cầm bút thảo luôn một hơi ba bài thơ, chữ đẹp như rồng bay phụng múa, đề là : *Thanh-Bình tam chương* » dâng lên vua ngự lãm. Vua đưa Quý Phi ngâm :

I

*Ván tường y thường, hoa tường
dung,
Xuân phong phất hạm lộ hoa nung.
Nhược phi Quân-ngọc sơn đầu kiến
Hội hương diêu đài nguyệt hạ
phùng.*

II

*Nhất chi nung diêm lộ ngưng
hương,
Ván vũ Vu sơn ổng đoạn trường
Tả vẫn Hán cung thủy đắc tị,
Khả liên phi yến y tân trang.*

III

*Danh hoa khuyh quốc lưỡng
tương hoan,
Thường đắc quân vương đới tiếu
khan.
Giải thích xuân phong vô hạn hận,
Trầm hương đình bắc y lan can.
Xin tạm dịch :*

IV

Áo tơ làn mây, mắt tơ hoa.

Ngồi hiền gió thoảng giọt sương
sa.
Phải người đã hiện nơi Quần
ngọc
Hay khách Diên đài bóng nguyệt
nga!

II

Sương đọng cánh tươi bát ngát
thơm,
Ngậm ngùi thần nữ thôn Vu-sơn!
Xót xa Phi yến trong cung Hán
Thư hồi bằng ai chút phấn son?

III

Hương trời sắc nước khéo hòa
hài,
Cười mỉm, quân vương ngậm ngấm
hoài.
Đứng dựa hiền Trầm hình dáng
ngọc,
Giò xuân tiễn tán hận trần ai!
Dương Quý Phi và vua Huyền

Tôn cùng nhau khen ngợi thi tài
của quan Hàn lâm Lý-Bạch và
vua truyền lệnh cho ban nhạc phò
nhạc ngay cả ba bài Thanh Bình
đề Quý Phi nghe. Quý Phi phục
tài của Lý Bạch, liền rót một ly
rượu bỏ đào đưa tận tay tặng
thường Thi-nhân.

Nhưng Quý-Phi là ai, mà
được vị đại Hoàng Đế của nhà
Đường sủng-ái, chiều-chuộng đến
như thế? Nàng đẹp như thế nào,
có oai quyền như thế nào đến nỗi
một bậc Thi-Bá nổi danh khắp
thiên hạ cũng phải tuân lệnh Vua,
mà làm thơ ca ngợi nàng?

Chúng ta hãy tìm xem lý lịch
của kẻ giai nhân lòng luyến tiếc
tăm này và ảnh hưởng của nàng
đối với Vua Huyền-Tôn và cả
Triều-dại nhà Đường tại hại như
thế nào.



Nụ cười hoa nở hương đưa,
Sầu cung son phấn đều thua mặt nàng...

BẠCH-CƯ-DỊ
(Thi sĩ đời Đường)

CÓ một sự - kiện không
tốt đẹp tí nào mà vài
quyền sách sử của Tàu
không nói, hoặc nói

sai lạc rằng Dương-quý-Phi đang
ở nhà với chú ruột, và mặc áo
đạo sĩ, thì được tiến cử vào làm
cung phi, gần một năm sau nhà

Vua mới tôn lên ngôi Hoàng-hậu. Sự thực thì Dương Quý-Phi, tên thật là Thái-Châu, đã là vợ của THỌ - MẠO - VƯƠNG, một trong những hoàng tử con của vua.

Thái - Châu ở với Thọ-mạo-Vương gần được một năm, rồi vua Huyền Tôn trông thấy nàng đẹp quá, mới cướp nàng dâu về làm cung phi, và đày Thọ-mạo-Vương đi xa.

Cha nàng là Dương - huyền-Diệm, làm một chức quan nhỏ ở Thục Châu. Nàng mồ côi từ thuở còn bé, ở làm con nuôi cho người chú là Dương Huyền-Kiều cũng làm quan ở Hà-Nam. Nhờ sắc đẹp và trí óc thông minh, nàng có học khá, biết làm thơ và đánh đàn, nàng được Thọ-mạo-Vương, con của Vua Đường Huyền-Tôn, cưới về làm vợ. Lúc bấy giờ Vua Huyền Tôn yêu chuộng nhất là nàng VÕ-HUỆ-PHI, vì nàng mà vua truất phế Hoàng-hậu, đề đưa Võ Huệ-Phi lên thay thế, nhưng đến năm thứ 24, Huệ-Phi chết, nhà Vua thương tiếc vô cùng, trong số trên **3000** cung phi chẳng có cô nào được lọt vào cặp mắt rồng cả. Một hôm vừa trông thấy Dương Thái-Châu, vua dật mình : vị tuyệt thế giai nhân

nào đây ? Nhan sắc diễm kiều lộng lẫy của nàng, không có mỹ nữ nào sánh kịp được. Hỏi ra thì nàng là vợ của một người con của Vua. Vua không cần, tổng cò con trai đi xứ khác, đề đoạt lấy vợ của nó đem về làm vợ mình.

Đem về cung, Vua mở yến tiệc linh đình và làm lễ đặt Dương Quý-Phi lên ngôi Hoàng-Hậu.

Dương Quý Phi rất khéo chịu chuộng Vua, nên càng được Vua yêu vì. Nàng lại rất tinh xảo về môn múa hát, thông cả các điệu nhạc, khôn ngoan hơn người. Nàng chỉ liếc mắt, nhướn mày, là Vua Huyền Tôn mê tít. Vua giận hờn ai, nàng mỉm cười một khoé mép là Vua nguôi giận liền, Ngày đêm Vua cứ ôm ghì lấy nàng, bỏ bê cả việc Triều-dình, việc dân, việc nước. Dần dần nàng chiếm trọn cả trái tim và trí óc của Hoàng-đế. Nàng muốn gì, Vua cũng chịu. Nàng bảo gì, Vua cũng nghe. Nàng xin gì, Vua cũng cho. Nàng sắp đặt việc Triều chính thế nào, Vua cũng chịu. Dương-quý-Phi có người anh họ, tên là DƯƠNG-QUỐC-TRUNG, được nàng xin Vua cho làm Tề - Tướng, (cũng như chức Thủ-Tướng bây

giờ) quyền hành nằm cả trong tay.

Nàng có ba người chị, đều có tài sắc, được nàng nói với Vua phong tước là *Quốc Phu Nhân*: chị cả được phong làm *Hàn-quốc Phu Nhân*, chị hai làm *Quốc-quốc Phu-nhân*, chị ba làm *Tần quốc Phu nhân*, cả ba đều có quyền hành to lớn đối với các bậc mệnh phụ vợ các quan trong Triều, và được tự do ra vào Cung Cấm. Thân phụ của Quý-Phi, là Dương-Huyền-Diệm đã chết rồi, cũng được truy phong chức *Thái - Úy Tể-quốc-Công*. Mẹ của Quý-Phi được truy-phong làm *Lương-quốc Phu-nhân*. Chú của Quý-Phi, Dương-Huyền-Kiều được phong làm *Quang - Lộc Khanh*. Một người chú nữa, là Dương-Quê, được làm *Thượng thư Binh-bộ*, anh con nhà bác của Quý Phi là Dương-Điềm được chức *Hồng Lô Khanh*, *Thị ngự sử*, lại được kết hôn với Công chúa Đại Hoa, con gái của Vô huệ Phi, và như thế là được chức phò mã, làm rể vua Huyền Tôn. Tất cả mấy anh em chị em nhà họ Dương nhờ vậy mà có thế lực rất to lớn. Các quan muốn xin xỏ điều gì cứ việc thưa bám với các bà Phu nhân là công

việc được kết quả mau lẹ. Ba người chị ấy lại được phát mỗi năm 1000 quan tiền riêng để mua son phấn. Dương-Điềm lại được phong thêm chức *Tam phẩm Thượng Tự quốc*, đề lo các công việc tài chính, và kho của nhà vua. Mấy anh em chị em họ Dương đều lấy tiền thuế của dân mà xây cất lâu đài, sang trọng không kém gì cung điện của vua, cũng có xe ngựa, lính hầu, đi đâu cũng rần-rần rộ rộ, rực rỡ chốn Tràng An. Họ lại ưa tranh đua, mỗi lần cất một ngôi nhà lớn tốn bạc ngàn bạc muôn, hễ thấy nhà người khác đẹp hơn của mình thì phá đi cất lại, công tác kiến trúc suốt cả ngày đêm. Những vật của vua ban cho, và của bốn phương dâng biếu, cả 5 gia đình họ Dương đều chia cân nhau, và cất riêng mỗi nhà một kho. Trong nước, không có gia đình nào thanh vượng bằng gia đình nhà họ Dương được.

Hể vua Huyền Tôn đi ngự du nơi nào, ắt có Dương Quý-Phi đi theo. Nàng muốn cưỡi ngựa thì có hai viên *Thị vệ CAO-LỰC-SĨ*, và *BÙI-LỰC-SĨ* lấp yên và cầm giây cương. Nàng muốn ngồi xe, thì nàng ngồi cạnh Vua, và có

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ LỪNG DANH

nữ-tỳ theo hầu, sẵn sàng đề lau dầy và lau chùi cho nàng.

Trong một bài thơ của ĐỒ-
PHỦ, nhà Thi-sĩ danh tiếng, bạn thân của Lý Bạch và Bạch-cư-Dị, có tả một cuộc ngự du đại khái như sau đây :

*Đệ nhất Phu-nhân (Tức là Dương
Quý-Phi)*

Cùng ngồi với Vua trong một xe.

*Ba người chị của nàng cỡi ba con
ngựa đi trước.*

Bà nào cũng có cầm ná.

Ngựa trắng, khớp bằng bạc,

Một bà ngã lưng ra, nhìn trời,

*Cười và dương ná bắn hai con
chim.*

*Lính che lọng vàng, đi hầu hai
bên.*

Trong thiên *Trường hận ca* bất hủ của Thi-sĩ BẠCH-CƯ-DỊ cũng có thuật lại đời sống của Dương Quý-Phi trong cung điện :

Nàng tắm trong hồ nước trong-
xanh có pha nước hoa, nước ấm
cũng có, nước lạnh cũng có. Nước
đá của nàng trắng mịn như đá. Bọn
nữ-tỳ nâng đỡ nàng, nàng có vẻ
thướt tha, uể-oải. Tóc nàng bới cao
lên như một đám mây, cài trâm
bằng vàng và ngọc. Nàng mặc áo
mỏng ~~thêu hoa sen, nằm nghỉ~~
PHO THÔNG — 43

trong đêm xuân. Nhưng đêm
chóng tàn, mặt trời dậy sớm quá.
Hoàng đế không ~~ban~~ ban chiều nữa.
Ngài bận yến tiệc hân hoan, không
còn lúc rảnh. Ngài yêu quý Dương
Quý Phi vô cùng, muốn mở hội
luôn luôn, đàn địch xướng ca
cho nàng giải trí. Trong cung có
ba nghìn mỹ nữ, nhưng Ngài chỉ
quý chuộng cô một mình nàng
thôi. Trong kim phòng, nàng uốn
éo, trang điểm để dọy Vua.
Nàng ca hát và múa rất dịu dàng,
có tiếng nhạc hòa theo đúng nhịp.
Cả ngày Vua mãi ngắm nàng
không chán...

Sách *Đường-thư* chép rằng
trong cung có 700 người thợ dệt
gấm thêu hoa đồ cho Dương Quý
Phi sai khiến, dệt dệt và thêu các
đồ y phục của nàng. Lại có mấy
trăm thợ chạm trổ và đúc đồ vàng
bạc cho Dương quý-Phi dùng.

Mỗi năm về tháng 10, Vua
Huyền Tôn tới chơi tại cung
Thanh-Hoà, thì ba bà Phu nhân
và cả 5 gia đình nhà họ Dương
đều đi theo ngự-giá. Con gái của
mỗi gia đình kết làm một đội,
bận một màu áo, 5 gia đình hiệp
thành đoàn, mặc 5 màu áo khác
nhau, tươi đẹp rực rỡ như trăm
hoa. Áo gấm, quần hồng, vòng
vàng, chuỗi ngọc, sắc màu-lẻ

loet, mùi thơm bay ngào ngạt khắp dọc đường của Vua và Dương Quý Phi đi.

Niên hiệu Thiên-bửu thứ 9, một lần Nhà Vua nghi Dương-quý-Phi có tư tình với AN LỘC SƠN, là một vị Vô-quan, làm chức Tiết Độ Sứ, có công dẹp giặc thắng trận ở biên thù, được vua yêu chuộng cho ra vào tự-do trong cung-diện, và được coi Dương quý Phi như mẹ nuôi: Nhưng Dương Quý-Phi đem lòng yêu mến An Lộc Sơn, trong Triều-dình và binh sĩ, dân chúng, đã có tiếng đồn dãi.

Vuy Huyền Tôn mắng Dương Quý-Phi. Nàng hờn giận bỏ về quê ngoại ở. Vua thương nhớ nàng quá, liền sai Trương-thao-Quang đi năn - nỉ nàng trở về Cung. Nàng viết thư trả lời Vua : « Thiếp làm điều chi trái-ý Thánh Thượng ? Nhưng, thiếp có tội, thì thiếp đáng chết muôn lần. Vạy

thiếp xin chết nơi đây. Những đồ quần áo của thiếp đều do Thánh Thượng ban cho, thiếp xin mang theo xuống tuyền đài còn tóc là của cha mẹ sanh ra thì hiếp cắt một nắm đây, xin dâng lên Thánh Thượng để thiếp chịu tội với Thánh Thượng trước khi là trần... » Huyền Tôn coi thư, khóc sụt sùi, tức thì sai CAO LỰC SĨ phi ngựa đi mời Quý Phi về ngay...

Nhưng vụ AN LỘC SƠN đau đầu thăm lén với Dương Quý Phi có thật hay không ? Phải có. Đây mới là làn khói mỏng bay lên trong Cung cấm của nhà Vua, nhưng cục lửa ái-tình đã cháy âm-ỉ trong tim Dương Quý Phi và An Lộc Sơn không làm sao tắt được...

(Kỳ sau tiếp)

CÙNG ÔNG ĐỖ-TẤN

BỔ-TÚC:— Trong bài « Minh oan Hồng - Bảo và Đoàn - Trưng » của tôi đăng trong *Phê Thông* số 40, trang 51, cột một, đáng lẽ tôi viết : « ... mà không đọc sách KỶ HON trước khi cầm bút... » nhưng tôi đã vô ý viết sót hai chữ « Kỵ hơn », vậy nay xin bổ túc.

Xin thành thật cảm ơn ông Đỗ Tấn đã chỉ cho chỗ sơ-suất hoàn toàn vô ý ấy và xin lỗi ông; Tuy vậy, theo thiện ý của tôi, ý nghĩa toàn câu vẫn không khác xa bao nhiêu. Đọc sách không kỹ, khác nào không đọc !

NGUYỄN QUANG



Đêm thu thương nhớ

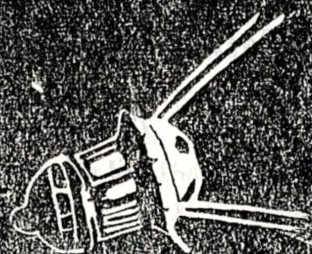
Trời khuya bằng lăng khói sương bay,
Lác đác vàng rơi rụng lối gầy.
Tựa cửa nhìn thu về lạnh lẽo
Trăng buồn soi xế mái hiên tấy.

Ai xa nghìn dặm đã u sầu ?
Đã thấy lòng thương nhớ đến nhau !
Mà ở đây thu rầu-rĩ lắm
Tình thu thôn-thức suốt canh thâu !

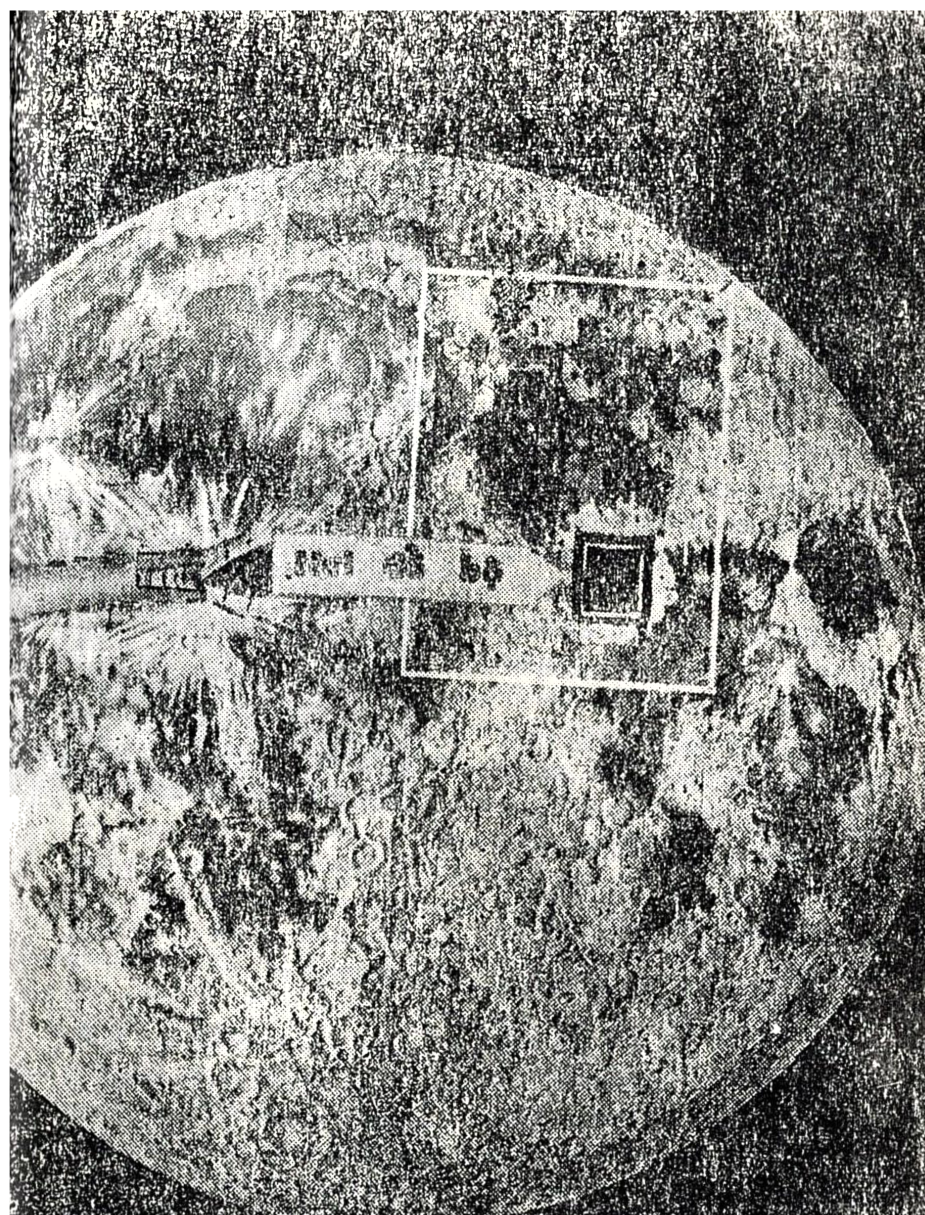
Thu mệnh-mông cả bốn bề trời
Tâm sự chưa tàn theo lệ rơi
Rượu tiễn đêm nao giờ lại đắng,
Còn gì xao-xuyến đáy ly-bời ?

ĐỖ THỊ LỆ-THƯƠNG
(Huế)

Mình Ồi! ★



chừng nào



...lên Trăng được ?

MÌNH ơi !
— Dạ.

—Ồ ! Hôm nay em kêu, được Minh « dạ » chứ ! Sướng quá ta !

— Anh « dạ » đó, nghĩa là em phải pha một ấm nước trà cho thật ngon, và cho anh ăn bánh Trung Thu thượng hảo hạng, chứ không phải anh « dạ » không đâu nhé !

— Thưa ông, tôi đã pha trà sẵn rồi đây, và dọn bánh một đĩa đây, mời ông bỏ bút xuống, lại xơi bánh với tôi ạ.

— Thế hả ? Có trà có bánh đấy hả ? Cột Tú của tôi từ tế quá nhỉ !

— Em dọn bánh nước mời Minh dùng để Minh nói chuyện cho em nghe, chứ không phải em từ tế đâu, nghe hôn ?

— Thế ra, ở đời có ăn phải có trả, câu tục ngữ thế mà đúng đấy.

— Chứ không ư !

Ông Tú đã đến kéo ghế ngồi nơi bàn ăn. Bà Tú ngồi đối diện:

— Hôm nay Rằm tháng Tám, em biết trước thế nào Minh cũng đòi ăn bánh Trung Thu, nên em mua sẵn năm hộp.

— Dữ ! Anh đâu có tham ăn quá vậy ! Cui chừng kéo em cho

anh ăn nhiều anh ách bụng, tối nay ngồi viết không được đấy.

— Đêm nay Minh nghĩ viết đề nói chuyện lên Trăng cho em nghe.

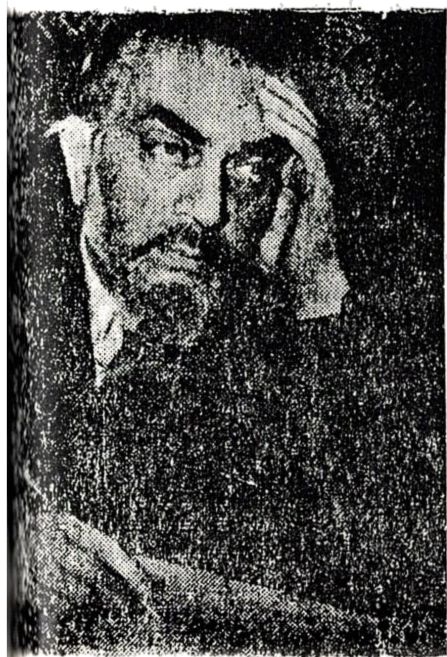
— Chuyện lên Trăng là chuyện gì ? Anh đâu phải vua Đường Minh Hoàng !

— Chuyện khoa học ấy chứ ! Chuyện các nhà Bác-học Nga và Mỹ chế ra hỏa tiễn lên Trăng ấy mà ! Đọc báo thấy họ nói nhiều lần đến các hỏa tiễn lên Trăng của Nga và Mỹ, nhưng sự thực hỏa tiễn đã lên tới Trăng chưa ? Xa lắc xa lơ mà làm sao nó lên trên đó được, hả Minh ?

— Ai nói với Minh rằng Nga và Mỹ có nhà Bác học chế ra hỏa tiễn lên Trăng ?

— Ừa ! Vậy chứ những Hỏa-tiến và những vệ tinh nhân tạo tên là *Spoutnik*, *Lunik*.. của Nga và Vanguard, Pionner, Explorator của Mỹ, là do ai chế ra ? Không phải người Nga và người Mỹ sao ?

— Nhà Bác học ARY STERNFELD, đã chế tạo ra *Lunik I*, *Lunik II*, *Lunik III*.. của Nga, chính là người Do - Thái BALAN, sinh trưởng ở Cracovie, chứ không phải người Nga. Còn giáo - sư WERNHER VON BRAUN cha đẻ các Hỏa tiễn



ARY STERNFELD

Explorer, Pionner, Vanguard...
của Mỹ, chính là người Đức !

ARY STERNFELD, lúc thiếu thời và thanh niên học ở Ba-lan. Năm 1925, được cha mẹ cho đi ngoại quốc học chuyên môn về toán. Ông đi qua Đức học trường Đại học Đức một thời gian, rồi qua Pháp học tại trường Đại-học ở thành phố Nancy. Cha mẹ của ông không đủ tiền cấp

dưỡng, bèn xin chính phủ Ba lan cho ông một học bổng mỗi tháng 200 quan. Ông quyết học ở Pháp để thành một kỹ sư. Tại nơi đây cứ những đêm sáng trăng, Ary Sternfeld ngắm trăng và mơ mộng làm sao chế ra một hỏa tiễn để lên trăng coi thử trên đó có người ở không ? và có những gì ? Vì cứ lo nghĩ có bấy nhiêu đó mà việc học hơi bê trễ. Năm thứ nhất, ông đứng thứ 31 trên số 58 sinh-viên.

Nhưng những quyền tập của ông đã chép đầy những bài toán ông tự đặt ra về sức mạnh của hơi nước, của mô-tơ và sức ép của không khí. Ông tự đặt ra chương trình nghiên cứu : 1) Làm sao phóng một hỏa tiễn lên trăng. 2) Làm sao đặt một trạm giữa trời để dùng nơi bàn đạp phóng lên các hành tinh khác. Bạn bè của chàng sinh viên Sternfeld thấy chương trình đó, đều cười ngất, cho là « thẳng điên » ! Lúc bấy giờ là năm 1929...

— Mình à, thì ra kinh nghiệm của Lịch-sử về Khoa học, Văn học, v. v... cho ta thấy rằng những phát minh vĩ-dại, những cải cách lớn lao, lúc ban đầu thường bị người ta công kích và chế nhạo. Mình nhỉ !

— Chính thế, em ạ, nhưng các người có tài cao chí lớn đâu có bị thất vọng vì những trở ngại lúc ban đầu. Họ kiên nhẫn đeo đuổi lý tưởng cao siêu của họ, rồi thế nào họ cũng thành công rực rỡ, chân họ dẫm lên những chỉ trích và ganh tỵ nhỏ nhen. Với học bổng 200 francs, Ary Sternfeld không đủ tiền để làm những cuộc thí-nghiệm mà các bạn của ông, sinh viên Kỹ-sư ở Đại-học Nancy, chê cười. Sternfeld phải kiếm việc làm thêm cho có tiền. Ông xin vào nhà máy điện làm một chum thư ký di biên công tơ điện ở các tư gia. Sternfeld cố công tìm tòi, học hỏi, suy xét, thí nghiệm. 3 năm như vậy. Khi ông thi ra trường, lấy bằng Kỹ sư, trong số 31 người đậu, ông đứng thứ 2. Ông lên kinh thành Paris, kiếm được việc làm Kỹ sư ở một xưởng máy, lương mỗi tháng 600 quan. Thế là Ary Sternfeld có nhiều phương tiện để xúc tiến các cuộc thí nghiệm riêng của ông về « hỏa tiễn lên trăng ». Lúc bấy giờ, cũng chưa ai biết đến cậu con trai của ông Bộ-trưởng bộ Canh-nông của nước Cộng Hòa Weimar, ở Đức quốc, cậu mới có 16 tuổi mà đầu óc cũng đã nghĩ đến chuyện chế tạo « một cái máy để

phóng lên trăng ». Cậu này tên là **WARNHER VON BRAUN** ! Cậu còn đang học theo chương-trình Trung học. Cậu còn thanh niên và cũng chưa nghe đến tên nhà kỹ sư Sternfeld.

— Có phải Von Braun bây giờ là người chế tạo ra các hỏa tiễn của Mỹ đó không, hả Minh ?

— Chính là cậu học trò bé nhỏ ấy. Nhưng để anh tiếp tục kể chuyện **ARY STERNFELD**, ông kỹ-sư Ba-lan lúc bấy giờ đã 40 tuổi. Để cho thấy mặt Trăng gần hơn một tý, ông thuê một phòng khách sạn 6 tầng, ở ngay tầng thứ 6. Nơi đây, ngày ngày ông gặp một cô Nữ-sinh cũng người Ba-lan, du học ở Pháp và cũng nghèo như ông, cũng thích khoa học như ông, cũng có chí như ông, vừa đi học vừa đi ở mướn !.. Hai người yêu nhau vì cùng một lý tưởng...

— Rồi họ có lấy nhau không, hả Minh ?

— Thông thả đã mà ! Minh cứ vội vàng ! Để họ yêu nhau một thời gian đã chứ !

— Em thích họ yêu nhau vì lý tưởng say mê như thế thì họ phải lấy nhau để có hạnh phúc. .

— Thì rồi sau đó, họ lấy nhau.

Ông đã 40 tuổi. Bà mới 18 tuổi.

— Có sao đâu ! Kề gì tuổi tác?...
Tình yêu lý tưởng đâu có tuổi tác?

— Vâng ạ. Thưa cô Tú, cô nữ sinh 18 tuổi kia hiện giờ là bà Sternfeld làm giáo sư Pháp ngữ ở Đại học đường Moscou.

— Còn ông Sternfeld ?

— Ông cứ tính toán về những con số... đại học, và âm thầm xúc tiến về việc thí nghiệm chương trình hòa tiến lên Trăng...

Thế rồi một hôm, năm 1930 có một người bạn của ông ở Moscou gửi sang cho ông một bộ Tự-diễn bách-khoa, đề là « *Encyclopédie de l'Astronautique* ». Bách-Khoa về hàng không giữa các hành-tinh. Ông nghiên-cứu trong bộ tự diễn này, tuy không có gì mới lạ lắm về khoa học ấy, nhưng đó là một khuyến-khích lớn lao cho ông. 1934 Sternfeld nộp lên Hàn-lâm-Viện Khoa-học Pháp một bản thuyết trình : « Phương-pháp tính về một vật chuyển động trên không-khí ». Các giới khoa-học bắt đầu chú ý đến Sternfeld từ đó, nhưng họ cho rằng những bài toán của Sternfeld là « viễn-vong ». Sternfeld muốn ở bên Pháp đề phụng sự khoa học cho nước Pháp, nhưng mấy ông ở Hàn

lâm viện Paris tỏ vẻ khinh rẻ người Ba-lan. Sternfeld buồn lòng mua vé xe lửa sang Nga. Từ 1937, ông được chính phủ Nga-sô khuyến khích và khai thác thiên tài khoa học của ông. Nhờ vậy mà STERNFELD đã chế tạo ra được các hỏa tiễn Nga : Lunik I, Lunik II, Lunik III... Ông đã chế Hỏa tiễn Lunik IV, sắp đồ bộ lên Trăng thật sự. Thế là Sternfeld, cậu học trò nghèo của Ba-lan, đã thành công vẻ vang, sau gần 30 năm học-hỏi, tìm tòi, kiên nhẫn ở Pháp mà tại vì Hàn-lâm-Viện Khoa học Pháp không khuyến khích Sternfeld hồi 1934, cho nên ngày nay ông đã thành ra nhà bác học Nga, và đã làm kinh-ngạc thế giới với những hỏa-tiến đầu tiên của ông bay thám thính mặt Trăng, và đã đụng mặt Trăng !

Trong lúc ấy, cậu học sinh Trung học, 16 tuổi, của nước Đức, tên là WERNHER VON BRAUN...

— Thông-thả, Mình chờ em một tý nhé...

— Em đi đâu ?

— Em lấy thêm cái bánh dẻo để Mình ăn, và pha thêm trà nóng để Mình uống.

— Từ này giờ, anh đã ăn miếng bánh nào đâu !

Bà Tú cười ngặt :

— Thì Minh vừa nói vừa ăn, chứ sao Minh cứ nói luôn, không ăn ?

— Ăn, làm sao nói ! Nói, làm sao ăn !

— Tại em nghe Minh nói, em mê quá, quên đưa bánh cho Minh đó ! Bây giờ em cắt bánh Minh xơi..

— Ủ, em cho anh bánh Trung Thu, anh không ăn bánh dẻo đâu.

Ông Tú rót chén nước trà nóng, bay hơi thơm phức, uống một hớp để thắm giọng, và khen cô vợ trẻ đẹp :

— Em mua trà ngon quá.

— Bánh cũng ngon, Minh à. Này, Minh xơi miếng bánh Trung Thu trụng gà đây xem... Rồi sao nữa, Minh ? Cậu học trò Werner Von Braun, 16 tuổi, sau cùng làm kỹ sư phi không ?

Ông Tú lần này nhất định ăn bánh và uống nước trà cho đã rồi mới tiếp tục câu chuyện :

— Quê hương của VON BRAUN là ở làng Oberaudarf, tỉnh Bavière, nước Đức. Hồi còn 6 tuổi, hôm lễ Noël, bà Mẹ

thường cho đồ chơi một cái ống dòm viễn vọng, đêm sáng trăng dòm lên trời thấy mặt trăng to bằng hai lần, thấy các ngôi sao to như những đồng bạc. Von Braun khoái lắm, và cứ mơ tưởng vòm trời đầy trăng sao. Hồi 16 tuổi, học Trung - học, Von Braun đã tưởng tượng vẽ một cái hỏa tiễn bay lên Trăng. Chính là lúc mà tại trường Đại học Cơ khí ở Nancy, bên Pháp, chàng sinh-viên Ba lan, Ary Sternfeld cũng đang tìm phương pháp chế hỏa tiễn bay lên trăng... Nhưng mỗi người đi mỗi ngả, không gặp nhau. Von Braun sau đỗ kỹ sư làm giáo sư, được thừa hưởng chức tước của cha truyền lại, là Nam tước Wernher Von Braun. Ông vẫn cặm cụi trong phòng thí nghiệm, làm toán và vẽ các kiểu hỏa tiễn. Mãi cho đến trận Thế giới chiến tranh thứ hai, năm 1943, ông mới có 27 tuổi, và đã có sẵn kế-hoạch chế-tạo hỏa-tiến. Ông đã thí-nghiệm cho Quốc-trưởng Đức là HITLER xem : hỏa-tiến có thể là một khí giới tự động bắn đi xa được, không cần súng đại bác, và phi cơ. Nhưng chính Hitler cũng không tin là Hỏa tiễn đó có ích lợi thật thực cho khoa học chiến



VON BRAUN

tranh. Hitler bảo : « Hòa tiến là mơ mộng ! Trò chơi của bọn bác-học ăn không ngồi rồi ! »

1943, Hitler đã thất bại trên nhiều mặt trận, chỉ nghĩ đến chuyện chế tạo thêm nhiều tàu bay và bom mà thôi. Von Braun không ưa Hitler, nhưng dù sao nước Đức vẫn là tổ quốc của ông, đã bị Hitler đưa đến chỗ tiêu diệt, cho nên ông phải nghĩ ra khí giới

tối tân bằng hỏa tiễn để cứu vãng cho Đất nước. Một lần thứ hai, ông đề nghị với Quốc - trưởng HITLER: « Tôi chế ra được thứ khí giới mới lạ nhất mà Nga, Mỹ, Anh, chưa có. Nếu Quốc-trưởng chấp thuận, để cho tôi đem ra trận tuyến thí nghiệm, phóng một chiếc hỏa tiễn sang Anh-quốc, sẽ xem kết quả kinh khủng thế nào. Khí giới tối tân này là để trả thù lại các cuộc ném bom của Anh-Mỹ, nên tôi đặt cho nó cái tên là V₁ và V₂, hai loại đều ghê gớm cả. Nhưng chỉ dùng tạm để cầm cự trong lúc tôi đang thí nghiệm một loại hỏa tiễn có thể từ Berlin bay qua tiêu diệt Mỹ-quốc. Chỉ năm năm nữa, 1948, chúng ta sẽ tiêu diệt được Anh, Mỹ, Nga, mà Quốc-trưởng sẽ làm chúa-đề cả hoàn cầu ». Chuyện này xảy ra năm 1943. Quả nhiên V₁ và V₂ thí nghiệm phóng sang Anh, gây ra tai hại vô kể.

Thời hạn 5 năm chưa đến, nhưng Nga, Anh Mỹ, đã mở liên tiếp ba bốn mặt trận bao vây quân đội Đức, rồi kết cuộc là 1945 Đức phải đầu hàng. Kế-hoạch hỏa tiễn của Von Braun chưa thực hành xong. Chiến tranh chấm dứt, Von Braun quyết đem

kế hoạch hỏa tiễn phụng sự triệt để cho khoa học vũ trụ. Ông sang Mỹ, được chính phủ Mỹ trọng dụng, và 1949 lần đầu tiên, WERNHER VON BRAUN phóng lên trời một hỏa tiễn, theo nguyên tắc của V1 và V2 cải thiện hoàn toàn hơn. Ông nhập tịch làm dân Mỹ năm 1949, cũng như ARY STERNFELD đã nhập tịch làm dân Nga từ 1937. Đến nay, 10 vệ tinh nhân tạo của Mỹ đã và đang bay xung quanh mặt đất, đang chụp hình mặt Trăng, và thu âm, truyền âm các hiện tượng trên thượng tầng không khí, đều là do Von Braun chế tạo ra.

— Mình à, nhưng mà các hỏa tiễn ấy đã tới mặt trăng chưa ?

— Lunik II đã rớt xuống mặt Trăng và đã bẽ nát trên một «nguyệt-diềm» gọi là «Biền Hơi»

— *Mer des Vapeurs* (xem bản đồ Mặt Trăng trên đầu bài).

— Hôm nào, hả Mình ?

— Ngày 12.9.1959, hồi 10 giờ đêm, 2 phút, 24 giây.

— Còn hỏa-tiến Lunik III ?

— Ngày 6-10-1959, hồi 15 giờ 16 phút, Lunik III bay qua phía bên kia của mặt Trăng (phía mà ở trên mặt Đất không bao giờ

trông thấy được) để chụp hình phía ấy. Đúng lúc đó, Lunik III ở một nơi « không diềm » cách xa Trái Đất 371.700 ki-lô-mét.

— Từ Trái Đất lên đến Mặt Trăng là bao nhiêu cây số, hả Mình ?

— 384.000 ki-lô-mét, bằng 60 lần đường bán - kính của Trái Đất.

— Mình à, Hỏa tiễn Lunik II đã đụng Mặt Trăng, thế thì một ngày kia người ở Trái Đất có thể đổ bộ lên Mặt Trăng được chứ ?

— Chắc chắn là được. Hiện giờ ở Mỹ cũng như ở Nga, người ta đang huấn luyện những người du hành đầu tiên để đổ bộ trên cung điện của cô Hằng-Nga.

— Đã có người tình nguyện đi lên Trăng thật sao, Mình ?

— Hiện ở Mỹ có 7 người đã huấn luyện xong xuôi, sẵn sàng rồi cả. Chỉ chờ chiếc « phi-thuyền » làm xong.

— Chừng nào « phi-thuyền » làm xong và họ sẽ khởi hành đi được ?

— Theo Von Braun tuyên bố, vừa rồi, thì nội trong năm 1961.

— Sang năm tới ?

— Ủ.

— Ồ, thích thú quá nhỉ ! Ước gì họ cho hai đứa mình đi nhỉ !

— Thôi, em đừng hy vọng, mất công !

— Sao thế, Minh ? Mình không thích đi với em một tuần Trăng-mặt đề lên coi cung điện cô Hằng Nga sao ?

— Em đẹp hơn Hằng Nga nhiều lắm. Em mà lên trên ấy, cô ả ghen chết ! Với lại, muốn du nguyệt điện, cần phải là đàn ông, phải có những điều kiện về thể xác và tinh thần như 7 người Mỹ kia mới được.

— 7 người như thế nào, hả Minh ?

— Toàn là các vị anh hùng trong trận thế giới chiến tranh vừa rồi : 2 trung tá, 3 đại úy, 2 trung úy, từ 32 đến 37 tuổi. Cao từ 1m 67 đến 1m 77. Người nào cũng có vợ có con rồi. Hiện giờ họ đang tiếp tục huấn luyện mỗi ngày.

— Họ luyện cách nào, và họ sẽ đi cách nào ? Minh nói rõ cho em nghe.

— Đề kỳ sau anh sẽ nói thật rõ, đề Minh có thể theo rồi cuộc hành trình của họ trong chiếc phi thuyền lên Trăng và họ sẽ đổ bộ trên mặt Trăng như thế nào. Và

sẽ trở về mặt Đất như thế nào.

— Minh nói bây giờ đi !

— Khuya rồi, Minh ơi ! Minh xem đồng hồ dây này, 12 giờ. Anh đã ngáp rồi đấy !

— Thì Minh vừa nói chuyện vừa ngáp cũng được chứ sao ?

— Thôi, em ! Em cũng đã ngáp rồi đó. Câu chuyện lên Trăng còn dài lắm. Anh sẽ kể cho Minh nghe cả mùa Thu này mới hết.

— Thật nhé, Minh. Lần sau Minh sẽ kể tiếp rồi lần sau nữa, lần sau nữa, lần sau nữa nhé. Minh nói hết các thứ chuyện khoa học mới nhất về Mặt Trăng và về các hành tinh khác nhé ? Minh đồng ý chứ ?

— Rồi.

— Không được, Minh hay quên lắm ! Em phải ghi trên agenda của Minh câu này đề lần sau Minh nhớ :

15 - 10 - 60 : « CÂU CHUYỆN LÊN TRĂNG SẼ KỂ TIẾP »...

Diệu Huyền

NGHÊ - THƯỜNG

VŨ - Y



HÀNG-NGA tiếp ĐƯỜNG-MINH-HOÀNG

Q U Ả NG - hàn-cung, một đêm Trung - thu.

HÀNG - NGA, đấng Ái-chủ đương ngự ở trên bệ ngọc. Một ánh sáng mừng lung, huyền ảo, tỏa ra chung quanh ngọc thể của Nàng với tất cả cái khiết-bạch mà bao vạn thế kỷ nay bụi trần chẳng hề làm mờ ám đi được mấy may.

Đứng hầu hai bên bệ ngọc, là hai tên lính hầu, KIM-THIỆM và NGỌC-THỐ, một tên cầm ở tay một cây ngọc-địch, một

★ VI-HUYỀN-ĐẮC

tên cầm một cái cối mã-nào và một cái chày kim-cương.



KIM-THIỆM.—Tâu Nương nương, đêm qua trong khi xa giá du hành trên các dải Ngân-Hà, tiểu Thiêm đã lựa được mấy khúc dịch mới... Tiểu-thiêm xin phụng-tấu để Nương-nương thưởng thức...

HÀNG-NGA.— Ngươi hãy tấu ta nghe.

Kim-Thiêm liền nâng cây ngọc-dịch và thổi lên, thì tiếng trầm, tiếng bổng, vang dậy như xuyên vân liệt thạch, và tỏa ra khắp chín cõi vân tiên.

NGỌC THỐ.—Tâu Ái-chủ, con cũng đã luyện được hai hoàn my-được.

HẰNG NGA.—À, á, người hãy đưa ta coi !

NGỌC THỐ, (*vừa dâng hai hoàn thuốc vừa nói*).—Tâu Nương nương, hai hoàn my-được này có đủ hiệu lực để ru người trần thế trong cõi mộng yêu đương của họ, ít ra cũng được trọn một tháng trời !

HẰNG NGA.—Ta cảm ơn người !... Nhưng, Ngọc Thố, trong khi ta vân-du đêm qua, ta nhận thấy, người trần hơi có vẻ lo lắng, lạnh nhạt với các cuộc lương duyên tức trái do số mệnh đã an bài. Vậy, người phải thận trọng hơn về việc chế luyện my-được của người !

NGỌC THỐ.—Tâu Nương nương, điều chênh mảng mà nương nương vừa nhận thấy, là do ở lỗi thiếu nhiệt tâm của Kim Thiêm khi anh ta tấu những khúc ngọc-dịch !

KIM THIÊM.—Anh Ngọc Thố lạ lùng thật ! Trong khi anh luyện linh hoàn của anh, thì tôi thổi sáo. Có đêm nào, tiếng ngọc-dịch của tôi không vọng theo xa-giá của nương nương và có bao giờ, nó thiếu dư-dương hay kém my-lực không ?

NGỌC THỐ.—Phải, tôi vẫn công nhận rằng anh không hề trễ nải trong phận sự của anh, nhưng, có một điều xác thực, là anh không để hết tâm trí và thành khẩn vào đó.

KIM THIÊM.—Tôi không để hết tâm trí và thành khẩn vào phần việc của tôi ? Anh nói lạ ! Tôi, thì tôi tin chắc rằng, sự lạnh nhạt của người trần chỉ có mỗi một nguyên nhân : anh đã để thiếu sót một vật liệu gì đó trong việc chế luyện my-được... Với lại, anh có biết không, anh có cần-cù già thuốc đâu, luôn luôn anh bỏ cái cối thuốc để chạy rong khắp nẻo !

NGỌC THỐ.—Tôi chạy rong ? Còn anh, không mấy lúc mà tôi không bắt gặp anh ngáp dài !

HANG-NGA.—Thôi, thôi, các người không được cãi cò nhau như vậy ! Ta hiểu cho các

người. Ngọc - Thổ cũng như Kim-Thiểm, các người vẫn tận tâm trong phận sự. Nhưng trước hết, các người phải nhớ rằng cái trọng-trách mà Đức NGỌC-HOÀNG THƯỢNG-ĐẾ đã giao cho ta, nó quan-hệ biết chừng nào ! Các người phải chăm chỉ giúp ta, để trừ cho hết bao sự ghét ghen, hờn giận ; để ta lỗi tất cả si - nam, oán-nữ ở cõi trần, trở lại tha thiết yêu-thương nhau. Tình huynh-đệ hòa - hiệp của loài người phải được duy-trì đúng với ý muốn ưu-ái của Ngọc-Hoàng. Vậy thì, hai người phải tận-tâm, tận lực giúp ta. Ngọc-Thổ ! my-được của người phải mỗi ngày, mỗi được hiệu-nghiem hơn lên !... Còn Kim-Thiểm, điệu sáo của người phải du - dương, mê ly hơn nữa !... Các người còn phải nhớ từ nay, các người không được ganh thì, cãi cọ nhau như hôm nay nữa... Ở chốn Thiên-cung này, chư tiên đều nhất luật phải trừ diệt hết mỗi hiềm khích và đồ kỵ xấu xé người hạ giới, các người đã nghe chưa ?... Bây giờ, Ngọc-Thổ hãy gõ mấy tiếng vào cối ngọc để triệu QUẾ TIÊN và

ĐÀO TIÊN cho ta...

Ngọc Thổ liền gõ cái chày gõ một hồi vào cối cối ngọc. Lập tức, hai nàng Tiên-ngà xuất hiện ra và quỳ dưới bệ ngọc.

HAI TIÊN NGÀ.—Tâu nương nương, Đào-tiên và Quế-tiên đương kính cẩn thỉnh lệnh !

HÀNG NGÀ.—À, hai em hãy báo cho chư Tiên hay, hôm nay, ta sẽ tiếp đón một vị thượng-tân.

HAI TIÊN NGÀ.—*(tỏ vẻ ngạc nhiên)*.— Dạ !... Nương-nương tiếp tân ?

HÀNG NGÀ.—Phải. Thù-tiếp các tân khách, xưa nay, vẫn là một việc rất hiểm ở Quảng-hàn-cung, nhưng trong khoảng thời gian vài chục ngàn năm, nhân một dịp phù-khí, bỗng ta thấy có hừng thú tiếp đãi một người khách lạ của trần giới...

HAI TIÊN NGÀ :*(lại càng kinh ngạc)*.—Tâu, một kẻ của chốn Trần-tục, lên đây ă ?

HÀNG - NGÀ.—Phải đó, hai em ! Tuy là ở cõi Trần-tục nhưng vị thượng khách này không phải là một thường-nhân, mà là một vị Thiên-Tử, con của

Ngọc-Hoàng Thượng-Đế.

HAI TIÊN NGÀ.— Vị chủ-tể của hạ-giới ?..

HÀNG-NGÀ.— Phải, đây là Vua Đường-huyền-Tôn của xứ Trung - Quốc. Nhân, từ khi người lên ngôi cửu-ngũ, ngày đêm người vẫn sùng ái ta và hằng mong-mỏi được lên báiyết ta. Lòng ngưỡng-mộ chân-thành và sự khẩn cầu nhiệt-liệt của người đã mạo vâng, đột-vự, và thấu tới Thiêm cung, nếu ta đã chuẩn hứa lời thỉnh-cầu của người. Chỉ trong giây-lát, người sẽ tới đây ! Vậy hai em hãy báo tin cho các vị Tiên Nga sắp sửa một cuộc tiếp rước rất long trọng. Phải có đủ : yến hội bàn đào, vũ khúc nghệ thường, cùng là độc-tấu ngọc-dịch của Kim - Thiêm. Ta muốn, trong muôn ngàn năm về sau, người hạ giới sẽ còn nhắc tới mãi, cuộc yến hội này, các em nghe chưa ?

HAI TIÊN NGÀ.— Phụng mệnh !

Hai vị tiên nga đi ra khỏi cung Quảng-hàn.

HÀNG-NGÀ (*quay lại ra lệnh cho Kim Thiêm và Ngọc Thố*).— Trong khi ta đi sửa soạn, hai người hãy bày biện : thắm, niệm,

ra đây, cùng là các đồ văn bảo như : bút, mực và cánh thiệp hồng đào.

Hàng Nga đi vào trong nội điện. Kim Thiêm và Ngọc Thố loay hoay bày biện.

Một lát, Nhận Tiên chạy tới.

NHẬN TIÊN.— Ôi này ! Thiêm huynh và Thố - huynh, nương nương đang ngự ở đâu ?

NGỌC THỐ — Nương-nương đương sửa soạn trong nội điện. Nhận-tiên muốn tâu việc gì vậy ?

NHẬN TIÊN.— Thưa, hiện có vị Thiên tử nhà Đường dưới Trung-quốc đã lên tới nơi, Người đương đợi lệnh ở ngoài Thiên môn.

KIM THIÊM.— Phải, chúng tôi đương đợi để tiếp đón người, đây ! Để tôi vào nội điện tâu với Nương nương.

Kim Thiêm đi vào nội điện.

NHẬN TIÊN.— Còn tôi, tôi trở ra thiên môn.

NGỌC THỐ.—À này ! Nhận muội, thông thả, tôi bảo đây ! Tôi có điều này căn dặn muội muội. Vị Thiên tử ở trần gian dầu là Con trời thiết đấy, nhưng, muội muội cũng phải đề phòng cho lắm, vì, hân ta

chẳng qua cũng chỉ là một gã phạm tặc của hạ-giới, nhĩ dĩ ! Muội-muội chớ để cho gã đụng tới muội-muội, chỉ một ngón tay út của hắn chạm vào thân thể của muội-muội, cũng đủ làm cho muội-muội biến thành một tặc-nữ ! Mà, một khi đã thành tặc-nữ, thì muội-muội sẽ bị đuổi xuống phạm trần đấy nhé !

NHẠN TIÊN.— Thế là thế nào ?

NGỌC THỎ.— Thế nghĩa là muội-muội sẽ không còn được trường sinh ở chốn Thiên-cung cực lạc này nữa. Muội-muội sẽ bị đẩy xuống Trần gian để sống với người phạm tặc, trong đời gió bụi, chịu đau khổ, bệnh tật rồi chết !

NHẠN TIÊN.— Có thiệt vậy không, hay Thổ-huỳnh chỉ tìm cách dọa tôi ?

NGỌC THỎ.— Dọa muội-muội làm chi ? Muội-muội phải biết, luật lệnh của Ngọc-hoàng thượng-đế rất đời nghiêm-minh, khắc trực ! Kẻ nào dám cưỡng lại, lập tức sẽ bị biếm trích, để trở thành cát bụi !

NHẠN TIÊN.— Cảm ơn Thổ-huỳnh... Tôi sẽ đề phòng,

không cho hắn đụng vào người tôi.



Trong khi Nhận-tiên đi ra khỏi thiềm cung, thì màn từ từ hạ, rồi lại được kéo lên ngay. Hằng-Nga lại ngự ở trên bệ ngọc và có Kim-Thiểm, Ngọc Thỏ đứng hầu hai bên, như lúc ban đầu.

Trên các bậc thềm, có hai hàng Tiễn nga, đứng dàn châu, người nào cũng lung linh, kiêu-diễm. Họ mang những tấm " nghề-thường ", rực-rỡ năm màu, và những bộ " vũ-y ", làm toàn bằng lông tơ của con thiên nga, rung rinh thanh-thí, trắng muốt như tuyết. Nếu đứng lùi ra xa mà nhìn, bảy Tiễn nga đó biến thành hai dải " cần vồng ", với muôn màu sắc rực-rỡ long lanh.

Bỗng Nhận-tiên vào, quỳ tâu trước mặt Hằng-Nga

NHẠN-TIÊN.— Muôn tâu, có vị Thiên-tử nhà Đường Trung-quốc giá lai !

Hằng-Nga ở trên bệ ngọc bước xuống, để tiếp đón vua Đường Minh Hoàng. Một bản tiên nhạc chấp chới vang lừng ; cả vũ trụ như say mê bản ca thiêu của Tiễn cung.

Đường đế vốn là một bậc phong lưu thiên tử, nên có một thái độ trang nhã, ung dung. Người chấp hai tay, cúi đầu chào vị chúa của cung Quảng-Hàn. Hằng Nga cũng đáp lại bằng một nụ cười duyên dáng : « Ngọc diện hàm tu xuân bất lộ, Đan thần vị khải, tiến tiến vãn ! » (Mặt ngọc thẹn thùng, nét xuân vẫn kín, mới hồng mới nở, tiếng cười đã vang).

HÀNG NGA.— Thiết là vạn hạnh cho nơi Nguyệt - điện có lãnh này; đây là lần đầu tiên, chúng tôi được có cái vinh quang tiếp rước một vị Hoàng-đế của Trần giới !

ĐƯỜNG MINH HOÀNG:
Xin Hằng-Nga ái chủ chớ quá khiêm nhượng ; cái vinh quang đó chính là của quả nhân, mới đúng. Bao ngày chờ đợi, ước-mong, nay quả nhân mới được diện bái ái chủ, để dâng lên Người, cả một tấm lòng ngưỡng mộ chân thành !... Nếu Người không vì quả nhân mà cho chư Tiên đặt trên chín tầng mây chiếc cầu Kim Ngân lửa thì làm sao kẻ phàm tục này có thể lên tới được nơi Tiên cảnh ảo-huyền này !

HÀNG NGA.— Hoàng - đế

quá lời hoan tưng làm cho chúng tôi càng thêm bối rối!.. Cứ bình tĩnh mà nói, Thiên tử tuy ngự-trị ở cõi trần phàm, nhưng Người vốn cũng là một vị Tiên của Thiên cung, vậy xin Người chớ quá khách khí và Người cứ coi chúng tôi như một ngự-muội !... Xin Bê-hạ hay an-vị cho...

MINH - HOÀNG.— Đa tạ ái chủ ! (Nhà vua ngồi xuống đối diện với Hằng-Nga ở trên thềm) Quả tình, không rõ, kiếp trước, kẻ phàm tục này đã khéo đường tu thế nào, mà ngày nay lại được đấng ái-chủ đoái tưởng đến như vậy ?

HÀNG NGA.— Bê-hạ không tự lĩnh-hội đầy thôi, chứ cái tâm linh đa tình nhiệt-ái của Bê-hạ, cũng đã đủ để nâng chân-thân của Bê-hạ lên tới chỗ cực đỉnh của nhân gian. Và lại, sự chân thành của Bê-hạ, một ngày kia, thế nào cũng sẽ được đức Ngọc-Hoàng đoái thương mà cho Bê-hạ trở lên cõi Thiên-tiên cực lạc ! (Nói giút lời, Hằng-Nga quay lại phía Ngọc-Thổ) Ngọc Thổ, con hãy ra lệnh cho chư Tiên bày yến-hội !

Ngọc Thổ liền gõ một hồi dài lên cội ngọc. Một đoàn Tiên-

nga bung ra những chiếc đĩa vàng, trên đây trái bàn đào, to, tròn, mọng những nước, với làn da phớt hồng, mơn mớn như gò má đào của các nàng Tiên, đương tuổi xuân hơ hớ.

Hằng nga, niềm nở, cầm lấy một đĩa đào, hai tay nâng lên ngang mày, đưa mời nhà Vua. Nắm xong một trái, nhà vua tỏ vẻ vô cùng khoái trá.

MINH HOÀNG.— Những trái bàn đào của Nương tử thật là quý giá vô song. Sao mà nó lại thơm, ngon, dịu, ngọt đến nhường này ! Cho dầu những trái cây ngon, quý, tói bậc nào của tể quốc, cũng không thể nào ngon bằng... Đào tiên có khác !

Nhà vua ăn luôn một lúc mấy trái, và mỗi lần ăn xong, nhà vua liền cầm cái hột giấu vào ống tay long bào. Hằng Nga liếc mắt nhìn thấy.

HÀNG NGA.— Với một nụ cười, và một khoe mắt đầy trố trên, hỏi nhà Vua :

— Bệ-hạ tha cho cái tội đường đột của chúng tôi... xin Bệ-hạ cho chúng tôi rõ, Bệ-hạ giữ những cái hột đào đó vì một dụng ý gì kia ạ ?... Nếu Bệ-hạ

thiết cần tới, chúng tôi có thể ra lệnh cho chư Tiên, đem dâng Bệ hạ mấy thúng cũng có.

MINH . HOÀNG.— Chẳng dám giấu giếm Nương-tử, quả nhân thấy những trái đào này thật là quý báu vô tỉ, nên quả nhân muốn đem mấy cái hột đó về hạ giới, để trồng, lấy giống.

HÀNG - NGA (cười nửa miệng).— Nhưng tâu Bệ hạ, chỉ hiềm một nỗi, những cây bàn đào này, ba ngàn năm mới nở hoa và ba ngàn năm mới kết quả !... Ngay ở trên cõi tiên này, chỉ riêng ở trong thánh-uyển của Đức Tây-vương-mẫu mới có giống đào này thôi !... Không những thế, chúng tôi e rằng, đất ở trần giới không thích hợp cho cây Tiên-Đào !

MINH - HOÀNG.— Quả nhân, mất thịt, người trần, nên không hiểu thấu được những lẽ huyền bí đó ! Quả-nhân thiết lấy làm vô cùng hổ thẹn...

HÀNG NGA.— Bây giờ, các Tiên nga xin biểu diễn khúc « NGHỀ-THƯỜNG VŨ-Y », để Bệ-hạ hoan thưởng.

Nói xong, Hằng-nga vỗ tay ra hiệu.

Tức thời, các Tiên nga đương đứng túc trực, liền sắp hàng, để vũ đạo theo điệu nhạc-thiệu của Thiên-cung, và điệu ngọc-địch của Kim Thiềm.

Toàn thể vũ-đội lượn múa y như một chiếc « cầu vồng » linh động, rực rỡ muôn màu. Thoạt đầu tiên, sự giao truyền nhẹ nhàng như gió lướt, mây trôi ; sau, điệu múa và điệu nhạc cứ lần lần tăng tốc độ, để trở thành loang loáng như mưa sa, gió táp, như thác đổ, mà làm cho vua Minh Hoàng phải mê hồn, lạc phách !

Trong khi ấy, Hằng nga lấy bút

ghi trên những cánh thiệp hồng, tất cả chi tiết và biến tượng của vũ khúc, rồi trao cho nhà Vua, làm kỷ niệm.

Và, cũng từ đó, dưới trần gian mới có vũ khúc « Nghệ - thường vũ-y » vậy.

Ấn trái Đào Tiên và nghe điệu Nghệ-thường, Vua Đường Minh Hoàng say mê, thim thóp ngủ quên. Một đêm đầy mộng ảo, huyền mơ. Đến khi tỉnh giấc, ngó quanh quán, thì nhà Vua đang nằm trên lounge sán, ở Hạ giới !..

Viết tại Hoàng-mai-hiền

VI. HUYỀN-ĐẮC

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233 Phạm-ngũ-Lão — Saigon — Điện thoại 20.447

Sở thương mại : Saigon số 640A

Trương mục kho bạc Saigon số 9657

Quốc gia danh bộ số :

25

129

54

001

NHẬN ✧ In sách báo, các loại sổ sách, giấy tờ, văn phòng bằng Việt, Pháp, Anh, Hoa ngữ.

✧ In lịch treo — lịch bỏ túi — nhãn hiệu bao hộp — đóng sách đẹp.

✧ Cung cấp dài hạn ấn phẩm và dụng cụ văn phòng cho công sở, tư sở tại Saigon và các Tỉnh.

✧ Có xưởng máy cung cấp các thứ phù hiệu cho các hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquettes) lớn, nhỏ, đủ loại, đủ cỡ. Màu đẹp, bền, không phai.

Thư từ, ngân phiếu xin đề :

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ DIỆU-HUYỀN

★ Cô Hồng-Ánh, Nha Tổng giám đốc Thê-Thao và
T. N.

Chữ « OSCAR » không có trong Tự điển nào cả, tuy nó là một danh từ đã được thông dụng trên 20 năm nay. Nó xuất hiện trong ngữ vựng quốc tế một cách ngẫu nhiên, do một nhà báo Mỹ phóng ra. Đây là lai lịch và ý nghĩa của chữ Oscar. Năm 1931, một thiếu nữ xinh đẹp được nhận vào làm việc trong Hàn-lâm-Viện Nghệ thuật và Khoa học Điện ảnh của Mỹ. Chợt thấy một pho tượng mạ vàng tiêu biểu một hình người Hy Lạp thời Thượng Cổ cao độ 25 phân đứng trên một cái bàn, nàng tự-nhiên thốt ra một câu : « Ô, pho tượng này giống hệt ông chú Oscar của tôi ! ». Một ký giả điện ảnh thuật lại câu chuyện vật ấy trên tờ báo của chàng, rồi từ đấy người ta đặt luôn cái tên Oscar cho các pho tượng đồng, hoặc mạ vàng hay mạ bạc dùng làm giải thưởng quý giá trong giới Điện ảnh Mỹ.

Ngày nay, cái tên Oscar đã thành danh từ thông dụng trong điện-ảnh Quốc tế.

★ Cô Ngọc Dung, Phú nhuận

Ông Thiệu Sơn viết trong *Phở Thông* chính là tác giả bài đăng trong *Giáo Dục P. T.* mà cô nói đó.

★ **Cô Lan Phương — Sài Gòn**

Cô có thể viết thư trực tiếp hỏi Ô. Nguyễn văn Hòa, Ty Hợp tác xã và Nông-Tín, Vĩnh-Bình.

★ **Bạn V. V. Quân, Gia định.**

Về chứng bệnh của bạn, xin coi lại mục "Đáp bạn bốn phương", P. T. số 41, ngay câu đầu, trả lời bạn T. N. Hội An.

★ **Ô. Tôn thất Số, k. b c. 4335**

Ông làm đơn nói rõ ý muốn của ông, làm với tất cả các "Livrets scolaires" 1942-1946, đến ông Ty trưởng Ty Tiểu học nơi Địa phương của ông đang làm việc. Ở đây, người ta sẽ trả lời cho ông rõ : hoặc cấp cho văn bằng Tiểu học, hoặc thi lại.

★ **Ô. Đặng thành Quý, giáo viên Mỹ Hiệp, An giang**

● *Hoàng Triều cương thổ (Domaine de la Couronne)* là các đất đai ở miền cương Việt-Nam, thuộc riêng về Triều Nguyễn gồm các lãnh thổ ở các miền Sơn cương Bắc-việt và Trung-việt (các dân tộc thiểu số) Danh từ và chế độ "Hoàng triều cương thổ" do người Pháp và vua Bảo-Đại đặt ra từ Hiệp định Bảo-Đại Vincent-Auriol (1948) Từ ngày thành lập chánh thể Cộng-Hòa Việt-Nam, chế độ H.T.C.T. tự nhiên bị bãi bỏ.

● **Long-Biên — Hà-Nội — Thăng-Long —** Từ hồi nước ta tên là **Giao châu** (Bắc thuộc lần thứ hai) dưới đời Đông-Ngô (222-277). Thái thú Sĩ Nhiếp đã đặt kinh đô Giao-Châu tại thành **Lóng Biên**.


Việt-Nam độc lập dưới đời Tiền Lý (544-602) Lý Nam-Đe vẫn giữ kinh đô **Long Biên**.

Bắc thuộc lần thứ ba, đời nhà Đường (618-907) Giao châu bị đổi thành **An Nam** do họ **phủ** (danh từ "An Nam" bắt đầu có từ đây) Thành Long-biên đổi thành huyện **Hà Nội**.

Đời Lý thái Tổ (1010-1028) Long biên đổi thành **Thăng-long**, tên nước đổi là **Đại Việt**. Đời Gia-long (1802-1819) tên nước đổi là Việt-Nam, Thăng-Long đổi ra **Bắc thành**. Đến khi người Pháp sang, đổi lại Hà-Nội.

★ **Bạn Trang Quang-Hồng, Saigon**

● "Sinh con rồi một sinh cha, sinh cháu giữ nhà rồi một sinh ông" Phải có con rồi mới được làm cha ; phải có cháu rồi mới được gọi bằng ông.

● Không nên lầm lẫn dấu hiệu chữ *Vạn* của Phật, tiếng Phạn gọi là *Svastika* : , với croix gammée của Đảng Quốc xã

Đức : , theo tiếng Phạn là *Sauvastika*. Hai dấu không giống

nhau. Dấu *Svastika* hàm ý-nghĩa luân chuyển, tượng trưng bánh xe của luân hồi, *Samsara*. Còn *Sauvastika* dựa theo mẫu tự *Gamma* của Hy-lạp được dùng làm nốt âm-nhạc đầu tiên, thời Trung-cổ.

● Câu *Kim ngọc kỳ ngoại...* có thể đồng nghĩa với câu ca dao :
« Trông thì bóng-bầy ngoài da,
Trong thì ghẻ lở tiêm-la tám từng.

✧ **Bạn Hồng Hà, Miền-lại, Hoài-đức, Bồng Sơn.**

Bài thơ trào phúng nói lái :

• Chú phình » tôi hoài « chính-phủ » ơi !
• Chiến-khu » thu lúa « chú khiêng » rồi !
• Thi-dua » chi nữa « thua đi « mãi,
• Chú phình » tôi hoài « chính-phủ » ơi !

tôi cũng có nghe mấy người quen ở Bưng-biển về đọc, vào khoảng 1950-51, nhưng không biết tác giả là ai.

✧ **Ông H.H.T., Phan Rang.**

Ông cứ làm theo lời ông bạn của ông ở Tòa-án chỉ bảo. Còn kết quả thế nào, bao lâu, do sự minh xét của Tổng Thống.

✧ **Ô Nguyễn hải Âu, Nha Trang**

Trong các trường hợp trẻ con bị bệnh nguy-cấp như thế, chỉ có một giải pháp, là lập tức đem đến Bác sĩ ở địa phương khám xét, không thể chỉ bảo bằng một bài báo được.

✧ **Bạn Trần thị Bạch-Vân, Huế**

● Phải có một hải riêng dài năm sáu trang mới giảng-giải rõ ràng được về các hiện-tượng bạn hỏi : « Vòi Rồng » Raz de Marée, luồng gulf-stream, Cuori-Chivo, Thủy triều, Nam-châm, v.v...

● Dầu hỏa là một chất thiên nhiên, ở dưới mặt đất như các loại kim-khí.

✧ **Ô. Lương trọng Minh, Saigon.**

Đăng những bài về tài liệu Lịch sử, như cái chết của T-

thư Thâu .. không phải là « làm chính trị ». Xin cảm ơn bài thơ vui ông gửi tặng Diệu Huyền.

✱ **Cậu học sinh đường N.T.T. — Nha trang.**

Hoàng tử Cảnh là con vua Gia Long, tên là Nguyễn - phúc - Cảnh.

✱ **Bạn Bạch-Thanh-Quang, Sa đéc.**

● Trong bài « *Sonnet d'Arctes* », câu thứ tám : « N'osant rien demander » chứ không phải « demandé » như trong quyển « Học tiếng Pháp bằng đôi phút thanh »

Câu thứ 11 : « Ce murmure d'amour élevé sous ses pas »

● Chữ *Girofle* trong « Tự-diễn yếu lược » của Đào-văn-Tập đề : « N. f. » == « cây đinh hương », là sai.

Girofle, N. m. == nụ hoa của cây đinh hương. Cây đinh hương là *groslier*.

✱ **Ô. Nguyễn Lễ, 15, Lê thánh Tôn, Biên Hòa.**

Xin cảm ơn thịnh tình của ông. Rất tiếc chúng tôi không có ảnh.

✱ **Bà Sương Thu, B.N. đường Tự-Do, Saigon.**

● S.O.S. là ba chữ Anh viết tắt : Save Our Soul (Hãy cứu linh hồn chúng tôi), nguyên thủy là tiếng kêu cứu của các tàu bị nạn ngoài biển — Dùng rộng nghĩa, là tiếng kêu cứu trong những tình thế nguy hiểm.

● Viết thư đề : C/o... là viết tắt hai chữ Anh : Care Of... (tiếng Pháp : Aux bons soins de...) gần như ý nghĩa « nhờ... chuyển... » Ông X... C/o ông Y...

(Gửi ông X., nhờ ông Y... trao gửi)

✱ **Ông Hy Sơn, Bến Hàm Tử, Saigon.**

● Đức Khổng Tử sinh năm 551, chết năm 478 trước JC, thì ... không phải là « sinh năm sau, chết năm trước ». Đức Khổng tử nguyên của JC. (Jésus Christ), thì năm sinh ...

J.C. là năm thứ 1 của Thế kỷ I. Chúng ta sống năm 1960. Thế kỷ XX, là 1960 năm tính từ năm J.C. xuất thế, nghĩa là 20 Thế kỷ. Còn từ năm sanh của J.C. trở về trước thì cũng tính từ năm 1 trở lên, 2, 3, 4, v.v... Vì thế nên, tính theo kỷ nguyên Kitô giáo, Đức Khổng Tử ra đời 551 năm trước J.C., sống đến 479 năm trước J.C. nghĩa là vào thế kỷ thứ V trước J.C.

● *Laughable* : risible (Buồn cười). Chữ risible nguyên là tiếng Pháp, (do chữ Rire : cười) tiếng Anh cũng dùng, nhưng ít thông dụng bằng chữ *Laughable*. (To laugh : cười).

✧ **Cô Trần-thị-Thư, Saigon.**

● Về việc dùng con mắt lành thay vào con mắt hư, cô nên hỏi Bác sĩ chuyên môn.

● P.T. đã hết từ số 1 đến số 20. Còn từ số 21 đến số 35 cô có thể đến mua tại tòa soạn, giá 10\$ một cuốn.

✧ **Bạn Ng. văn. Tỉnh KBC 4480.**

● Thời buổi văn minh tiến bộ nhất là về vật chất, có đủ các tiện nghi sinh hoạt, các vị sư ở các ngôi chùa đồ sộ không thể làm được như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi dưới gốc cây Bồ đề. Cũng như các Giáo sĩ, Tu sĩ các tôn giáo khác cũng không thể làm theo như Chúa Jésus, hoặc một Chúa khác mà đi chân không, sống nghèo nàn thanh bạch giữa bãi sa mạc, hoặc trên bờ sông Jourdain.

☆ **Một sinh viên Đại-Học, Huế.**

Bà Trương Phổ hiện nghỉ ở Đà Lạt. Chúng tôi không rõ địa chỉ.

✧ **Ông Lưu vọng Điền, Hòa Thanh — Quận Long — An Xuyên.**

Hai ông N.Q. và B.K. tranh luận nhau về một trang Lịch sử đen tối của nước nhà, không sao tránh khỏi một vài chỗ đã kích nhau, chính vì đó là cuộc tranh luận giữa hai quan niệm lịch sử chống hẳn nhau, miễn là không đi quá mức nhĩa độ văn hóa. Chúng ta cũng nên thông cảm với lẽ thường tình ấy, mà rộng lượng dung thứ cho họ.



★ NGUYỄN HIỆU và NGUYỄN THÀNH

(của cô Ngọc Dung, Phú Nhuận)

Báo P.T. vừa rồi, bạn Hồ-Phương ở Huế có hỏi tên hai ông NGUYỄN HIỆU và NGUYỄN THÀNH. Tuy có D.H. đã dày công tham khảo các sử sách, nhưng cô không tìm thấy 2 tên ấy đâu cả. Vậy tôi xin mách giùm cô.

● NGUYỄN HIỆU (thường gọi là ông Hoàng Hiệu) là người làng Thanh-Hà, Điện-Bàn, tỉnh Quảng-Nam, xuất thân ở cửa Không sân trịnh, làm quan lớn đến hàm Hoàng lộ tự Khanh, sau chuyển lại Pháp, đã tham gia cuộc bạo động xin râu (sưu thuế) năm 1908 tại tỉnh nhà và bị lên án chặt đầu. Tôi thấy chỉ có hai thành-phố Hội-An và Huế là có tên đường Nguyễn Hiệu mà thôi. Ý hẳn danh ông cũng không được phổ biến cho lắm, cho nên trong các sử sách cũng không có, ông là tác giả một bài thơ chữ Hán rất tuyệt tác sau đây :

Cần vương thế giữ Bắc Nam đông,
Vô ngại khương tương lộ vị thông
Vạn cổ cương thường vô Ngụy Tháo,
Bách niên tâm sự hữu Quan Công.
Thiên thơ phận dĩ sơn hà định,
Địa thế sâu khan thảo mộc cùng
Kỷ ngữ phù trăm tư thế đã,
Hưu trương thành bại luận anh hùng.

NGUYỄN-HIỆU

● NGUYỄN THÀNH chính tên thật của Cụ-Tiểu-Lao hoặc Nguyễn Triết Phu là người quê quán làng Thanh-Mỹ, phủ Thăng-bình, tỉnh Quảng-Nam. Ông là một đảng viên Cần-vương trọng yếu và là vị chủ mưu cuộc Đông Du của Sào-Nam tiên sanh. Sau này bị bắt và bị đày ra Côn-dảo. Nhưng chứng bệnh "phế uất" cũ lại phát sanh, có lúc thổ huyết cả bát, rồi mạng chung tại đấy.

Khẩn khí về thơ chữ Hán của Tiểu-La tiên-sanh cũng ghê lắm.
Tỷ du vịnh con cóc, có 2 câu :

• *Thiên địa bất bình nan bế khẩu.*

Phong vân vị chí thả mai đầu.

TIỂU-LA

Tạm dịch :

• *Trời đất bất bình khôn ngậm miệng*

Gió mây chưa đến hãy chờ đầu •

(Tài liệu rút trong cuốn « Tự Phán » (di cảo cụ Phan Bội Châu,
nhà xuất bản Anh Minh, năm 1956).

*** Bài thơ của Vua Minh.- Mộng.**

(của ông Phan-quang-Thế, Nha Tổng Giám-đốc các T.T.C.H...
17 Đinh-Tên-Hoàng, Saigon).

... Nhận thấy quý Báo còn thắc mắc về tác giả và nguyên văn
của một bài thơ mà mọi người đều truyền tụng là của Vua Thành
Thái, không dám mua riu qua mắt thợ, tôi xin kính cần gửi theo đây
một vài tài liệu của tôi đã sưu tầm, để giúp quý Báo công hiến báo
độc.

Bài thơ nguyên văn xin chép ra đây :

Nội ngoại quần liên nào cấm-bào,

Vạn dân dĩ trảm thị tứ bào,

Tam hồi mỹ-tửn quần-lê huyết,

Nhứt trùng huyết cánh bá tánh cay,

Nhơn luy lạc hồ thiên luy lạc

Cao thanh cạo dã khốc thanh cao.

Ngưu đổng nhào vờ sải lưng rêu,

Không phụ hoàng au thị như tâu.

Thích ngâm :

Trưng người ngựa ở chốn đại-cử,

Dẫn con ruột-rà của quốc-hiêu

Đa chơn mưu ngoại là đại-hung

*Một tờ canh bèo mờ dầu dẫu.
Người rơi lụy đất trời rơi lụy
Hát tiếng rân là khóc tiếng rân
Nỡ để trần dề bao cạp giữ
Các quan là bọn phụ hoàng dẫu.*

Tác giả bài này là Đức Vua MINH-MẠNG thảo ra đề khiến
vách những tham quan ở lại sau một buổi dạ yến tại Triều đình, theo
bộ *Phong Hóa Tập Giải* của Dục Văn TRẦN - QUANG-
THUẬN...



CHIA VUI

Được tin, đến ngày 2-10-1960, bạn Lê-văn-Nhiếp tự
Lê-tâm-Việt, Giám-đốc Trị Sự nhật báo Ngôn Luận kiêm
Quản lý Tuần báo Văn Nghệ Tiền Phong, sẽ làm lễ thành
hôn với cô Nguyễn thị Ly Mai.

Xin thành thực chúc mừng đôi tân lang và tân giai
nhân bách niên giai lão.

TRONG TẤU

TÌM Ở ĐÂU ?

Đó là loại hàng mới nhất dễ may quần
và complet tuyệt đẹp và hợp thời, bền, mát
và thoải mái, bảo đảm không phai màu.

Lần đầu tiên áo lớn được dựng bằng
toile Nylon infroissable, nên revers không
bị nhăn và quý vị mặc rất nhẹ.

Điện Tết Cộng Hòa thực là số dách.

MỸ TÂN

Hà Nội, 203 Phạm Ngũ Lão
(sau ga xe lửa) Saigon

THÔNG-CÁI

(Chứng khoán)

Bắt đầu từ tháng 10 năm 1960 mỗi tuần vẽ số Kiến-Thiết tổng từ 1.000.000 lên 1.999.000 vẽ được ghi số như sau :

... 800.000 vẽ mang danh mục A, B, C, v.v...

800.000 vẽ mang danh mục kép AA, BB, CC, v.v... đều đánh số như nhau từ 000.000 đến 799.999.

NGÀY MỞ SỐ : THỨ SÁU hàng tuần.

Tổng số các lô trúng mỗi tuần :

2	lô trúng Độc-Đắc mỗi lô.	1.000.000\$
6	— "	100.000\$
10	— "	50.000\$
64	— "	10.000\$
320	— "	5.000\$
1.600	— "	1.000\$
1.600	— "	500\$
16.000	— "	100\$
104	— an ủi	2.000\$

Saigon ngày 24 tháng 7 năm 1960

K. D. số 492/HĐKD Saigon, ngày 24-9-1960
 in tại nhà in TẤN-PHÁT 783 Gia-Long Saigon
 Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ